BDHP

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BCVT

TRUNG TÂM KHẢO THÍ
VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Thi lần 1 học kỳ I năm học 2021 - 2022

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1	B19DCDT005	Bùi Hữu Tuấn	**Anh**	D19CQDT01-B	8.0	7.0		8.0		50	33	10	10	103	**0**	Không đạt	01	
2	B19DCMR003	Đinh Thị Tú	**Anh**	D19CQMR03-B	8.0	7.0		8.0		50	66	20	70	206	**0**	Không đạt	01	
3	B19DCMR010	Nguyễn Thị Lan	**Anh**	D19CQMR02-B	8.0	8.0		8.0		H	H	H	H	H	**I**	Vắng có phép	01	
4	B19DCQT020	Trần Thị Hồng	**Ánh**	D19CQQT04-B	9.0	9.0		8.0		40	60	25	80	205	**0**	Không đạt	01	
5	B19DCCN069	Nguyễn Đình	**Bình**	D19CQCN09-B	8.0	7.0		8.0		60	70	65	95	290	**7.3**		01	
6	B19DCMR020	Nguyễn Thị	**Bình**	D19CQMR04-B	8.0	9.0		8.0		30	50	50	75	205	**5.1**		01	
7	B19DCQT029	Ngô Thị Kim	**Chi**	D19CQQT01-B	9.0	8.0		8.0		50	34	80	82	246	**6.2**		01	
8	B19DCAT024	Đặng Công	**Chức**	D19CQAT04-B	8.0	7.0		8.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	01	Nợ HP
9	B19DCQT042	Hoàng Thùy	**Dương**	D19CQQT02-B	8.0	7.0		8.0		30	35	45	60	170	**4.3**		01	
10	B19DCDT035	Lưu Ánh	**Dương**	D19CQDT03-B	8.0	8.0		8.0		20	12	10	10	52	**0**	Không đạt	01	
11	B19DCCN155	Nguyễn Ngọc	**Dương**	D19CQCN11-B	8.0	8.0		8.0		50	42	35	92	219	**5.5**		01	
12	B19DCQT053	Đỗ Thị	**Giang**	D19CQQT01-B	8.0	7.0		8.0		60	71	55	60	246	**6.2**		01	
13	B19DCMR070	Vũ Thị	**Hòa**	D19CQMR02-B	8.0	7.0		8.0		30	42	30	10	112	**0**	Không đạt	01	
14	B19DCMR082	Nguyễn Thị Thu	**Hương**	D19CQMR02-B	8.0	8.0		8.0		H	H	H	70	H	**I**	Vắng có phép	01	
15	B19DCDT114	Nguyễn Văn	**Kiên**	D19CQDT02-B	9.0	9.0		8.0		20	35	20	10	85	**0**	Không đạt	01	
16	B19DCQT087	Hoàng Thị Khánh	**Linh**	D19CQQT03-B	8.0	7.0		8.0		30	5	30	10	75	**0**	Không đạt	01	
17	B19DCMR109	Ngô Thị Tuyết	**Mai**	D19CQMR01-B	8.0	9.0		8.0		50	24	25	10	109	**0**	Không đạt	01	
18	B19DCCN423	Nguyễn Trọng	**Mạnh**	D19CQCN03-B	9.0	8.0		8.0		40	35	30	10	115	**0**	Không đạt	01	
19	B19DCQT107	Lê Thị Kiều	**Nga**	D19CQQT03-B	8.0	7.0		8.0		60	81	75	75	291	**7.3**		01	
20	B19DCQT120	Phạm Thị Hồng	**Nhung**	D19CQQT04-B	8.0	7.0		8.0		50	78	40	85	253	**6.3**		01	
21	B19DCQT123	Đinh Thị	**Oanh**	D19CQQT03-B	8.0	8.0		8.0		40	54	10	65	169	**0**	Không đạt	01	
22	B15DCCN406	Vũ Văn	**Phong**	D15CNPM5	8.0	8.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	01	
23	B19DCVT286	Trần Xuân	**Phú**	D19CQVT06-B	8.0	7.0		8.0		20	21	40	60	141	**0**	Không đạt	01	
24	B17DCVT286	Trần Đức Anh	**Quân**	D17CQVT06-B	8.0	7.0		8.0		20	8	15	40	83	**0**	Không đạt	01	
25	B19DCCN543	Ngô Văn	**Quyết**	D19CQCN03-B	8.0	8.0		8.0		40	36	30	10	116	**0**	Không đạt	01	
26	B19DCCN549	Đinh Khắc	**Sinh**	D19CQCN09-B	9.0	9.0		8.0		60	85	45	70	260	**6.5**		01	
27	B19DCCN550	Đào Thanh	**Sơn**	D19CQCN10-B	8.0	7.0		8.0		40	59	20	60	179	**0**	Không đạt	01	
28	B19DCDT215	Phạm Quang	**Thái**	D19CQDT03-B	8.0	9.0		8.0		50	67	15	80	212	**0**	Không đạt	01	
29	B19DCAT174	Phạm Văn	**Thanh**	D19CQAT02-B	9.0	8.0		8.0		40	40	29	70	179	**0**	Không đạt	01	
30	B19DCQT152	Nguyễn Thị	**Thảo**	D19CQQT04-B	8.0	7.0		8.0		20	20	20	10	70	**0**	Không đạt	01	
31	B19DCTM073	Nguyễn Thị	**Thắm**	D19CQTM01-B	8.0	7.0		8.0		20	13	10	10	53	**0**	Không đạt	01	
32	B19DCMR174	Nguyễn Thị Thanh	**Thùy**	D19CQMR02-B	8.0	8.0		8.0		30	27	25	10	92	**0**	Không đạt	01	
33	B19DCQT170	Nguyễn Thị Kiều	**Trang**	D19CQQT02-B	8.0	8.0		8.0		60	72	60	60	252	**6.3**		01	
34	B19DCVT412	Nguyễn Quốc	**Trọng**	D19CQVT04-B	9.0	8.0		8.0		50	27	30	93	200	**0**	Không đạt	01	
35	B19DCVT413	Trần Bình	**Trọng**	D19CQVT05-B	8.0	7.0		8.0		60	88	90	85	323	**8.1**		01	
36	B19DCAT167	Nguyễn Đức	**Tuấn**	D19CQAT03-B	8.0	7.0		8.0		50	35	65	75	225	**5.6**		01	
37	B19DCQT183	Trần Thị	**Vân**	D19CQQT03-B	8.0	8.0		8.0		50	62	30	65	207	**5.2**		01	
38	B19DCKT008	Lê Ngọc	**Anh**	D19CQKT04-B	9.0	8.0		7.0		75	65	80	100	320	**8**		02	
39	B19DCDT052	Nguyễn Tuấn	**Đạt**	D19CQDT04-B	9.0	6.0		7.0		15	56	58	60	189	**0**	Không đạt	02	
40	B19DCDT070	Vũ Văn	**Hạnh**	D19CQDT02-B	5.0	5.0		5.0		15	32	58	10	115	**0**	Không đạt	02	
41	B19DCCN726	Lê Thị Minh	**Hiền**	D19CQCN01-B	8.0	5.0		5.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	02	Nợ HP
42	B19DCAT079	Nguyễn Xuân	**Hoàng**	D19CQAT03-B	8.0	5.0		6.0		30	43	30	70	173	**4.3**		02	
43	B19DCCN285	Vũ Minh	**Hoàng**	D19CQCN09-B	8.0	7.0		6.0		95	91	87	90	363	**9.1**		02	
44	B19DCCN305	Đào Ngọc	**Huy**	D19CQCN05-B	5.0	5.0		5.0		50	83	61	70	264	**6.6**		02	
45	B19DCDT106	Nguyễn Văn	**Huy**	D19CQDT02-B	9.0	6.0		6.0		20	48	74	10	152	**0**	Không đạt	02	
46	B19DCQT083	Lê Hoàng Việt	**Khoa**	D19CQQT03-B	5.0	5.0		5.0		60	75	58	10	203	**0**	Không đạt	02	
47	B19DCKT108	Bùi Khánh	**Ly**	D19CQKT04-B	5.0	5.0		5.0		H	H	H	H	H	**I**	Vắng có phép	02	
48	B19DCKT111	Hoàng Thị Công	**Minh**	D19CQKT03-B	5.0	6.0		7.0		15	34	90	83	222	**0**	Không đạt	02	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
49	B19DCVT256	Phan Thanh	Minh	D19CQVT08-B	8.0	6.0		7.0		40	63	66	80	249	6.2		02	
50	B19DCCN463	Mai Trung	Nghĩa	D19CQCN07-B	9.0	7.0		7.0		35	70	85	80	270	6.8		02	
51	B19DCQT115	Trần Minh	Nhật	D19CQQT03-B	5.0	6.0		6.0		30	39	55	10	134	0	Không đạt	02	
52	B19DCKT132	Đoàn Thị Hồng	Nhung	D19CQKT04-B	8.0	6.0		7.0		75	57	90	80	302	7.6		02	
53	B19DCDT165	Đàm Trọng	Phong	D19CQDT01-B	7.0	6.0		7.0		40	61	59	80	240	6		02	
54	B19DCCN534	Vũ Anh	Quân	D19CQCN06-B	8.0	8.0		7.0		90	79	90	80	339	8.5		02	
55	B19DCCN540	Trần Vũ Minh	Quý	D19CQCN12-B	7.0	7.0		7.0		30	57	51	10	148	0	Không đạt	02	
56	B19DCDT181	Lê Văn	Quyết	D19CQDT01-B	8.0	6.0		7.0		45	39	64	10	158	0	Không đạt	02	
57	B17DCCN542	Trần Thái	Sơn	D17CNPM1	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	02	Nợ HP
58	B19DCPT198	Đỗ Quang	Tâm	D19PTDPT	8.0	6.0		6.0		10	20	50	10	90	0	Không đạt	02	
59	B19DCDT226	Đào Trần	Thao	D19CQDT02-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	02	Nợ HP
60	B19DCVT393	Nguyễn Đức	Thịnh	D19CQVT01-B	7.0	6.0		7.0		35	56	46	70	207	5.2		02	
61	B19DCKT166	Lê Thị	Thủy	D19CQKT02-B	8.0	7.0		7.0		10	45	66	70	191	0	Không đạt	02	
62	B19DCKT170	Ngô Thị	Thương	D19CQKT02-B	8.0	6.0		7.0		15	44	66	40	165	0	Không đạt	02	
63	B19DCCN596	Nguyễn Văn	Toàn	D19CQCN08-B	8.0	7.0		8.0		45	83	56	10	194	0	Không đạt	02	
64	B19DCKT178	Nghiêm Thị	Trang	D19CQKT02-B	9.0	8.0		8.0		100	41	75	60	276	6.9		02	
65	B19DCCN697	Mai Đức	Trung	D19CQCN06-B	5.0	5.0		6.0		15	57	53	V	V	V	Vắng	02	
66	B19DCCN700	Nguyễn Tuấn	Truyền	D19CQCN09-B	9.0	6.0		7.0		50	65	66	70	251	6.3		02	
67	B18DCCN678	Nguyễn Mạnh	Trường	D18CNPM4	8.0	6.0		7.0		25	8	38	10	81	0	Không đạt	02	
68	B19DCCN602	Phạm Quang	Tú	D19CQCN02-B	9.0	7.0		8.0		35	67	38	70	210	5.3		02	
69	B19DCVT359	Phạm Sơn	Tùng	D19CQVT07-B	8.0	6.0		6.0		85	79	79	90	333	8.3		02	
70	B19DCKT190	Nguyễn Phương	Uyên	D19CQKT02-B	9.0	7.0		7.0		15	59	74	67	215	0	Không đạt	02	
71	B19DCCN710	Trịnh Trung	Văn	D19CQCN08-B	7.0	6.0		7.0		40	78	43	10	171	0	Không đạt	02	
72	B19DCVT438	Phạm Văn	Việt	D19CQVT06-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	02	
73	B19DCCN725	Lê Văn	Vượng	D19CQCN12-B	8.0	7.0		6.0		35	51	58	70	214	5.4		02	
74	B19DCKT198	Bùi Thị Yến	Vy	D19CQKT02-B	8.0	7.0		7.0		35	58	66	65	224	5.6		02	
75	B19DCVT002	Nguyễn Thành	An	D19CQVT02-B	8.0	8.0		6.0		30	71	66	10	177	0	Không đạt	03	
76	B19DCCN011	Đinh Tuấn	Anh	D19CQCN11-B	8.0	7.0		7.0		35	58	43	10	146	0	Không đạt	03	
77	B19DCCN045	Trần Tuấn	Anh	D19CQCN09-B	4.0	8.0		8.0		30	79	59	10	178	0	Không đạt	03	
78	B19DCMR025	Lưu Thị Kim	Chi	D19CQMR01-B	8.0	9.0		8.0		15	65	53	75	208	0	Không đạt	03	
79	B19DCAT023	Lại Quang	Chính	D19CQAT03-B	8.0	9.0		9.0		H	H	H	75	H	I	Vắng có phép	03	
80	B19DCVT049	Trương Huỳnh Quang	Chung	D19CQVT01-B	7.0	8.0		8.0		30	30	28	60	148	0	Không đạt	03	
81	B17DCTT016	Bùi Thành	Công	D17CQTT02-B	7.0	9.0		9.0		90	92	85	85	352	8.8		03	
82	B19DCAT015	Nguyễn Đức Sinh	Cung	D19CQAT03-B	8.0	9.0		9.0		70	78	72	10	230	0	Không đạt	03	
83	B19DCDT023	Nguyễn Bá	Cường	D19CQDT03-B	8.0	8.0		9.0		85	83	85	10	263	0	Không đạt	03	
84	B19DCCN109	Nguyễn Văn	Danh	D19CQCN01-B	8.0	7.0		8.0		H	H	H	H	H	I	Vắng có phép	03	
85	B19DCVT076	Đinh Mạnh	Đạt	D19CQVT04-B	9.0	7.0		8.0		30	79	61	65	235	5.9		03	
86	B19DCAT041	Nguyễn Ngọc	Đề	D19CQAT01-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	03	
87	B19DCVT087	Trịnh Văn	Đoàn	D19CQVT07-B	7.0	8.0		9.0		45	30	40	10	125	0	Không đạt	03	
88	B19DCVT101	Phạm Trần Minh	Đức	D19CQVT05-B	4.0	6.0		8.0		H	H	H	70	H	I	Vắng có phép	03	
89	B19DCAT056	Nguyễn Duy	Hải	D19CQAT04-B	9.0	9.0		7.0		60	62	33	10	165	0	Không đạt	03	
90	B19DCVT128	Lê Công	Hiệp	D19CQVT08-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	03	Nợ HP
91	B19DCCN237	Bùi Trung	Hiếu	D19CQCN09-B	9.0	8.0		9.0		90	92	59	75	316	7.9		03	
92	B19DCAT082	Nguyễn Phi	Hùng	D19CQAT02-B	7.0	7.0		7.0		30	30	8	65	133	0	Không đạt	03	
93	B19DCDT111	Vũ Minh	Hưng	D19CQDT03-B	8.0	8.0		9.0		15	71	82	10	178	0	Không đạt	03	
94	B19DCDT121	Lê Quốc	Khánh	D19CQDT01-B	9.0	8.0		9.0		45	96	74	55	270	6.8		03	
95	B19DCAT101	Nguyễn Chí	Kiên	D19CQAT01-B	9.0	8.0		9.0		35	52	30	10	127	0	Không đạt	03	
96	B19DCCN426	Bùi Nhật	Minh	D19CQCN06-B	8.0	9.0		9.0		90	91	72	80	333	8.3		03	
97	B19DCDT151	Nguyễn Tuấn	Nam	D19CQDT03-B	9.0	7.0		8.0		95	88	90	70	343	8.6		03	
98	B19DCVT276	Mai Khôi	Nguyên	D19CQVT04-B	6.0	7.0		7.0		40	53	44	10	147	0	Không đạt	03	
99	B18DCCN439	Lê Trọng	Ninh	D18HTTT6	9.0	9.0		9.0		95	88	64	10	257	0	Không đạt	03	
100	B19DCVT288	Đoàn Ngọc	Phúc	D19CQVT08-B	8.0	9.0		9.0		0	0	0	10	10	0	Không đạt	03	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
101	B19DCDT173	Bùi Văn	**Quang**	D19CQDT01-B	7.0	8.0		7.0		10	8	10	10	38	**0**	Không đạt	03	
102	B19DCVT292	Lê Văn	**Quang**	D19CQVT04-B	8.0	9.0		7.0		20	55	69	60	204	**0**	Không đạt	03	
103	B19DCCN544	Đỗ Thị Xuân	**Quỳnh**	D19CQCN04-B	8.0	7.0		7.0		35	37	46	10	128	**0**	Không đạt	03	
104	B19DCQT141	Đinh Xuân	**Sinh**	D19CQQT01-B	9.0	7.0		9.0		H	H	H	10	H	**I**	Vắng có phép	03	
105	B19DCQT142	Hoàng Thị	**Tám**	D19CQQT02-B	8.0	9.0		9.0		30	45	40	10	125	**0**	Không đạt	03	
106	B19DCDT189	Nguyễn Phan Huy	**Tân**	D19CQDT01-B	5.0	9.0		9.0		85	44	61	10	200	**0**	Không đạt	03	
107	B19DCVT322	Nguyễn Xuân	**Tiến**	D19CQVT02-B	9.0	7.0		7.0		40	41	30	10	121	**0**	Không đạt	03	
108	B19DCVT324	Vũ Minh	**Tiến**	D19CQVT04-B	9.0	8.0		7.0		15	36	75	65	191	**0**	Không đạt	03	
109	B19DCVT328	Bùi Đức	**Toàn**	D19CQVT08-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	03	
110	B19DCVT418	Nguyễn Quốc	**Trung**	D19CQVT02-B	6.0	7.0		7.0		30	75	64	65	234	**5.9**		03	
111	B19DCAT169	Doãn Thanh	**Tùng**	D19CQAT01-B	8.0	7.0		7.0		30	61	36	10	137	**0**	Không đạt	03	
112	B19DCQT185	Lưu Thị Hải	**Yến**	D19CQQT01-B	6.0	6.0		7.0		30	34	38	10	112	**0**	Không đạt	03	
113	B19DCVT008	An Tuấn	**Anh**	D19CQVT08-B	8.0	7.0		9.0		35	65	38	50	188	**4.7**		04	
114	B19DCCN039	Phạm Tuấn	**Anh**	D19CQCN03-B	9.0	7.0		6.0		5	70	56	40	171	**0**	Không đạt	04	
115	B17DCPT248	Trương Ngọc	**Anh**	D17TKDPT2	5.0	9.0		8.0		50	31	53	65	199	**5**		04	
116	B19DCQT017	Lê Quang	**Ánh**	D19CQQT01-B	7.0	7.0		8.0		45	66	61	60	232	**5.8**		04	
117	B18DCPT029	Hoàng Nông Điện	**Biên**	D18TKDPT2	9.0	7.0		7.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	04	
118	B18DCCN078	Nguyễn Tuấn	**Chiến**	D18HTTT1	7.0	7.0		8.0		25	40	1	10	76	**0**	Không đạt	04	
119	B19DCAT016	Nguyễn Thế	**Cương**	D19CQAT04-B	9.0	8.0		7.0		H	H	H	20	H	**I**	Vắng có phép	04	
120	B19DCKT031	Phạm Thị	**Diệu**	D19CQKT03-B	9.0	8.0		9.0		80	62	64	65	271	**6.8**		04	
121	B19DCVT061	Trần Xuân	**Dũng**	D19CQVT05-B	8.0	9.0		7.0		65	66	53	70	254	**6.4**		04	
122	B19DCCN144	Trần Khương	**Duy**	D19CQCN12-B	8.0	7.0		9.0		20	41	29	10	100	**0**	Không đạt	04	
123	B19DCCN147	Đào Đại	**Dương**	D19CQCN03-B	8.0	7.0		8.0		95	100	80	30	305	**7.6**		04	
124	B18DCAT044	Nguyễn Bá	**Dương**	D18CQAT04-B	8.0	7.0		7.0		20	32	13	10	75	**0**	Không đạt	04	
125	B19DCDT042	Vũ Đình	**Dương**	D19CQDT02-B	5.0	7.0		7.0		15	17	20	20	72	**0**	Không đạt	04	
126	B19DCQT045	Đào Thanh	**Đài**	D19CQQT01-B	6.0	7.0		7.0		40	17	59	60	176	**0**	Không đạt	04	
127	B19DCCN216	Nguyễn Quang	**Hải**	D19CQCN12-B	8.0	8.0		6.0		50	83	72	75	280	**7**		04	
128	B17DCCN325	Trần Tất Quốc	**Huy**	D17HTTT1	8.0	8.0		9.0		80	83	74	60	297	**7.4**		04	
129	B18DCAT144	Ngô Hải	**Long**	D18CQAT04-B	7.0	9.0		9.0		65	49	69	70	253	**6.3**		04	
130	B19DCCN483	Nguyễn Văn	**Nhất**	D19CQCN03-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	04	
131	B19DCCN459	Vũ Quang	**Ninh**	D19CQCN03-B	5.0	8.0		7.0		30	36	74	10	150	**0**	Không đạt	04	
132	B19DCAT136	Cao Xuân	**Phong**	D19CQAT04-B	8.0	8.0		9.0		45	75	43	10	173	**0**	Không đạt	04	
133	B19DCDT168	Lê Hồng	**Phúc**	D19CQDT04-B	8.0	8.0		9.0		40	40	30	10	120	**0**	Không đạt	04	
134	B18DCPT186	Lý Văn	**Quyết**	D18TKDPT1	8.0	9.0		7.0		45	30	43	10	128	**0**	Không đạt	04	
135	B17DCCN760	Anousone	**SENGSINGK**	D17CNPM4	8.0	8.0		9.0		60	20	58	60	198	**0**	Không đạt	04	
136	B17DCCN707	Phetsavanh	**SOUDAVON**	D17HTTT5	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	04	
137	B15DCCN510	Dương Công	**Thành**	D15HTTT2	9.0	7.0		8.0		35	36	18	10	99	**0**	Không đạt	04	
138	B17DCCN571	Phạm Đức	**Thành**	D17CNPM3	10.0	9.0		9.0		80	72	59	65	276	**6.9**		04	
139	B19DCCN656	Hoàng Ngọc	**Thắng**	D19CQCN09-B	10.0	6.0		7.0		35	69	74	10	188	**0**	Không đạt	04	
140	B17DCDT175	Kiều Quang	**Thoại**	D17DTMT2	8.0	6.0		9.0		10	49	13	10	82	**0**	Không đạt	04	
141	B16DCPT150	Nguyễn Văn Tú	**Tinh**	D16TKDPT2	8.0	7.0		7.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	04	Nợ HP
142	B16DCQT141	Tạ Bá	**Toàn**	D16QTDN1	6.0	8.0		7.0		30	18	18	10	76	**0**	Không đạt	04	
143	B19DCVT405	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	D19CQVT05-B	8.0	9.0		9.0		85	88	72	50	295	**7.4**		04	
144	B19DCVT411	Nguyễn Đức	**Trọng**	D19CQVT03-B	8.0	9.0		9.0		60	77	40	60	237	**5.9**		04	
145	B19DCQT177	Nguyễn Đức	**Trung**	D19CQQT01-B	7.0	9.0		8.0		20	50	67	50	187	**0**	Không đạt	04	
146	B17DCDT196	Nguyễn Văn	**Tú**	D17XLTH2	9.0	9.0		8.0		15	40	53	10	118	**0**	Không đạt	04	
147	B19DCAT205	Phạm Quốc	**Việt**	D19CQAT01-B	9.0	8.0		8.0		55	75	69	70	269	**6.7**		04	
148	B19DCCN719	Khuất Quang	**Vinh**	D19CQCN06-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	04	
149	B19DCMR006	Nguyễn Đức	**Anh**	D19CQMR02-B	9.0	9.0		8.0		40	78	30	65	213	**5.3**		05	
150	B19DCMR007	Nguyễn Lan	**Anh**	D19CQMR03-B	8.0	7.0		8.0		65	27	50	45	187	**0**	Không đạt	05	
151	B19DCDT025	Nguyễn Khắc	**Cường**	D19CQDT01-B	8.0	9.0		8.0		20	34	20	45	119	**0**	Không đạt	05	
152	B19DCMR030	Nguyễn Ngọc	**Diệp**	D19CQMR02-B	9.0	8.0		8.0		30	72	50	60	212	**5.3**		05	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
153	B19DCCN193	Nguyễn Hồng	**Đức**	D19CQCN01-B	8.0	7.0		8.0		80	91	70	10	251	**0**	Không đạt	05	
154	B19DCPT070	Nguyễn Hữu	**Hải**	D19TKDPT3	8.0	7.0		8.0		85	96	70	75	326	**8.2**		05	
155	B19DCPT073	Nguyễn Thu	**Hạnh**	D19TKDPT2	8.0	8.0		8.0		85	86	70	60	301	**7.5**		05	
156	B19DCDT072	Trần Công	**Hậu**	D19CQDT04-B	8.0	8.0		8.0		40	100	40	55	235	**5.9**		05	
157	B19DCMR064	Hoàng Thị Thu	**Hiền**	D19CQMR04-B	8.0	7.0		8.0		35	32	20	30	117	**0**	Không đạt	05	
158	B19DCDT079	Phan Văn	**Hiếu**	D19CQDT03-B	8.0	8.0		8.0		20	13	20	10	63	**0**	Không đạt	05	
159	B19DCTM027	Nguyễn Thị	**Hoa**	D19CQTM01-B	8.0	8.0		8.0		25	46	20	10	101	**0**	Không đạt	05	
160	B19DCCN306	Lê Nhật	**Huy**	D19CQCN06-B	9.0	8.0		8.0		75	82	70	85	312	**7.8**		05	
161	B19DCCN307	Lý Mạnh	**Huy**	D19CQCN07-B	9.0	9.0		8.0		55	68	70	65	258	**6.5**		05	
162	B19DCCN385	Bùi Việt	**Long**	D19CQCN01-B	8.0	7.0		8.0		H	H	H	10	H	**I**	Vắng có phép	05	
163	B18DCAT161	Đoàn Văn	**Minh**	D18CQAT01-B	8.0	9.0		8.0		75	57	50	60	242	**6.1**		05	
164	B19DCDT146	Phạm Tuấn	**Minh**	D19CQDT02-B	9.0	8.0		8.0		75	91	70	10	246	**0**	Không đạt	05	
165	B19DCDT150	Nguyễn Phương	**Nam**	D19CQDT02-B	8.0	7.0		8.0		25	48	50	50	173	**0**	Không đạt	05	
166	B19DCCN454	Phạm Văn	**Nam**	D19CQCN10-B	8.0	7.0		8.0		75	49	50	45	219	**5.5**		05	
167	B19DCDT162	Luyện Thị Ánh	**Nguyệt**	D19CQDT02-B	8.0	8.0		8.0		95	90	70	40	295	**7.4**		05	
168	B19DCMR133	Trương Thị	**Nhung**	D19CQMR01-B	8.0	8.0		8.0		45	52	20	60	177	**0**	Không đạt	05	
169	B19DCVT302	Phạm Xuân	**Quân**	D19CQVT06-B	8.0	7.0		8.0		55	75	60	60	250	**6.3**		05	
170	B19DCVT307	Đào Hồng	**Sơn**	D19CQVT03-B	8.0	8.0		8.0		30	55	40	60	185	**4.6**		05	
171	B19DCTM070	Nguyễn Tuấn	**Thành**	D19CQTM02-B	8.0	8.0		8.0		35	50	20	60	165	**0**	Không đạt	05	
172	B19DCDT231	Lê Văn	**Thắng**	D19CQDT03-B	9.0	8.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	05	
173	B19DCVT383	Nguyễn Hữu	**Thắng**	D19CQVT07-B	9.0	9.0		8.0		30	8	20	10	68	**0**	Không đạt	05	
174	B19DCAT190	Đào Cường	**Thịnh**	D19CQAT02-B	8.0	7.0		8.0		25	53	20	10	108	**0**	Không đạt	05	
175	B19DCCN683	Lê Hà	**Trang**	D19CQCN03-B	8.0	9.0		8.0		90	70	40	10	210	**0**	Không đạt	05	
176	B19DCMR182	Lê Thị Thùy	**Trang**	D19CQMR02-B	9.0	8.0		8.0		85	100	70	70	325	**8.1**		05	
177	B19DCQT171	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	D19CQQT03-B	8.0	7.0		8.0		80	70	70	55	275	**6.9**		05	
178	B19DCDT244	Nguyễn Thế	**Trị**	D19CQDT04-B	8.0	7.0		8.0		85	46	30	55	216	**5.4**		05	
179	B19DCDT250	Vũ Quang	**Trường**	D19CQDT02-B	8.0	8.0		8.0		25	28	20	65	138	**0**	Không đạt	05	
180	B19DCDT209	Phạm Ngọc	**Tùng**	D19CQDT01-B	8.0	8.0		8.0		80	81	50	55	266	**6.7**		05	
181	B19DCCN635	Nguyễn Văn	**Tường**	D19CQCN11-B	8.0	7.0		8.0		20	63	40	10	133	**0**	Không đạt	05	
182	B19DCMR198	Nguyễn Thị	**Vân**	D19CQMR02-B	8.0	8.0		8.0		20	52	40	65	177	**0**	Không đạt	05	
183	B19DCCN712	Lê Trung	**Việt**	D19CQCN10-B	8.0	8.0		8.0		65	83	60	30	238	**6**		05	
184	B19DCCN714	Nguyễn Hoàng	**Việt**	D19CQCN12-B	9.0	8.0		8.0		70	45	40	65	220	**5.5**		05	
185	B19DCMR207	Trịnh Thị	**Xuân**	D19CQMR03-B	8.0	7.0		8.0		35	57	20	70	182	**0**	Không đạt	05	
186	B19DCMR210	Nguyễn Thị Ngọc	**Yến**	D19CQMR02-B	8.0	7.0		8.0		30	54	50	65	199	**5**		05	
187	B19DCDT010	Nguyễn Hoàng	**Anh**	D19CQDT02-B	9.0	6.0		6.0		90	83	82	60	315	**7.9**		06	
188	B19DCDT014	Nguyễn Thế	**Anh**	D19CQDT02-B	8.0	6.0		5.0		90	67	72	65	294	**7.4**		06	
189	B19DCCN050	Vũ Việt	**Anh**	D19CQCN02-B	8.0	5.0		7.0		65	86	87	70	308	**7.7**		06	
190	B19DCCN101	Phạm Văn	**Chiến**	D19CQCN05-B	8.0	5.0		6.0		H	H	H	10	H	**I**	Vắng có phép	06	
191	B19DCDT029	Nguyễn Tiến	**Dũng**	D19CQDT01-B	5.0	5.0		6.0		30	91	77	60	258	**6.5**		06	
192	B19DCKT034	Nguyễn Thị Minh	**Duyên**	D19CQKT02-B	9.0	6.0		6.0		40	62	51	55	208	**5.2**		06	
193	B19DCPT039	Đoàn Quốc	**Đại**	D19TKDPT2	8.0	7.0		6.0		45	79	64	65	253	**6.3**		06	
194	B19DCDT043	Nguyễn Đình	**Đại**	D19CQDT03-B	7.0	7.0		7.0		70	74	72	65	281	**7**		06	
195	B19DCDT047	Nguyễn Công	**Đạt**	D19CQDT03-B	7.0	5.0		5.0		70	96	64	10	240	**0**	Không đạt	06	
196	B19DCVT081	Nguyễn Thành	**Đạt**	D19CQVT01-B	8.0	6.0		5.0		100	92	74	6.5	272.5	**0**	Không đạt	06	
197	B19DCDT057	Đỗ Tấn	**Đức**	D19CQDT01-B	8.0	6.0		7.0		75	75	51	70	271	**6.8**		06	
198	B19DCCN194	Nguyễn Phúc	**Đức**	D19CQCN02-B	8.0	5.0		6.0		100	88	80	60	328	**8.2**		06	
199	B19DCQT057	Nguyễn Văn	**Hải**	D19CQQT01-B	9.0	6.0		7.0		15	46	18	10	89	**0**	Không đạt	06	
200	B19DCCN222	Trần Đức	**Hạnh**	D19CQCN06-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	06	Nợ HP
201	B19DCKT058	Phạm Việt	**Hằng**	D19CQKT02-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	06	
202	B19DCCN275	Lê Huy	**Hoàng**	D19CQCN11-B	8.0	5.0		5.0		15	8	21	10	54	**0**	Không đạt	06	
203	B19DCCN733	Trần Hải	**Hưng**	D19CQCN01-B	8.0	5.0		5.0		30	9	30	V	V	**V**	Vắng	06	
204	B19DCVT208	Nguyễn Đăng	**Khoa**	D19CQVT08-B	8.0	6.0		6.0		15	78	70	40	203	**0**	Không đạt	06	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
205	N18DCAT033B	Đặng Đức	**Kiên**	D18CQAT01-B	8.0	8.0		8.0		45	71	56	10	182	**0**	Không đạt	06	
206	B19DCCN399	Vũ Văn	**Long**	D19CQCN03-B	8.0	7.0		7.0		60	57	21	55	193	**0**	Không đạt	06	
207	B19DCDT139	Nguyễn Doãn	**Mạnh**	D19CQDT03-B	8.0	6.0		7.0		85	40	61	60	246	**6.2**		06	
208	B19DCCN418	Nguyễn Đình	**Mạnh**	D19CQCN10-B	9.0	8.0		8.0		95	88	75	60	318	**8**		06	
209	B19DCVT251	Nguyễn Đình	**Minh**	D19CQVT03-B	8.0	6.0		7.0		85	96	60	70	311	**7.8**		06	
210	B19DCVT268	Nguyễn Tiến	**Nam**	D19CQVT04-B	8.0	5.0		7.0		50	69	46	70	235	**5.9**		06	
211	B19DCDT155	Phan Hoài	**Nam**	D19CQDT03-B	7.0	5.0		5.0		100	100	90	50	340	**8.5**		06	
212	B19DCCN478	Nguyễn Đình	**Nguyên**	D19CQCN10-B	8.0	7.0		7.0		35	67	54	50	206	**5.2**		06	
213	B19DCQT132	Hồ Thị	**Phượng**	D19CQQT04-B	7.0	5.0		6.0		35	32	45	60	172	**4.3**		06	
214	B19DCCN552	Nguyễn Đăng	**Sơn**	D19CQCN12-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	06	
215	B19DCCN571	Lương Minh	**Tân**	D19CQCN07-B	9.0	7.0		7.0		85	82	66	50	283	**7.1**		06	
216	B19DCCN654	Nguyễn Trí	**Thành**	D19CQCN07-B	8.0	5.0		6.0		55	92	61	50	258	**6.5**		06	
217	B19DCCN671	Ngô Tiến	**Thiệu**	D19CQCN02-B	8.0	7.0		6.0		85	92	43	65	285	**7.1**		06	
218	B19DCDT241	Phạm Khắc	**Thức**	D19CQDT01-B	5.0	5.0		5.0		75	83	72	65	295	**7.4**		06	
219	B19DCVT423	Đoàn Xuân	**Trường**	D19CQVT07-B	8.0	7.0		7.0		60	30	51	55	196	**4.9**		06	
220	B19DCCN610	Khổng Duy	**Tuấn**	D19CQCN10-B	7.0	5.0		7.0		30	67	61	50	208	**5.2**		06	
221	B19DCVT358	Nguyễn Văn	**Tùng**	D19CQVT06-B	9.0	6.0		7.0		75	68	60	55	258	**6.5**		06	
222	B19DCVT363	Hoàng Công	**Tuyền**	D19CQVT03-B	9.0	7.0		8.0		95	78	95	70	338	**8.5**		06	
223	B19DCCN633	Trần Duy	**Tuyền**	D19CQCN09-B	8.0	6.0		5.0		25	27	30	10	92	**0**	Không đạt	06	
224	B19DCVT012	Nguyễn Đức	**Anh**	D19CQVT04-B	10.0	8.0		8.0		20	9	87	10	126	**0**	Không đạt	07	
225	B19DCVT019	Trần Thế	**Anh**	D19CQVT03-B	9.0	7.0		7.0		85	82	61	63	291	**7.3**		07	
226	B19DCVT449	Phetdaoheuang	**Chanthavixay**	D19CQVT01-B	0.0	2.0		2.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	07	
227	B19DCVT047	Nguyễn Danh	**Chính**	D19CQVT07-B	8.0	8.0		8.0		50	35	20	10	115	**0**	Không đạt	07	
228	B19DCPT027	Nguyễn Thị	**Chúc**	D19TKDPT1	9.0	6.0		8.0		25	22	56	75	178	**0**	Không đạt	07	
229	B19DCCN084	Nguyễn Mạnh	**Cường**	D19CQCN12-B	9.0	6.0		6.0		60	87	56	60	263	**6.6**		07	
230	B19DCKT026	Trần Văn	**Cường**	D19CQKT02-B	9.0	5.0		9.0		45	12	43	70	170	**0**	Không đạt	07	
231	B19DCCN110	Nguyễn Thị	**Diễm**	D19CQCN02-B	9.0	9.0		9.0		30	88	66	90	274	**6.9**		07	
232	B19DCDT039	Nguyễn Thái	**Dương**	D19CQDT03-B	7.0	9.0		8.0		70	75	51	85	281	**7**		07	
233	B18DCMR042	Nguyễn Ngọc	**Đan**	D18IMR1	9.0	8.0		9.0		25	59	38	10	132	**0**	Không đạt	07	
234	B19DCPT045	Lê Thành	**Đạt**	D19PTDPT	8.0	9.0		7.0		20	41	71	45	177	**0**	Không đạt	07	
235	B19DCVT079	Lê Tiến	**Đạt**	D19CQVT07-B	9.0	9.0		8.0		30	32	30	75	167	**4.2**		07	
236	B19DCQT050	Nguyễn Hùng	**Điềm**	D19CQQT02-B	9.0	9.0		9.0		30	8	51	10	99	**0**	Không đạt	07	
237	B19DCKT042	Đinh Thị Thu	**Hà**	D19CQKT02-B	9.0	9.0		8.0		15	30	46	75	166	**0**	Không đạt	07	
238	B19DCVT119	Trần Quý	**Hải**	D19CQVT07-B	7.0	8.0		8.0		45	78	95	80	298	**7.5**		07	
239	B19DCKT052	Hoàng Ngọc	**Hảo**	D19CQKT04-B	9.0	6.0		7.0		85	68	58	70	281	**7**		07	
240	B19DCAT088	Nguyễn Khắc	**Huy**	D19CQAT04-B	7.0	7.0		8.0		55	66	65	85	271	**6.8**		07	
241	B19DCPT117	Phạm Thị	**Hương**	D19PTDPT	8.0	9.0		8.0		55	92	79	83	309	**7.7**		07	
242	B19DCKT100	Phạm Thùy	**Linh**	D19CQKT04-B	9.0	6.0		6.0		50	87	87	60	284	**7.1**		07	
243	B19DCDT141	Đỗ Nhật	**Minh**	D19CQDT01-B	9.0	5.0		6.0		65	57	79	10	211	**0**	Không đạt	07	
244	B19DCQT117	Trần Đỗ Thảo	**Nhi**	D19CQQT01-B	9.0	9.0		9.0		80	73	66	83	302	**7.6**		07	
245	B19DCKT133	Phạm Thị Kim	**Oanh**	D19CQKT01-B	9.0	8.0		7.0		45	52	74	70	241	**6**		07	
246	B19DCCN500	Tạ Đức	**Phong**	D19CQCN08-B	9.0	8.0		5.0		50	30	93	85	258	**6.5**		07	
247	B19DCQT131	Vũ Thị	**Phương**	D19CQQT03-B	9.0	9.0		9.0		25	83	66	88	262	**0**	Không đạt	07	
248	B19DCCN522	Đỗ Văn	**Quang**	D19CQCN06-B	9.0	6.0		9.0		35	67	66	75	243	**6.1**		07	
249	B19DCAT150	Bùi Ngọc	**Sơn**	D19CQAT02-B	6.0	6.0		7.0		40	55	34	80	209	**5.2**		07	
250	B19DCPT197	Đào Thị	**Tâm**	D19TKDPT1	9.0	6.0		8.0		60	87	74	65	286	**7.2**		07	
251	B19DCDT187	Dương Thế	**Tân**	D19CQDT03-B	9.0	5.0		8.0		90	87	95	85	357	**8.9**		07	
252	B19DCCN644	Dương Đình	**Thanh**	D19CQCN08-B	7.0	9.0		7.0		15	8	5	75	103	**0**	Không đạt	07	
253	B19DCCN666	Nguyễn Văn	**Thế**	D19CQCN08-B	9.0	9.0		7.0		15	60	13	75	163	**0**	Không đạt	07	
254	B19DCKT159	Hà Thị Anh	**Thơ**	D19CQKT03-B	9.0	9.0		6.0		30	49	56	10	145	**0**	Không đạt	07	
255	B19DCAT161	Đỗ Viết	**Tình**	D19CQAT01-B	9.0	8.0		9.0		40	62	66	60	228	**5.7**		07	
256	B19DCKT182	Phạm Thu	**Trang**	D19CQKT02-B	9.0	6.0		9.0		80	76	69	97	322	**8.1**		07	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
257	B19DCDT205	Nguyễn Nguyên Huy	Tuấn	D19CQDT01-B	9.0	8.0		9.0		95	96	79	97	367	9.2		07	
258	B19DCKT194	Trần Thu	Uyên	D19CQKT02-B	9.0	8.0		8.0		20	36	80	65	201	0	Không đạt	07	
259	B19DCPT242	Lê Thị Cẩm	Vân	D19TKDPT2	9.0	7.0		9.0		50	67	74	75	266	6.7		07	
260	B19DCPT250	Lương Thị	Xuân	D19TKDPT2	9.0	7.0		8.0		60	87	69	85	301	7.5		07	
261	B19DCQT007	Nguyễn Mai	Anh	D19CQQT03-B	9.0	7.0		7.0		55	52	61	70	238	6		08	
262	B19DCKT016	Nguyễn Thị Vân	Anh	D19CQKT04-B	9.0	7.5		7.5		85	64	74	75	298	7.5		08	
263	B19DCTM006	Phạm Thị Lan	Anh	D19CQTM02-B	8.0	7.0		7.0		30	41	24	10	105	0	Không đạt	08	
264	B19DCCN070	Phạm Đức	Bình	D19CQCN10-B	9.0	7.0		7.0		30	42	30	50	152	0	Không đạt	08	
265	B19DCTM013	Lê Quốc	Chí	D19CQTM01-B	9.0	9.0		9.0		60	40	49	50	199	5		08	
266	B19DCAT021	Nguyễn Mậu	Cường	D19CQAT01-B	9.0	7.5		7.5		15	27	18	60	120	0	Không đạt	08	
267	B19DCQT038	Nguyễn Thùy	Dung	D19CQQT02-B	9.0	9.0		9.0		70	82	79	70	301	7.5		08	
268	B19DCQT046	Hoàng Xuân	Đạt	D19CQQT02-B	9.0	7.5		7.5		60	31	61	65	217	5.4		08	
269	B19DCKT036	Nguyễn Thành	Đô	D19CQKT04-B	9.0	9.0		9.0		100	73	69	65	307	7.7		08	
270	B19DCCN184	Hoàng Duy	Đông	D19CQCN04-B	9.0	9.0		9.0		85	68	64	70	287	7.2		08	
271	B18DCAT056	Nguyễn Long	Đồng	D18CQAT04-B	8.0	7.0		7.0		65	33	45	10	153	0	Không đạt	08	
272	B19DCCN198	Phùng Văn	Đức	D19CQCN06-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	08	Nợ HP
273	B19DCCN249	Nguyễn Minh	Hiếu	D19CQCN09-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	08	Nợ HP
274	B19DCQT064	Trần Thị	Hoa	D19CQQT04-B	8.0	7.0		7.0		40	42	74	50	206	5.2		08	
275	B19DCKT067	Vương Quỳnh	Hoa	D19CQKT03-B	9.0	9.0		9.0		40	12	30	60	142	0	Không đạt	08	
276	B19DCKT068	Đặng Tiến	Hòa	D19CQKT04-B	7.0	9.3		9.3		100	49	74	70	293	7.3		08	
277	B18DCVT201	Phạm Bá	Huy	D18CQVT01-B	9.0	9.0		9.0		90	82	60	10	242	0	Không đạt	08	
278	B19DCCN351	Vũ Trung	Kiên	D19CQCN03-B	8.0	7.0		7.0		90	74	87	80	331	8.3		08	
279	B19DCCN419	Nguyễn Đức	Mạnh	D19CQCN11-B	8.0	7.0		7.0		25	0	51	30	106	0	Không đạt	08	
280	B19DCTM051	Bùi Thành	Nam	D19CQTM01-B	7.5	9.3		9.3		H	H	H	55	H	I	Vắng có phép	08	
281	B16DCPT104	Nguyễn Thành	Nam	D16TKDPT3	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	08	
282	B18DCMR141	Vũ Thị	Nhi	D18IMR1	9.0	8.0		8.0		55	54	79	65	253	6.3		08	
283	B19DCQT129	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	D19CQQT01-B	9.0	7.5		7.5		85	56	77	70	288	7.2		08	
284	B19DCCN526	Doãn Hữu	Quân	D19CQCN10-B	8.0	8.5		8.5		80	78	69	65	292	7.3		08	
285	B19DCCN557	Nguyễn Văn	Sơn	D19CQCN05-B	8.0	7.0		7.0		55	32	45	70	202	5.1		08	
286	B19DCTM063	Lã Văn	Tài	D19CQTM01-B	8.0	7.5		7.5		40	51	59	60	210	5.3		08	
287	B19DCVT368	Ngô Quang	Thái	D19CQVT08-B	7.5	7.5		7.5		40	52	74	60	226	5.7		08	
288	B19DCCN653	Nguyễn Tuấn	Thành	D19CQCN06-B	9.0	7.0		7.0		90	44	79	80	293	7.3		08	
289	B19DCQT162	Đỗ Thị	Thư	D19CQQT02-B	8.0	8.0		8.0		25	34	56	60	175	0	Không đạt	08	
290	B19DCKT176	Lê Thị Kiều	Trang	D19CQKT04-B	9.0	7.0		7.0		95	69	74	75	313	7.8		08	
291	B19DCVT416	Lê Đức	Trung	D19CQVT08-B	9.0	7.0		7.0		45	52	74	50	221	5.5		08	
292	B19DCQT178	Nguyễn Thành	Trung	D19CQQT02-B	8.0	8.0		8.0		50	47	74	70	241	6		08	
293	B19DCKT187	Kiều Hồng	Trường	D19CQKT03-B	8.0	8.0		8.0		75	60	74	85	294	7.4		08	
294	B17DCCN648	Bùi Quang	Tuấn	D17HTTT6	8.0	7.0		7.0		80	70	74	70	294	7.4		08	
295	B19DCVT357	Nguyễn Thanh	Tùng	D19CQVT05-B	8.5	7.0		7.0		20	52	54	50	176	0	Không đạt	08	
296	B19DCKT191	Nguyễn Thị Thu	Uyên	D19CQKT03-B	8.0	8.0		8.0		H	H	H	60	H	I	Vắng có phép	08	
297	B19DCCN717	Đinh Quang	Vinh	D19CQCN04-B	8.0	7.0		7.0		90	60	69	85	304	7.6		08	
298	B18DCVT021	Nguyễn Thế	Anh	D18CQVT05-B	7.0	7.0		7.0		30	74	13	10	127	0	Không đạt	09	
299	B19DCCN096	Nguyễn Thanh	Châu	D19CQCN12-B	6.0	8.0		8.0		100	68	61	60	289	7.2		09	
300	B19DCDT020	Nguyễn Quốc	Công	D19CQDT04-B	8.0	6.0		7.0		55	64	17	55	191	0	Không đạt	09	
301	B19DCDT024	Nguyễn Hùng	Cường	D19CQDT04-B	7.0	6.0		7.0		25	35	19	10	89	0	Không đạt	09	
302	B19DCDT030	Nguyễn Tiến	Dũng	D19CQDT02-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	09	
303	B19DCDT036	Mạc Thị Thùy	Dương	D19CQDT04-B	8.0	7.0		8.0		80	56	69	40	245	6.1		09	
304	B19DCAT035	Ngô Quý	Đạt	D19CQAT03-B	0.0	5.0		6.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	09	
305	B19DCCN173	Nguyễn Đình	Đạt	D19CQCN05-B	10.0	8.0		8.0		60	52	54	75	241	6		09	
306	B19DCMR047	Nguyễn Khắc	Đạt	D19CQMR03-B	8.0	7.0		7.0		80	56	71	55	262	6.6		09	
307	B19DCDT051	Nguyễn Tiến	Đạt	D19CQDT03-B	10.0	7.0		8.0		35	30	50	50	165	4.1		09	
308	B19DCVT103	Trần Anh	Đức	D19CQVT07-B	10.0	8.0		8.0		40	54	66	65	225	5.6		09	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
309	B19DCCN233	Dương Hoàng	**Hiệp**	D19CQCN05-B	10.0	6.0		7.0		85	78	69	75	307	**7.7**		09	
310	B19DCTT042	Nguyễn Hữu	**Hiệp**	D19CQTT02-B	9.0	7.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	09	
311	B19DCDT075	Bùi Minh	**Hiếu**	D19CQDT03-B	8.0	6.0		7.0		50	50	84	55	239	**6**		09	
312	B19DCMR074	Nguyễn Văn	**Hoàn**	D19CQMR02-B	10.0	7.0		7.0		85	86	69	50	290	**7.3**		09	
313	B19DCQT068	Phạm Huy	**Hoàng**	D19CQQT04-B	8.0	6.0		7.0		25	16	80	65	186	**0**	Không đạt	09	
314	B19DCVT166	Nguyễn Mạnh	**Hùng**	D19CQVT06-B	8.0	7.0		8.0		40	32	64	65	201	**5**		09	
315	B19DCPT131	Phùng Tấn Đăng	**Khoa**	D19PTDPT	6.0	6.0		6.0		95	57	66	60	278	**7**		09	
316	B19DCVT220	Lê Văn	**Linh**	D19CQVT04-B	8.0	6.0		7.0		50	62	38	65	215	**5.4**		09	
317	B19DCDT158	Lê Công	**Năm**	D19CQDT02-B	8.0	7.0		7.0		35	55	64	55	209	**5.2**		09	
318	B19DCQT108	Nguyễn Thu	**Nga**	D19CQQT04-B	8.0	6.0		7.0		25	22	30	V	V	**V**	Vắng	09	
319	B19DCCN471	Đỗ Minh	**Ngọc**	D19CQCN03-B	10.0	7.0		7.0		70	74	64	10	218	**0**	Không đạt	09	
320	B19DCCN474	Nguyễn Xuân	**Ngọc**	D19CQCN06-B	9.0	7.0		8.0		85	55	59	55	254	**6.4**		09	
321	B19DCAT132	Nguyễn Minh	**Nhật**	D19CQAT04-B	9.0	7.0		7.0		75	12	48	60	195	**0**	Không đạt	09	
322	B19DCCN495	Phạm Kim	**Oanh**	D19CQCN03-B	8.0	7.0		7.0		50	23	51	55	179	**0**	Không đạt	09	
323	B19DCMR138	Nguyễn Tuấn	**Phong**	D19CQMR02-B	8.0	8.0		8.0		85	86	74	70	315	**7.9**		09	
324	B19DCCN501	Thiều Quang	**Phong**	D19CQCN09-B	9.0	7.0		8.0		30	65	79	70	244	**6.1**		09	
325	B19DCDT170	Trần Ngọc	**Phúc**	D19CQDT02-B	7.0	6.0		7.0		95	48	79	60	282	**7.1**		09	
326	B19DCMR149	Nguyễn Xuân	**Quyền**	D19CQMR01-B	8.0	7.0		8.0		55	46	71	45	217	**5.4**		09	
327	B19DCAT173	Phùng Mạnh	**Thái**	D19CQAT01-B	9.0	8.0		8.0		90	66	66	90	312	**7.8**		09	
328	B19DCCN645	Lê Văn	**Thanh**	D19CQCN09-B	8.0	6.0		7.0		25	12	36	50	123	**0**	Không đạt	09	
329	B19DCMR168	Hoàng Thị	**Thảo**	D19CQMR04-B	9.0	7.0		8.0		55	52	13	55	175	**0**	Không đạt	09	
330	B19DCCN577	Bùi Tân	**Tiến**	D19CQCN01-B	9.0	7.0		7.0		90	49	72	65	276	**6.9**		09	
331	B19DCDT195	Đặng Văn	**Tình**	D19CQDT03-B	9.0	7.0		7.0		25	60	25	40	150	**0**	Không đạt	09	
332	B19DCDT243	Bùi Trung	**Trà**	D19CQDT03-B	8.0	8.0		8.0		70	69	56	60	255	**6.4**		09	
333	B19DCCN688	Mai Văn	**Trí**	D19CQCN08-B	9.0	9.0		8.0		85	75	69	70	299	**7.5**		09	
334	B19DCCN694	Mai Xuân	**Trọng**	D19CQCN03-B	0.0	6.0		6.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	09	
335	B19DCVT340	Lê Anh	**Tuấn**	D19CQVT04-B	10.0	8.0		8.0		85	66	70	70	291	**7.3**		09	
336	B19DCAT001	Nguyễn Tiến	**An**	D19CQAT01-B	8.0	7.0		8.0		100	77	87	75	339	**8.5**		10	
337	B19DCDT004	Vũ Trường	**An**	D19CQDT04-B	9.0	9.0		9.0		15	5	30	45	95	**0**	Không đạt	10	
338	B19DCAT005	Nguyễn Bá Thế	**Anh**	D19CQAT01-B	7.0	8.0		8.0		100	60	47	10	217	**0**	Không đạt	10	
339	B19DCDT011	Nguyễn Ngọc	**Anh**	D19CQDT03-B	9.0	8.0		7.0		50	37	0	65	152	**0**	Không đạt	10	
340	B19DCPT011	Phạm Trường	**Anh**	D19PTDPT	9.0	9.0		8.0		85	73	69	95	322	**8.1**		10	
341	B19DCPT012	Trần Dương Trọng	**Anh**	D19TKDPT1	9.0	9.0		9.0		80	56	61	50	247	**6.2**		10	
342	B19DCAT013	Cấn Ngọc	**Bình**	D19CQAT01-B	8.0	9.0		8.0		65	70	81	90	306	**7.7**		10	
343	B19DCCN098	Bùi Văn	**Chiến**	D19CQCN02-B	9.0	8.0		8.0		55	52	34	80	221	**5.5**		10	
344	B19DCAT025	Nguyễn Văn	**Chương**	D19CQAT01-B	9.0	9.0		7.0		100	70	85	90	345	**8.6**		10	
345	B19DCCN072	Phạm Thành	**Công**	D19CQCN12-B	9.0	8.0		9.0		45	49	79	60	233	**5.8**		10	
346	B19DCCN127	Nguyễn Tuấn	**Dũng**	D19CQCN07-B	10.0	7.5		8.0		65	68	44	10	187	**0**	Không đạt	10	
347	B19DCAT044	Hoàng Ngọc Việt	**Đức**	D19CQAT04-B	9.0	6.0		7.0		25	30	19	10	84	**0**	Không đạt	10	
348	B19DCDT064	Trần Quang	**Đức**	D19CQDT04-B	9.0	8.0		8.0		70	69	70	65	274	**6.9**		10	
349	B19DCQT054	Vũ Hà	**Giang**	D19CQQT02-B	9.0	7.0		8.0		40	57	44	80	221	**5.5**		10	
350	B19DCDT086	Lê Ngọc	**Hòa**	D19CQDT02-B	7.0	7.0		6.0		70	54	81	55	260	**6.5**		10	
351	B19DCVT147	Nguyễn Văn	**Hoà**	D19CQVT03-B	6.0	6.0		7.0		60	56	69	65	250	**6.3**		10	
352	B19DCCN294	Hà Huy	**Hùng**	D19CQCN06-B	7.0	5.0		6.0		45	43	87	65	240	**6**		10	
353	B19DCAT081	Lê Quốc	**Hùng**	D19CQAT01-B	7.0	7.5		7.0		70	56	62	95	283	**7.1**		10	
354	B19DCAT085	Đặng Quang	**Huy**	D19CQAT01-B	8.0	6.5		7.0		95	60	62	85	302	**7.6**		10	
355	B19DCAT089	Nguyễn Quang	**Huy**	D19CQAT01-B	7.0	7.5		8.0		100	65	74	50	289	**7.2**		10	
356	B19DCDT110	Nguyễn Đức Phúc	**Hưng**	D19CQDT02-B	7.0	6.0		6.0		65	64	32	75	236	**5.9**		10	
357	B19DCCN358	Phạm Quốc	**Khánh**	D19CQCN10-B	9.0	7.0		6.0		55	62	82	75	274	**6.9**		10	
358	B19DCVT203	Dương Trọng	**Khiêm**	D19CQVT03-B	7.0	7.0		7.0		45	37	51	80	213	**5.3**		10	
359	B19DCMR098	Nguyễn Thùy	**Linh**	D19CQMR02-B	9.0	8.0		8.0		95	47	79	60	281	**7**		10	
360	B19DCMR110	Phạm Ngọc	**Mai**	D19CQMR02-B	9.0	7.0		7.0		95	54	79	70	298	**7.5**		10	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
361	B19DCDT143	Nguyễn Bá	**Minh**	D19CQDT03-B	8.0	6.0		5.0		45	67	53	10	175	**0**	Không đạt	10	
362	B19DCDT164	Trần Quang	**Nhật**	D19CQDT04-B	7.0	9.0		9.0		100	52	75	65	292	**7.3**		10	
363	B19DCPT176	Nguyễn Quốc	**Phong**	D19PTDPT	7.0	7.0		5.0		40	73	74	40	227	**5.7**		10	
364	B19DCPT185	Nguyễn Minh	**Quang**	D19PTDPT	9.0	8.0		8.0		45	38	56	65	204	**5.1**		10	
365	B17DCQT137	Nguyễn Tùng	**Sơn**	D17QTDN	9.0	5.0		6.0		85	68	69	85	307	**7.7**		10	
366	B19DCPT195	Trần Ngọc	**Sơn**	D19PTDPT	8.0	9.0		7.0		80	48	82	10	220	**0**	Không đạt	10	
367	B19DCVT374	Nguyễn Đình	**Thành**	D19CQVT06-B	9.0	5.0		6.0		65	66	56	10	197	**0**	Không đạt	10	
368	B19DCQT150	Nguyễn Phương	**Thảo**	D19CQQT02-B	8.0	7.0		7.0		45	56	74	90	265	**6.6**		10	
369	B19DCPT225	Nguyễn Tiến	**Thăng**	D19PTDPT	7.0	7.0		6.0		65	60	54	65	244	**6.1**		10	
370	B19DCCN674	Lê Duy	**Thịnh**	D19CQCN05-B	6.0	5.0		6.0		70	41	74	75	260	**6.5**		10	
371	B19DCQT157	Nguyễn Khánh	**Thùy**	D19CQQT01-B	8.0	8.0		8.0		50	30	61	80	221	**5.5**		10	
372	B19DCCN619	Phạm Quốc	**Tuấn**	D19CQCN07-B	8.0	6.0		6.0		55	62	82	65	264	**6.6**		10	
373	B19DCDT207	Vũ Minh	**Tuấn**	D19CQDT03-B	10.0	8.0		8.0		75	69	34	50	228	**5.7**		10	
374	B19DCPT005	Lê Quốc	**Anh**	D19TKDPT3	9.0	8.0		7.0		50	41	74	70	235	**5.9**		11	
375	B19DCTM001	Ngô Thị Vân	**Anh**	D19CQTM01-B	10.0	8.0		7.0		80	62	66	80	288	**7.2**		11	
376	B19DCAT008	Nguyễn Việt	**Anh**	D19CQAT04-B	9.0	7.0		7.0		75	68	74	65	282	**7.1**		11	
377	B19DCTM007	Phùng Thị Minh	**Anh**	D19CQTM01-B	10.0	7.0		7.0		30	56	74	70	230	**5.8**		11	
378	B19DCCN055	Bùi Nguyễn Huy	**Bách**	D19CQCN07-B	10.0	8.0		8.0		95	58	56	75	284	**7.1**		11	
379	B19DCCN076	Nguyễn Văn	**Cương**	D19CQCN04-B	9.0	7.0		8.0		10	51	54	10	125	**0**	Không đạt	11	
380	B19DCCN088	Nguyễn Văn	**Cường**	D19CQCN04-B	10.0	7.0		7.0		60	55	49	70	234	**5.9**		11	
381	B19DCCN115	Trần Văn	**Dinh**	D19CQCN07-B	9.0	8.0		7.0		25	52	36	70	183	**0**	Không đạt	11	
382	B19DCPT030	Phạm Tuấn	**Dũng**	D19TKDPT3	10.0	8.0		6.0		80	73	74	65	292	**7.3**		11	
383	B19DCPT031	Đào Hải	**Duy**	D19TKDPT1	9.0	7.0		7.0		80	69	54	60	263	**6.6**		11	
384	B19DCCN136	Đỗ Quang	**Duy**	D19CQCN04-B	10.0	7.0		7.0		20	0	18	10	48	**0**	Không đạt	11	
385	B19DCPT061	Vũ Đình	**Đức**	D19TKDPT1	9.0	7.0		7.0		15	14	39	10	78	**0**	Không đạt	11	
386	B19DCAT060	Nguyễn Anh	**Hào**	D19CQAT04-B	10.0	7.0		7.0		25	44	44	60	173	**0**	Không đạt	11	
387	B19DCDT089	Bùi Văn	**Hoàng**	D19CQDT01-B	10.0	7.0		6.0		90	66	54	80	290	**7.3**		11	
388	B19DCPT099	Nguyễn Văn	**Hùng**	D19TKDPT2	9.0	7.0		6.0		35	67	54	75	231	**5.8**		11	
389	B19DCAT109	Nguyễn Thị	**Khuyên**	D19CQAT01-B	9.0	7.0		7.0		40	55	66	65	226	**5.7**		11	
390	B19DCMR099	Nguyễn Thùy	**Linh**	D19CQMR03-B	10.0	7.0		8.0		65	42	46	75	228	**5.7**		11	
391	B19DCCN443	Trần Quang	**Minh**	D19CQCN11-B	8.0	6.0		7.0		30	69	48	70	217	**5.4**		11	
392	B19DCPT166	Nguyễn Duy	**Nam**	D19TKDPT1	10.0	7.0		7.0		85	69	69	60	283	**7.1**		11	
393	B19DCKT119	Nguyễn Thị Thúy	**Nga**	D19CQKT03-B	10.0	8.0		8.0		30	55	74	60	219	**5.5**		11	
394	B19DCDT163	Nguyễn Long	**Nhật**	D19CQDT03-B	10.0	7.0		7.0		65	41	33	70	209	**5.2**		11	
395	B19DCAT133	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhung**	D19CQAT01-B	10.0	8.0		7.0		15	24	69	70	178	**0**	Không đạt	11	
396	B19DCDT167	Hà Đại	**Phúc**	D19CQDT03-B	10.0	7.0		8.0		60	31	58	60	209	**5.2**		11	
397	B19DCKT137	Lưu Thị Mai	**Phương**	D19CQKT01-B	10.0	7.0		8.0		65	69	61	70	265	**6.6**		11	
398	B19DCAT144	Nguyễn Minh	**Quang**	D19CQAT04-B	10.0	8.0		7.0		65	69	82	60	276	**6.9**		11	
399	B19DCCN551	Nguyễn Công	**Sơn**	D19CQCN11-B	8.0	6.0		7.0		35	35	16	75	161	**0**	Không đạt	11	
400	B19DCDT191	Vũ Ngọc	**Tân**	D19CQDT03-B	9.0	7.0		8.0		30	49	72	60	211	**5.3**		11	
401	B19DCDT219	Nguyễn Đăng	**Thanh**	D19CQDT03-B	10.0	7.0		7.0		65	73	59	80	277	**6.9**		11	
402	B19DCDT235	Nguyễn Tá	**Thế**	D19CQDT03-B	9.0	7.0		8.0		65	74	74	70	283	**7.1**		11	
403	B19DCAT193	Bùi Thị	**Thơm**	D19CQAT01-B	10.0	8.0		7.0		25	25	61	60	171	**0**	Không đạt	11	
404	B19DCDT239	Vũ Minh	**Thụ**	D19CQDT03-B	10.0	7.0		7.0		85	86	66	75	312	**7.8**		11	
405	B19DCDT197	Trần Bá	**Toàn**	D19CQDT01-B	9.0	7.0		8.0		95	70	69	70	304	**7.6**		11	
406	B19DCDT245	Hoàng Việt	**Trung**	D19CQDT01-B	10.0	8.0		8.0		95	74	66	80	315	**7.9**		11	
407	B19DCCN706	Phạm Xuân	**Trường**	D19CQCN04-B	9.0	7.0		8.0		15	8	30	30	83	**0**	Không đạt	11	
408	B19DCDT251	Lê Tân	**Việt**	D19CQDT03-B	10.0	8.0		7.0		85	87	82	70	324	**8.1**		11	
409	B19DCDT253	Phan Thế	**Việt**	D19CQDT01-B	9.0	8.0		7.0		95	45	66	70	276	**6.9**		11	
410	B19DCTM009	Trịnh Hoàng	**Anh**	D19CQTM01-B	8.0	8.5		7.5		35	70	64	75	244	**6.1**		12	
411	B19DCPT024	Mai Quốc	**Cường**	D19PTDPT	7.0	5.0		5.0		70	61	69	70	270	**6.8**		12	
412	B19DCCN083	Nguyễn Mạnh	**Cường**	D19CQCN11-B	8.0	9.0		7.5		80	88	69	85	322	**8.1**		12	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
413	B19DCDT032	Nguyễn Văn	Dũng	D19CQDT04-B	8.0	8.0		8.5		75	51	56	65	247	6.2		12	
414	B19DCQT043	Nguyễn Duy	Dương	D19CQQT03-B	8.0	9.0		8.0		55	40	56	45	196	4.9		12	
415	B19DCCN154	Nguyễn Nam	Dương	D19CQCN10-B	7.0	9.0		8.5		85	65	69	75	294	7.4		12	
416	B18DCDT060	Ngô Thanh	Giang	D19CQDT04-B	8.0	7.0		7.0		30	69	54	10	163	0	Không đạt	12	
417	B19DCPT071	Trần Thiện	Hải	D19PTDPT	8.0	8.0		8.0		45	78	64	65	252	6.3		12	
418	B19DCDT076	Nguyễn Chí	Hiếu	D19CQDT04-B	8.0	8.5		8.5		55	56	46	90	247	6.2		12	
419	B19DCCN253	Nguyễn Văn	Hiếu	D19CQCN01-B	8.0	7.5		9.0		85	73	64	65	287	7.2		12	
420	B19DCCN280	Nguyễn Minh	Hoàng	D19CQCN04-B	6.0	8.0		7.0		80	83	64	65	292	7.3		12	
421	B19DCPT096	Phạm Việt	Hoàng	D19PTDPT	8.0	8.0		7.0		60	73	69	60	262	6.6		12	
422	B19DCCN296	Lương Ngọc	Hùng	D19CQCN08-B	8.0	8.0		7.5		70	65	59	75	269	6.7		12	
423	B19DCVT185	Ngô Việt	Hưng	D19CQVT01-B	7.0	9.5		7.0		55	39	51	65	210	5.3		12	
424	B19DCCN334	Trần Quang	Hưng	D19CQCN10-B	8.5	9.5		9.5		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	12	Nợ HP
425	B19DCCN400	Vương Huy	Long	D19CQCN04-B	7.0	6.0		7.5		90	64	30	70	254	6.4		12	
426	B19DCCN402	Nguyễn Văn	Lộc	D19CQCN06-B	8.0	9.0		7.5		85	77	66	95	323	8.1		12	
427	B19DCTM041	Nguyễn Thị	Luyến	D19CQTM01-B	8.0	9.0		8.0		75	83	82	70	310	7.8		12	
428	B19DCPT157	Khuất Đình	Mạnh	D19PTDPT	8.0	9.0		9.0		75	60	56	80	271	6.8		12	
429	B19DCPT174	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	D19TKDPT3	8.0	5.0		6.0		55	52	77	70	254	6.4		12	
430	B19DCCN492	Vũ Thị	Nhung	D19CQCN12-B	8.0	9.5		8.0		55	68	56	85	264	6.6		12	
431	B19DCMR143	Nguyễn Thị Thu	Phương	D19CQMR03-B	8.0	8.5		7.0		40	49	67	40	196	4.9		12	
432	B19DCMR144	Nguyễn Thị Thu	Phương	D19CQMR04-B	8.0	8.5		7.0		65	40	61	50	216	5.4		12	
433	B19DCQT135	Phùng Nhật	Quang	D19CQQT03-B	8.0	9.5		8.5		80	55	66	65	266	6.7		12	
434	B19DCAT147	Nguyễn Văn	Quốc	D19CQAT03-B	8.0	5.0		5.0		55	60	56	75	246	6.2		12	
435	B19DCVT309	Nguyễn Trường	Sơn	D19CQVT05-B	8.0	5.0		7.5		25	8	1	10	44	0	Không đạt	12	
436	B19DCCN563	Đào Văn	Tài	D19CQCN11-B	8.0	5.0		5.5		75	74	54	40	243	6.1		12	
437	B19DCVT385	Nguyễn Ngọc	Thắng	D19CQVT01-B	8.0	9.0		6.0		40	52	72	85	249	6.2		12	
438	B19DCCN661	Phạm Minh	Thắng	D19CQCN03-B	8.0	9.0		7.0		75	56	69	80	280	7		12	
439	B19DCVT332	Trần Đức	Toàn	D19CQVT04-B	8.0	5.5		7.5		65	36	67	10	178	0	Không đạt	12	
440	B19DCMR188	Phùng Thị Thùy	Trang	D19CQMR04-B	8.0	9.0		7.0		80	35	45	10	170	0	Không đạt	12	
441	B19DCVT409	Vũ Trọng Trần	Trí	D19CQVT01-B	8.0	9.0		7.5		85	61	74	85	305	7.6		12	
442	B19DCVT420	Trần Đức	Trung	D19CQVT04-B	8.0	8.0		8.0		70	33	82	80	265	6.6		12	
443	B19DCAT200	Vũ Đức	Trung	D19CQAT04-B	7.0	9.0		8.0		95	58	62	90	305	7.6		12	
444	B19DCVT425	Nguyễn Xuân	Trường	D19CQVT01-B	8.0	9.5		7.0		75	76	64	45	260	6.5		12	
445	B19DCVT337	Vũ Trọng	Tuân	D19CQVT01-B	8.0	9.0		6.5		40	47	54	40	181	4.5		12	
446	B19DCVT345	Nguyễn Văn	Tuấn	D19CQVT01-B	8.0	9.0		7.0		45	56	72	50	223	5.6		12	
447	B19DCDT006	Đào Ngọc	Anh	D19CQDT02-B	0.0	5.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	13	
448	B19DCVT057	Nguyễn Xuân	Dũng	D19CQVT01-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	13	
449	B19DCCN161	Nguyễn Tiến	Đại	D19CQCN05-B	9.0	7.0		8.0		75	64	66	10	215	0	Không đạt	13	
450	B19DCDT073	Nguyễn Thái Vượng	Hiển	D19CQDT01-B	10.0	7.0		8.0		35	61	74	70	240	6		13	
451	B19DCAT067	Nghiêm Đức	Hiếu	D19CQAT03-B	7.0	6.0		7.0		H	H	H	10	H	I	Vắng có phép	13	
452	B19DCCN250	Nguyễn Ngọc	Hiếu	D19CQCN10-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	13	
453	B19DCAT072	Trần Đình	Hiếu	D19CQAT04-B	10.0	8.0		8.0		65	70	74	65	274	6.9		13	
454	B19DCDT085	Hoàng Bá	Hòa	D19CQDT01-B	8.0	6.0		7.0		40	0	10	10	60	0	Không đạt	13	
455	B19DCCN271	Trần Minh	Hoàn	D19CQCN07-B	8.0	7.0		7.0		70	51	69	55	245	6.1		13	
456	B19DCCN279	Nguyễn Huy	Hoàng	D19CQCN03-B	8.0	7.0		7.0		90	70	69	65	294	7.4		13	
457	B19DCCN282	Nguyễn Văn	Hoàng	D19CQCN06-B	8.0	8.0		8.0		40	47	65	60	212	5.3		13	
458	B19DCCN290	Trần Thị	Huế	D19CQCN02-B	8.0	8.0		8.0		30	21	1	10	62	0	Không đạt	13	
459	B19DCDT101	Đặng Quốc	Hùng	D19CQDT01-B	9.0	6.0		7.0		30	26	30	10	96	0	Không đạt	13	
460	B19DCCN298	Nguyễn Tuấn	Hùng	D19CQCN10-B	8.0	6.0		7.0		75	70	64	65	274	6.9		13	
461	B14DCPT224	Nguyễn Quang	Huy	D14TTDPT1	7.0	7.0		7.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	13	
462	B19DCDT105	Nguyễn Quang	Huy	D19CQDT01-B	8.0	7.0		7.0		10	21	74	55	160	0	Không đạt	13	
463	B19DCCN326	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D19CQCN02-B	8.0	7.0		8.0		40	8	74	10	132	0	Không đạt	13	
464	B19DCDT109	Lê Duy	Hưng	D19CQDT01-B	9.0	7.0		7.0		5	43	31	10	89	0	Không đạt	13	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
465	B19DCQT080	Nguyễn Thị Lan	**Hương**	D19CQQT04-B	9.0	8.0		8.0		35	47	69	80	231	**5.8**		13	
466	B19DCDT138	Lê Văn	**Mạnh**	D19CQDT02-B	9.0	8.0		8.0		35	65	74	70	244	**6.1**		13	
467	B19DCCN494	Ngô Thị Kiều	**Oanh**	D19CQCN02-B	9.0	7.0		8.0		45	78	59	60	242	**6.1**		13	
468	B19DCTM059	Nguyễn Thị	**Phượng**	D19CQTM01-B	9.0	7.0		7.0		H	H	H	55	H	**I**	Vắng có phép	13	
469	B19DCVT296	Đỗ Đức	**Quân**	D19CQVT08-B	8.0	8.0		8.0		40	17	58	65	180	**0**	Không đạt	13	
470	B19DCCN530	Nguyễn Minh	**Quân**	D19CQCN02-B	6.0	7.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	13	
471	B19DCCN542	Nguyễn Thị	**Quyên**	D19CQCN02-B	8.0	7.0		8.0		40	56	74	60	230	**5.8**		13	
472	B19DCDT182	Nguyễn Kim	**Quyết**	D19CQDT02-B	9.0	7.0		8.0		35	65	61	70	231	**5.8**		13	
473	B19DCDT190	Trần Quốc	**Tân**	D19CQDT02-B	8.0	8.0		8.0		70	52	54	60	236	**5.9**		13	
474	B19DCDT221	Bùi Đức	**Thành**	D19CQDT01-B	9.0	8.0		8.0		70	60	64	70	264	**6.6**		13	
475	B19DCDT234	Tô Đức	**Thắng**	D19CQDT02-B	9.0	8.0		8.0		60	47	59	65	231	**5.8**		13	
476	B19DCCN579	Nguyễn Tá	**Tiến**	D19CQCN03-B	7.0	6.0		6.0		90	82	69	65	306	**7.7**		13	
477	B19DCDT194	Trịnh Văn	**Tiến**	D19CQDT02-B	7.0	6.0		6.0		20	13	39	55	127	**0**	Không đạt	13	
478	B19DCCN591	Nguyễn Đình	**Toàn**	D19CQCN03-B	0.0	6.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	13	
479	B19DCVT343	Nguyễn Quốc	**Tuấn**	D19CQVT07-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	13	
480	B19DCVT344	Nguyễn Văn	**Tuấn**	D19CQVT08-B	8.0	6.0		6.0		10	8	17	10	45	**0**	Không đạt	13	
481	B19DCKT189	Mai Thị Tố	**Uyên**	D19CQKT01-B	10.0	8.0		8.0		65	60	70	60	255	**6.4**		13	
482	B19DCQT180	Nguyễn Thị Thanh	**Vân**	D19CQQT04-B	5.0	6.0		6.0		40	23	49	60	172	**0**	Không đạt	13	
483	B19DCVT446	Nguyễn Văn	**Vương**	D19CQVT06-B	9.0	8.0		8.0		35	68	61	60	224	**5.6**		13	
484	B19DCCN032	Nguyễn Thị Kiều	**Anh**	D19CQCN08-B	9.0	7.0		8.0		70	58	56	45	229	**5.7**		14	
485	B19DCCN112	Đào Bích	**Diệp**	D19CQCN04-B	9.0	8.0		8.0		90	78	74	50	292	**7.3**		14	
486	B19DCCN123	Lê Văn	**Dũng**	D19CQCN03-B	9.0	7.0		7.0		85	68	64	90	307	**7.7**		14	
487	B19DCCN135	Trần Đăng	**Dũng**	D19CQCN03-B	10.0	9.0		9.0		90	86	69	100	345	**8.6**		14	
488	B19DCMR041	Phạm Thị Mỹ	**Duyên**	D19CQMR01-B	8.0	7.0		7.0		20	55	59	85	219	**0**	Không đạt	14	
489	B19DCCN150	Lê Hồng	**Dương**	D19CQCN06-B	7.0	6.0		6.0		85	91	64	90	330	**8.3**		14	
490	B19DCMR050	Vương Huy	**Đông**	D19CQMR02-B	8.0	6.0		7.0		25	0	1	10	36	**0**	Không đạt	14	
491	B19DCCN185	Nguyễn Đình	**Đủ**	D19CQCN05-B	9.0	7.0		7.0		75	62	64	67	268	**6.7**		14	
492	B19DCVT107	Nguyễn Trường	**Giang**	D19CQVT03-B	9.0	6.0		6.0		30	21	74	40	165	**0**	Không đạt	14	
493	B19DCCN212	Trương Thị Thu	**Hà**	D19CQCN08-B	8.0	8.0		7.0		95	74	69	35	273	**6.8**		14	
494	B19DCCN223	Thi Linh	**Hào**	D19CQCN07-B	8.0	7.0		8.0		80	65	74	40	259	**6.5**		14	
495	B19DCVT121	Lê Hữu	**Hảo**	D19CQVT01-B	9.0	7.0		8.0		10	40	25	10	85	**0**	Không đạt	14	
496	B19DCCN224	Phạm Thị Thanh	**Hảo**	D19CQCN08-B	8.0	7.0		7.0		75	75	61	70	281	**7**		14	
497	B19DCCN278	Nguyễn Huy	**Hoàng**	D19CQCN02-B	8.0	8.0		9.0		90	69	67	85	311	**7.8**		14	
498	B19DCVT191	Vũ Văn	**Kết**	D19CQVT07-B	9.0	7.0		7.0		15	47	16	10	88	**0**	Không đạt	14	
499	B19DCPT135	Phạm Thúy	**Lệ**	D19TKDPT3	8.0	8.0		8.0		45	45	74	45	209	**5.2**		14	
500	B19DCMR091	Hà Trúc	**Linh**	D19CQMR03-B	7.0	7.0		7.0		75	74	66	75	290	**7.3**		14	
501	B19DCMR092	Hoàng Thị Kiều	**Linh**	D19CQMR04-B	9.0	8.0		9.0		90	65	72	95	322	**8.1**		14	
502	B19DCPT138	Lê Ngọc	**Linh**	D19PTDPT	9.0	8.0		8.0		80	75	54	83	292	**7.3**		14	
503	B19DCMR095	Nguyễn Diệu	**Linh**	D19CQMR03-B	8.0	8.0		7.0		85	75	54	70	284	**7.1**		14	
504	B19DCCN380	Thái Thùy	**Linh**	D19CQCN08-B	8.0	7.0		7.0		90	73	74	85	322	**8.1**		14	
505	B19DCCN413	Đỗ Mai	**Ly**	D19CQCN05-B	7.0	6.0		7.0		85	61	82	87	315	**7.9**		14	
506	B19DCCN427	Đỗ Nhật	**Minh**	D19CQCN07-B	8.0	7.0		9.0		60	69	64	80	273	**6.8**		14	
507	B19DCCN431	Lê Xuân	**Minh**	D19CQCN11-B	10.0	9.0		9.0		95	91	64	95	345	**8.6**		14	
508	B19DCDT153	Nguyễn Thành	**Nam**	D19CQDT01-B	8.0	8.0		9.0		75	49	34	10	168	**0**	Không đạt	14	
509	B19DCCN473	Nguyễn Bích	**Ngọc**	D19CQCN05-B	9.0	8.0		9.0		75	51	59	85	270	**6.8**		14	
510	B19DCMR124	Tạ Thị	**Ngọc**	D19CQMR04-B	9.0	7.0		7.0		60	50	30	10	150	**0**	Không đạt	14	
511	B19DCCN475	Lại An	**Nguyên**	D19CQCN07-B	9.0	9.0		9.0		85	65	64	97	311	**7.8**		14	
512	B19DCMR127	Đoàn Thị Ánh	**Nguyệt**	D19CQMR03-B	9.0	8.0		7.0		80	36	69	88	273	**6.8**		14	
513	B19DCCN491	Trần Thị Ngọc	**Nhung**	D19CQCN11-B	9.0	7.0		8.0		55	70	57	80	262	**6.6**		14	
514	B19DCMR148	Hoàng Thị Thu	**Quyên**	D19CQMR04-B	9.0	8.0		8.0		55	59	59	68	241	**6**		14	
515	B19DCQT156	Vũ Thị	**Thiện**	D19CQQT04-B	9.0	7.0		8.0		20	48	44	10	122	**0**	Không đạt	14	
516	B19DCMR172	Nguyễn Thị Phương	**Thoan**	D19CQMR04-B	9.0	8.0		7.0		60	65	72	65	262	**6.6**		14	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
517	B19DCCN685	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D19CQCN05-B	9.0	9.0		10.0		90	91	74	90	345	8.6		14	
518	B19DCVT362	Nguyễn Ngọc	Tuyên	D19CQVT02-B	10.0	9.0		9.0		80	78	54	77	289	7.2		14	
519	B19DCCN709	Nguyễn Thị	Uyên	D19CQCN07-B	10.0	9.0		10.0		95	86	69	80	330	8.3		14	
520	B19DCPT249	Hoàng Thế	Vương	D19PTDPT	7.0	7.0		6.0		60	33	56	45	194	4.9		14	
521	B19DCPT253	Lê Hải	Yến	D19TKDPT3	9.0	7.0		8.0		90	60	69	70	289	7.2		14	
522	B19DCCN042	Trần Bảo	Anh	D19CQCN06-B	9.0	8.0		7.0		20	13	35	V	V	V	Vắng	15	
523	B19DCQT014	Trần Đức	Anh	D19CQQT02-B	8.0	7.0		7.0		30	46	47	60	183	4.6		15	
524	B19DCCN075	Đinh Như	Cương	D19CQCN03-B	9.0	7.0		6.0		35	68	59	70	232	5.8		15	
525	B19DCCN077	Đặng Quốc	Cường	D19CQCN05-B	8.0	6.0		7.0		30	34	36	10	110	0	Không đạt	15	
526	B19DCCN125	Nguyễn Đình	Dũng	D19CQCN05-B	10.0	7.0		7.0		25	43	58	55	181	0	Không đạt	15	
527	B19DCPT038	Trần Đức	Dương	D19PTDPT	9.0	7.0		7.0		25	48	35	10	118	0	Không đạt	15	
528	B19DCCN162	Phạm Hồng	Đại	D19CQCN06-B	8.0	8.0		7.0		25	66	40	10	141	0	Không đạt	15	
529	B19DCPT041	Phạm Xuân	Đáng	D19TKDPT1	8.0	7.0		6.0		30	25	56	60	171	0	Không đạt	15	
530	B19DCPT043	Đỗ Đức	Đạt	D19TKDPT2	8.0	7.0		7.0		40	18	13	10	81	0	Không đạt	15	
531	B18DCVT087	Nguyễn Quôc	Đạt	D18CQVT07-B	8.0	7.0		8.0		25	4	5	10	44	0	Không đạt	15	
532	B19DCVT091	Hoàng Anh	Đức	D19CQVT03-B	9.0	7.0		7.0		V	V	V	60	V	V	Vắng	15	
533	B19DCCN207	Mai Thị Trà	Giang	D19CQCN03-B	8.0	8.0		8.0		10	55	23	10	98	0	Không đạt	15	
534	B19DCPT072	Vũ Văn	Hải	D19TKDPT2	8.0	7.0		7.0		25	18	1	50	94	0	Không đạt	15	
535	B19DCCN220	Nguyễn Thị	Hạnh	D19CQCN04-B	9.0	8.0		8.0		30	55	64	60	209	5.2		15	
536	B19DCCN221	Nguyễn Văn	Hạnh	D19CQCN05-B	8.0	7.0		7.0		35	25	46	10	116	0	Không đạt	15	
537	B19DCAT062	Hoàng Vũ	Hiển	D19CQAT02-B	9.0	7.0		7.0		70	55	62	70	257	6.4		15	
538	B19DCPT080	Nguyễn Thế Hoàng	Hiệp	D19TKDPT3	8.0	7.0		7.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	15	
539	B19DCCN245	Lê Văn	Hiếu	D19CQCN05-B	8.0	8.0		7.0		35	55	70	10	170	0	Không đạt	15	
540	B19DCDT087	Bùi Văn	Hoàn	D19CQDT03-B	10.0	8.0		8.0		25	21	9	45	100	0	Không đạt	15	
541	B19DCPT093	Nguyễn Huy	Hoàng	D19TKDPT2	10.0	8.0		8.0		100	60	80	60	300	7.5		15	
542	B19DCAT093	Vũ Quang	Huy	D19CQAT01-B	8.0	7.0		6.0		40	22	20	10	92	0	Không đạt	15	
543	B19DCQT074	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D19CQQT02-B	10.0	8.0		7.0		35	67	51	65	218	5.5		15	
544	B19DCPT123	Trần Trung	Kiên	D19TKDPT3	9.0	8.0		7.0		10	8	10	10	38	0	Không đạt	15	
545	B19DCDT128	Nguyễn Thành	Liêm	D19CQDT04-B	8.0	6.0		7.0		35	24	15	10	84	0	Không đạt	15	
546	B19DCQT088	Nguyễn Thị	Linh	D19CQQT04-B	9.0	8.0		8.0		45	59	62	50	216	5.4		15	
547	B19DCMR096	Nguyễn Thị Khánh	Linh	D19CQMR04-B	9.0	8.0		7.0		80	51	55	55	241	6		15	
548	B19DCPT143	Phạm Thị Khánh	Linh	D19TKDPT3	9.0	8.0		7.0		95	64	70	60	289	7.2		15	
549	B19DCCN437	Nguyễn Quang	Minh	D19CQCN05-B	10.0	8.0		7.0		25	22	26	65	138	0	Không đạt	15	
550	B19DCQT113	Trần Bảo	Ngọc	D19CQQT01-B	8.0	7.0		7.0		40	16	59	65	180	0	Không đạt	15	
551	B19DCQT130	Phạm Hoài	Phương	D19CQQT02-B	8.0	7.0		8.0		80	48	59	65	252	6.3		15	
552	B19DCDT177	Trần Vinh	Quang	D19CQDT01-B	10.0	7.0		7.0		95	67	64	65	291	7.3		15	
553	B19DCAT186	Hoàng Ngọc	Thắng	D19CQAT02-B	10.0	8.0		7.0		60	63	51	65	239	6		15	
554	B19DCVT410	Lê Quang	Triệu	D19CQVT02-B	8.0	8.0		6.0		30	37	54	70	191	4.8		15	
555	B19DCCN707	Phạm Xuân	Trường	D19CQCN05-B	8.0	7.0		6.0		15	36	38	45	134	0	Không đạt	15	
556	B19DCPT248	Trịnh Tuấn	Vũ	D19TKDPT3	8.0	7.0		7.0		60	42	54	60	216	5.4		15	
557	B19DCPT252	Đỗ Thị Hải	Yến	D19TKDPT3	9.0	8.0		8.0		50	68	72	10	200	0	Không đạt	15	
558	B19DCQT186	Nguyễn Thị Hải	Yến	D19CQQT02-B	9.0	8.0		8.0		15	18	67	60	160	0	Không đạt	15	
559	B19DCQT003	Lê Huyền	Anh	D19CQQT03-B	7.0	8.0		8.0		75	35	55	50	215	5.4		16	
560	B19DCVT029	Trịnh Tiến	Bình	D19CQVT05-B	7.0	10.0		7.0		55	62	50	40	207	5.2		16	
561	B19DCVT043	Ma Đình	Chiến	D19CQVT03-B	7.0	8.0		8.0		50	48	35	40	173	4.3		16	
562	B19DCQT032	Nguyễn Văn	Dân	D19CQQT04-B	8.0	9.5		8.0		75	59	75	60	269	6.7		16	
563	B19DCCN137	Hán Ngọc	Duy	D19CQCN05-B	8.0	9.0		8.0		55	66	32	90	243	6.1		16	
564	B19DCAT040	Trương Phúc	Đạt	D19CQAT04-B	7.0	5.0		5.0		35	25	0	10	70	0	Không đạt	16	
565	B19DCDT059	Lương Anh	Đức	D19CQDT03-B	8.0	9.5		8.5		95	76	65	50	286	7.2		16	
566	B19DCDT060	Nguyễn Duy	Đức	D19CQDT04-B	7.0	5.0		7.0		60	55	10	60	185	0	Không đạt	16	
567	B19DCVT098	Nguyễn Minh	Đức	D19CQVT02-B	7.0	8.5		7.0		95	80	60	50	285	7.1		16	
568	B19DCCN197	Phạm Trần	Đức	D19CQCN05-B	7.0	5.0		5.0		25	12	0	10	47	0	Không đạt	16	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
569	B19DCAT055	Kiều Tiến	Hải	D19CQAT03-B	7.0	6.0		5.0		50	34	8	60	152	0	Không đạt	16	
570	B19DCQT075	Trần Thu	Huyền	D19CQQT03-B	7.0	5.0		5.0		15	67	55	60	197	0	Không đạt	16	
571	B19DCQT085	Ngân Thị Mai	Lan	D19CQQT01-B	8.0	6.5		6.0		60	42	30	60	192	4.8		16	
572	B19DCCN374	Lê Trọng	Linh	D19CQCN02-B	8.0	10.0		9.0		95	71	55	100	321	8		16	
573	B19DCTM037	Dương Thị	Loan	D19CQTM01-B	8.0	8.5		7.5		75	71	50	75	271	6.8		16	
574	B19DCQT093	Nguyễn Bá	Long	D19CQQT01-B	8.0	8.5		8.0		100	84	70	95	349	8.7		16	
575	B19DCQT094	Đặng Thị Khánh	Ly	D19CQQT02-B	7.0	8.5		8.0		80	74	40	65	259	6.5		16	
576	B19DCCN415	Lê Công	Mạnh	D19CQCN07-B	8.0	6.0		6.5		V	V	V	60	V	V	Vắng	16	
577	B19DCMR112	Lê Thị	Minh	D19CQMR04-B	7.0	5.5		7.5		15	48	0	10	73	0	Không đạt	16	
578	B19DCDT159	Hoàng Thị Hồng	Ngát	D19CQDT03-B	8.0	7.0		7.0		50	76	30	70	226	5.7		16	
579	B19DCDT160	Kiều Như	Ngọc	D19CQDT04-B	7.0	9.0		7.5		45	67	50	10	172	0	Không đạt	16	
580	B19DCQT124	Phan Kiều	Oanh	D19CQQT04-B	8.5	9.5		9.5		95	59	65	80	299	7.5		16	
581	B19DCCN513	Nguyễn Thị	Phương	D19CQCN09-B	7.0	7.0		6.0		35	35	50	70	190	4.8		16	
582	B19DCCN555	Nguyễn Khắc	Sơn	D19CQCN03-B	8.0	8.5		7.0		65	47	0	10	122	0	Không đạt	16	
583	B19DCDT216	Hoa Thị	Thanh	D19CQDT04-B	8.0	9.0		7.5		60	76	45	80	261	6.5		16	
584	B19DCQT146	Trần Thị Thanh	Thanh	D19CQQT02-B	7.0	8.0		8.0		75	27	65	65	232	0	Không đạt	16	
585	B18DCDT233	Nguyễn Mạc	Thành	D18CQDT01-B	7.0	7.5		8.5		90	54	60	50	254	6.4		16	
586	B19DCAT187	Nguyễn Hữu	Thắng	D19CQAT03-B	8.0	7.0		8.0		55	84	50	10	199	0	Không đạt	16	
587	B18DCAT241	Đoàn Văn	Thìn	D18CQAT01-B	6.0	7.0		6.0		20	35	8	10	73	0	Không đạt	16	
588	B19DCDT240	Phan Thị Thanh	Thúy	D19CQDT04-B	8.0	8.0		7.5		85	72	30	10	197	0	Không đạt	16	
589	B19DCQT164	Đỗ Thị Huyền	Thương	D19CQQT04-B	8.0	10.0		7.5		75	51	70	60	256	6.4		16	
590	B19DCQT166	Lê Thị Huyền	Trang	D19CQQT02-B	8.0	8.0		8.0		75	42	60	55	232	5.8		16	
591	B19DCQT168	Lưu Thị Huyền	Trang	D19CQQT04-B	7.0	8.0		6.5		60	35	70	35	200	5		16	
592	B19DCCN601	Nguyễn Vĩnh	Tú	D19CQCN01-B	8.0	9.0		9.0		100	88	65	65	318	8		16	
593	B19DCCN622	Đỗ Trí	Tuệ	D19CQCN10-B	7.0	5.0		5.0		25	43	8	V	V	V	Vắng	16	
594	B19DCVT353	Nguyễn Danh	Tùng	D19CQVT01-B	6.0	5.0		5.0		V	V	V	10	V	V	Vắng	16	
595	B19DCKT004	Đặng Lê Hoàng	Anh	D19ACCA	9.0	8.5		8.0		85	41	60	95	281	7		17	
596	B19DCKT006	Đỗ Thị Lan	Anh	D19CQKT02-B	9.0	8.0		7.5		40	39	60	55	194	4.9		17	
597	B19DCKT007	Đỗ Thị Lan	Anh	D19CQKT03-B	8.0	7.7		7.5		45	47	40	90	222	5.6		17	
598	B19DCPT006	Nguyễn Hải	Anh	D19TKDPT1	9.0	7.5		8.0		90	64	55	95	304	7.6		17	
599	B19DCKT017	Phạm Thị Lan	Anh	D19ACCA	8.0	7.5		8.0		85	71	65	75	296	7.4		17	
600	B19DCCN040	Phan Quốc	Anh	D19CQCN04-B	9.0	8.5		8.5		25	63	40	70	198	0	Không đạt	17	
601	B19DCKT027	Đỗ Thị Thùy	Chi	D19ACCA	8.0	7.5		7.5		50	46	30	80	206	5.2		17	
602	B19DCVT037	Nguyễn Mạnh	Cường	D19CQVT05-B	9.0	7.5		8.0		85	39	60	55	239	6		17	
603	B19DCCN090	Phùng Đức	Cường	D19CQCN06-B	8.0	8.0		7.5		90	71	35	60	256	6.4		17	
604	B19DCVT052	Nguyễn Văn	Duẩn	D19CQVT04-B	9.0	7.5		7.5		45	34	10	V	V	V	Vắng	17	
605	B19DCAT026	Đoàn Phương	Dung	D19CQAT02-B	8.5	7.5		8.0		35	67	40	60	202	5.1		17	
606	B19DCVT064	Nguyễn Đức Anh	Duy	D19CQVT08-B	9.0	8.0		7.5		60	60	70	93	283	7.1		17	
607	B19DCCN169	Đặng Minh	Đạt	D19CQCN01-B	9.0	8.5		8.5		100	56	60	80	296	7.4		17	
608	B19DCMR051	Đoàn Thị Hương	Giang	D19CQMR03-B	9.0	8.0		7.5		40	68	70	75	253	6.3		17	
609	B19DCKT039	Nguyễn Hương	Giang	D19ACCA	7.5	7.5		7.5		V	V	V	V	V	V	Vắng	17	
610	B19DCKT045	Nguyễn Thu	Hà	D19CQKT01-B	9.0	8.0		8.0		15	52	55	90	212	0	Không đạt	17	
611	B19DCKT053	Đỗ Thị	Hằng	D19CQKT01-B	9.0	8.0		8.0		90	76	70	85	321	8		17	
612	B19DCKT061	Đỗ Thị Thanh	Hiền	D19ACCA	9.0	8.0		8.0		90	60	50	80	280	7		17	
613	B19DCVT154	Hà Huy	Hoàng	D19CQVT02-B	8.0	7.5		7.5		95	84	75	65	319	8		17	
614	B19DCVT184	Lê Thành	Hưng	D19CQVT08-B	7.0	7.5		7.5		70	72	60	60	262	6.6		17	
615	B19DCKT079	Nguyễn Thị	Hương	D19CQKT03-B	9.0	7.5		7.5		65	48	30	80	223	5.6		17	
616	B19DCPT126	Cao Văn	Khang	D19TKDPT1	8.0	7.5		7.5		70	56	50	75	251	6.3		17	
617	B19DCKT081	Trần Thị Hồng	Khanh	D19CQKT01-B	8.5	7.5		8.0		55	54	60	50	219	5.5		17	
618	B19DCKT093	Bùi Thùy	Linh	D19CQKT01-B	9.0	8.0		7.5		60	49	40	65	214	5.4		17	
619	B19DCKT099	Phạm Thị	Linh	D19ACCA	8.0	7.5		7.5		25	54	25	50	154	0	Không đạt	17	
620	B19DCVT232	Lê Hải	Long	D19CQVT08-B	8.0	8.0		8.0		65	62	55	60	242	6.1		17	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
621	B19DCKT110	Nguyễn Thị	**Mến**	D19ACCA	9.0	7.5		8.0		40	47	40	45	172	**4.3**		17	
622	B19DCKT129	Nguyễn Hồng	**Nhật**	D19CQKT01-B	8.5	8.0		7.5		90	75	60	50	275	**6.9**		17	
623	B19DCKT131	Đinh Thị	**Nhung**	D19ACCA	9.0	8.0		8.0		0	8	0	10	18	**0**	Không đạt	17	
624	B19DCKT118	Nguyễn Thị Hoài	**Ninh**	D19ACCA	9.0	8.0		8.0		75	59	30	75	239	**6**		17	
625	B19DCKT134	Nguyễn Thị Hồng	**Phúc**	D19ACCA	9.0	7.5		7.5		25	29	30	60	144	**0**	Không đạt	17	
626	B19DCKT143	Nguyễn Diễm	**Quỳnh**	D19ACCA	9.0	8.0		7.5		95	56	60	80	291	**7.3**		17	
627	B19DCPT189	Nguyễn Khắc	**Sang**	D19PTDPT	7.0	8.0		7.5		70	72	70	80	292	**7.3**		17	
628	B19DCKT147	Nguyễn Tấn	**Sang**	D19ACCA	7.5	8.0		7.5		85	46	45	73	249	**6.2**		17	
629	B19DCKT148	Nguyễn Thái	**Sơn**	D19ACCA	9.0	9.0		8.5		100	55	65	65	285	**7.1**		17	
630	B19DCKT168	Đồng Thị Thanh	**Thúy**	D19CQKT04-B	8.0	8.0		8.0		100	68	55	70	293	**7.3**		17	
631	B19DCKT180	Nguyễn Thị Huyền	**Trang**	D19CQKT04-B	8.0	7.5		7.5		70	59	70	90	289	**7.2**		17	
632	B19DCKT184	Vũ Thị Huyền	**Trang**	D19ACCA	6.5	7.5		7.5		85	71	65	40	261	**6.5**		17	
633	B19DCTM003	Nguyễn Tuấn	**Anh**	D19CQTM01-B	9.0	8.0		8.0		75	72	55	85	287	**7.2**		18	
634	B19DCTM012	Hà Ngọc	**Châm**	D19CQTM02-B	8.0	7.0		6.0		15	70	50	55	190	**0**	Không đạt	18	
635	B19DCTT017	Lê Huy	**Chung**	D19CQTT01-B	9.0	7.0		7.0		65	40	40	85	230	**5.8**		18	
636	B19DCTM020	Nguyễn Thị	**Điệp**	D19CQTM02-B	8.0	7.0		6.0		30	50	30	60	170	**4.3**		18	
637	B19DCTM026	Bùi Mai	**Hoa**	D19CQTM02-B	8.0	7.0		6.0		45	47	45	70	207	**5.2**		18	
638	B19DCCN266	Trần Đình	**Hòa**	D19CQCN02-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	18	Nợ HP
639	B19DCCN281	Nguyễn Văn	**Hoàng**	D19CQCN05-B	8.0	7.0		6.0		25	29	45	50	149	**0**	Không đạt	18	
640	B19DCCN287	Phạm Thị	**Hồng**	D19CQCN11-B	9.0	7.0		7.0		30	24	60	60	174	**0**	Không đạt	18	
641	B19DCTT045	Phạm Thị	**Hồng**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		6.0		25	55	35	75	190	**0**	Không đạt	18	
642	B19DCTT060	Nguyễn Nam	**Khánh**	D19CQTT02-B	8.0	7.0		7.0		55	55	40	80	230	**5.8**		18	
643	B19DCTT061	Đào Thủy	**Lan**	D19CQTT01-B	9.0	7.0		7.0		95	59	40	85	279	**7**		18	
644	B19DCTT063	Nguyễn Thị Phương	**Lan**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		7.0		50	67	50	80	247	**6.2**		18	
645	B19DCTT067	Chử Thùy	**Linh**	D19CQTT01-B	9.0	8.0		8.0		70	47	75	80	272	**6.8**		18	
646	B19DCTT069	Phạm Thị Khánh	**Linh**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		6.0		45	39	70	60	214	**5.4**		18	
647	B19DCTT075	Trần Hương	**Mai**	D19CQTT01-B	9.0	8.0		8.0		95	60	70	90	315	**7.9**		18	
648	B19DCPT160	Nguyễn Đức	**Minh**	D19TKDPT2	8.0	7.0		6.0		45	50	60	78	233	**5.8**		18	
649	B19DCTT077	Nguyễn Lê Trà	**My**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		7.0		100	72	55	90	317	**7.9**		18	
650	B19DCDT156	Trần Bảo	**Nam**	D19CQDT04-B	8.0	6.0		7.0		60	48	55	90	253	**6.3**		18	
651	B19DCCN466	Nguyễn Minh	**Nghĩa**	D19CQCN10-B	7.0	7.0		6.0		75	68	65	70	278	**7**		18	
652	B19DCTM053	Chu Thanh	**Nhàn**	D19CQTM01-B	9.0	7.0		8.0		70	68	70	87	295	**7.4**		18	
653	B19DCTT089	Bùi Thị Thu	**Phương**	D19CQTT01-B	8.0	6.0		7.0		90	84	70	50	294	**7.4**		18	
654	B19DCCN509	Lê Ngọc	**Phương**	D19CQCN05-B	8.0	6.0		7.0		30	43	30	70	173	**4.3**		18	
655	B19DCTT094	Ma Thị Thu	**Quỳnh**	D19CQTT02-B	8.0	6.5		7.0		40	48	70	40	198	**5**		18	
656	B19DCCN545	Nguyễn Như	**Quỳnh**	D19CQCN05-B	8.0	7.0		7.0		70	52	50	10	182	**0**	Không đạt	18	
657	B19DCTT095	Phạm Thị	**Quỳnh**	D19CQTT01-B	8.0	6.0		6.0		30	59	60	75	224	**5.6**		18	
658	B19DCTT097	Võ Thành	**Sơn**	D19CQTT01-B	9.0	8.0		8.0		90	75	60	100	325	**8.1**		18	
659	B19DCTM069	Bùi Thị Thanh	**Thanh**	D19CQTM01-B	8.0	7.0		8.0		50	59	40	75	224	**5.6**		18	
660	B19DCTM071	Nguyễn Thị Thu	**Thảo**	D19CQTM01-B	8.0	7.0		7.0		20	52	20	60	152	**0**	Không đạt	18	
661	B19DCPT224	Nguyễn Thu	**Thảo**	D19TKDPT3	8.0	7.0		7.0		100	59	55	55	269	**6.7**		18	
662	B19DCTM074	Trần Thị	**Thêm**	D19CQTM02-B	8.0	7.0		7.0		30	54	50	60	194	**4.9**		18	
663	B19DCTT110	Đinh Đức	**Thiện**	D19CQTT02-B	7.0	5.0		6.0		20	8	10	10	48	**0**	Không đạt	18	
664	B17DCDT184	Phạm Đăng	**Trà**	D17XLTH2	5.0	6.0		6.0		20	12	0	10	42	**0**	Không đạt	18	
665	B19DCCN693	Lê Văn	**Trọng**	D19CQCN02-B	8.0	6.0		6.0		55	26	20	83	184	**0**	Không đạt	18	
666	B19DCCN695	Trịnh Quốc	**Trọng**	D19CQCN04-B	8.0	7.0		7.0		55	35	35	55	180	**4.5**		18	
667	B19DCPT220	Nguyễn Thị	**Tuyết**	D19TKDPT3	8.0	7.0		7.0		95	47	20	75	237	**0**	Không đạt	18	
668	B19DCTM079	Nguyễn Thị	**Uyên**	D19CQTM01-B	9.0	8.0		8.0		50	51	60	55	216	**5.4**		18	
669	B19DCVT443	Nguyễn Tuấn	**Vũ**	D19CQVT03-B	8.0	7.0		7.0		60	64	35	85	244	**6.1**		18	
670	B19DCKT001	Phạm Thu	**An**	D19CQKT01-B	10.0	8.0		8.0		80	71	55	70	276	**6.9**		19	
671	B19DCKT009	Lê Thị Phương	**Anh**	D19CQKT01-B	10.0	8.0		8.0		65	43	35	70	213	**5.3**		19	
672	B19DCCN018	Lê Việt	**Anh**	D19CQCN06-B	8.0	7.0		7.0		60	75	45	70	250	**6.3**		19	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
673	B19DCQT026	Nguyễn Thị Minh	Châu	D19CQQT02-B	10.0	8.0		8.0		15	38	10	73	136	0	Không đạt	19	
674	B19DCQT030	Nguyễn Thị	Chinh	D19CQQT02-B	9.0	7.0		8.0		50	56	45	80	231	5.8		19	
675	B19DCQT036	Lê Thị	Dung	D19CQQT04-B	9.0	8.0		8.0		35	0	40	75	150	0	Không đạt	19	
676	B19DCCN130	Phạm Trung	Dũng	D19CQCN10-B	9.0	6.0		7.0		20	32	10	10	72	0	Không đạt	19	
677	B19DCCN138	Lê Huy	Duy	D19CQCN06-B	9.0	7.0		8.0		80	40	45	75	240	6		19	
678	B19DCCN163	Đặng Duy	Đan	D19CQCN07-B	9.0	7.0		7.0		20	63	55	70	208	0	Không đạt	19	
679	B19DCKT041	Phạm Trà	Giang	D19CQKT01-B	10.0	8.0		8.0		75	71	40	70	256	6.4		19	
680	B19DCKT050	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	D19CQKT02-B	9.0	8.0		8.0		70	55	30	55	210	5.3		19	
681	B18DCMR063	Lê Thu	Hằng	D18IMR2	10.0	8.0		7.0		80	44	50	80	254	6.4		19	
682	B19DCVT133	Lê Minh	Hiếu	D19CQVT05-B	4.0	5.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	19	
683	B19DCVT153	Đặng Văn	Hoàng	D19CQVT01-B	9.0	8.0		7.0		75	40	20	10	145	0	Không đạt	19	
684	B19DCCN274	Kim Huy	Hoàng	D19CQCN10-B	9.0	7.0		7.0		15	67	60	45	187	0	Không đạt	19	
685	B18DCCN278	Đào Quang	Hưng	D18CNPM2	9.0	7.0		7.0		80	63	45	85	273	6.8		19	
686	B19DCDT130	Đào Viết	Linh	D19CQDT02-B	9.0	7.0		7.0		10	17	10	10	47	0	Không đạt	19	
687	B19DCVT225	Trần Hải	Linh	D19CQVT01-B	8.0	7.0		7.0		65	50	50	10	175	0	Không đạt	19	
688	B19DCVT230	Hoàng Văn	Long	D19CQVT06-B	9.0	7.0		7.0		45	30	30	60	165	4.1		19	
689	B19DCCN401	Hoàng Văn	Lộc	D19CQCN05-B	9.0	7.0		7.0		20	37	20	10	87	0	Không đạt	19	
690	B19DCTM040	Nguyễn Thị	Luyên	D19CQTM02-B	9.0	8.0		7.0		65	51	55	70	241	6		19	
691	B19DCVT246	Đỗ Văn	Mạnh	D19CQVT06-B	9.0	7.0		6.0		55	42	20	65	182	0	Không đạt	19	
692	B19DCTM050	Nguyễn Thị	Minh	D19CQTM02-B	10.0	8.0		8.0		75	61	35	60	231	5.8		19	
693	B19DCKT139	Vũ Thu	Phương	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		H	H	H	10	H	I	Vắng có phép	19	
694	B19DCAT143	Nguyễn Công	Phượng	D19CQAT03-B	8.0	6.0		6.0		35	39	30	80	184	4.6		19	
695	B19DCQT134	Tống Thị	Phượng	D19CQQT02-B	10.0	7.0		8.0		25	62	60	60	207	0	Không đạt	19	
696	B19DCAT145	Nguyễn Đoàn	Quân	D19CQAT01-B	9.0	8.0		7.0		50	44	40	80	214	5.4		19	
697	B19DCCN558	Nguyễn Văn	Sơn	D19CQCN06-B	9.0	7.0		8.0		50	38	55	75	218	5.5		19	
698	B19DCTM072	Trần Thị Thu	Thảo	D19CQTM02-B	10.0	8.0		8.0		50	28	40	65	183	0	Không đạt	19	
699	B19DCQT155	Mai Ngọc	Thi	D19CQQT03-B	9.0	8.0		7.0		20	25	65	55	165	0	Không đạt	19	
700	B19DCCN668	Nguyễn Quang	Thiện	D19CQCN10-B	8.0	7.0		7.0		25	20	0	10	55	0	Không đạt	19	
701	B19DCAT195	Nguyễn Minh	Thuận	D19CQAT03-B	8.0	6.0		7.0		45	53	60	63	221	5.5		19	
702	B19DCCN589	Hà Duy Mạnh	Toàn	D19CQCN01-B	10.0	6.0		7.0		15	19	30	10	74	0	Không đạt	19	
703	B19DCTM078	Nguyễn Thị	Trang	D19CQTM02-B	10.0	8.0		7.0		45	51	55	85	236	5.9		19	
704	B17DCCN651	Hàn Nhật	Tuấn	D17HTTT2	9.0	8.0		7.0		85	38	50	98	271	6.8		19	
705	B19DCMR208	Đức Thị Hải	Yến	D19CQMR04-B	10.0	8.0		8.0		85	68	55	80	288	7.2		19	
706	B19DCVT031	Ma Đức	Cảnh	D19CQVT07-B	8.0	8.0		8.0		50	17	20	10	97	0	Không đạt	20	
707	B19DCMR032	Phạm Thị Huyền	Diệu	D19CQMR04-B	8.0	7.5		7.5		55	59	55	83	252	6.3		20	
708	B19DCTT021	Nguyễn Đình	Doanh	D19CQTT01-B	9.0	8.0		8.0		40	31	20	68	159	0	Không đạt	20	
709	B19DCPT032	Đỗ Phúc Hà	Duy	D19TKDPT1	6.0	7.0		7.0		20	84	70	10	184	0	Không đạt	20	
710	B19DCCN166	Bùi Xuân	Đạt	D19CQCN10-B	7.5	8.0		7.5		5	23	0	10	38	0	Không đạt	20	
711	B19DCCN728	Phạm Anh	Đức	D19CQCN01-B	5.0	6.0		6.0		0	20	0	10	30	0	Không đạt	20	
712	B19DCPT092	Hà Mạnh	Hoàng	D19TKDPT3	3.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	20	
713	B19DCDT099	Phạm Quỳnh	Hợp	D19CQDT03-B	8.0	7.5		8.0		10	35	30	10	85	0	Không đạt	20	
714	B19DCKT072	Nguyễn Thị Minh	Huệ	D19CQKT04-B	8.5	8.0		7.5		35	51	55	70	211	5.3		20	
715	B19DCMR078	Hoàng Phó	Hùng	D19CQMR02-B	7.0	7.0		8.0		85	72	60	75	292	7.3		20	
716	B19DCVT183	Hoàng Văn	Hưng	D19CQVT07-B	7.0	7.5		7.5		55	42	50	75	222	5.6		20	
717	B19DCVT202	Trần Văn	Khánh	D19CQVT02-B	9.0	8.0		8.0		20	75	50	10	155	0	Không đạt	20	
718	B19DCCN366	Nguyễn Thanh	Lan	D19CQCN06-B	9.0	7.5		8.0		35	55	55	H	H	I	Vắng có phép	20	
719	B17DCCN405	Trần Quang	Lực	D17CNPM4	7.5	7.5		7.5		0	41	0	10	51	0	Không đạt	20	
720	B19DCMR119	Nghiêm Thị Khánh	Ngân	D19CQMR03-B	9.0	7.5		8.0		35	51	50	50	186	4.7		20	
721	B19DCMR132	Nguyễn Thị	Nhung	D19CQMR04-B	7.0	7.0		7.5		100	68	65	75	308	7.7		20	
722	B19DCPT169	Đàm Xuân	Ninh	D19PTDPT	8.0	8.0		8.0		50	72	55	50	227	5.7		20	
723	B19DCVT280	Đoàn Văn	Phong	D19CQVT08-B	8.0	7.5		8.0		30	48	30	60	168	4.2		20	
724	B19DCMR140	Nguyễn Thế	Phúc	D19CQMR04-B	8.0	8.0		8.0		25	48	10	10	93	0	Không đạt	20	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
725	B19DCMR152	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	D19CQMR04-B	6.5	7.0		6.5		45	51	40	75	211	5.3		20	
726	B19DCCN569	Nguyễn Bá	Tâm	D19CQCN05-B	8.5	8.0		8.0		55	63	50	75	243	6.1		20	
727	B19DCPT199	Dương Nhật	Tân	D19TKDPT1	7.5	8.0		8.0		85	83	50	50	268	6.7		20	
728	B19DCVT369	Ngô Thanh	Thái	D19CQVT01-B	9.0	7.5		7.5		20	75	50	10	155	0	Không đạt	20	
729	B19DCCN640	Nguyễn Văn	Thái	D19CQCN04-B	9.0	8.0		8.5		40	53	55	90	238	6		20	
730	B19DCVT375	Nguyễn Hữu	Thành	D19CQVT07-B	7.5	7.5		7.5		90	67	65	68	290	7.3		20	
731	B19DCVT397	Trần Văn	Thu	D19CQVT05-B	8.0	8.0		7.8		100	60	65	57	282	7.1		20	
732	B19DCKT164	Phạm Thị Phương	Thùy	D19CQKT04-B	8.5	8.0		8.0		30	21	40	60	151	0	Không đạt	20	
733	B19DCCN680	Phạm Tường	Thụy	D19CQCN11-B	8.5	8.0		7.5		55	55	24	75	209	0	Không đạt	20	
734	B19DCVT404	Nguyễn Duy	Thường	D19CQVT04-B	9.0	8.0		7.5		65	55	70	70	260	6.5		20	
735	B19DCVT325	Vũ Viết	Tiến	D19CQVT05-B	8.0	8.0		8.0		50	67	55	85	257	6.4		20	
736	B19DCCN590	Nguyễn Công	Toàn	D19CQCN02-B	9.0	8.0		8.0		50	38	55	55	198	5		20	
737	B19DCMR180	Đinh Thu	Trang	D19CQMR04-B	6.0	6.0		6.5		40	56	60	85	241	6		20	
738	B19DCMR187	Nhữ Thị Thảo	Trang	D19CQMR03-B	7.5	7.5		7.0		35	39	40	85	199	5		20	
739	B19DCDT246	Nguyễn Đức	Trung	D19CQDT02-B	9.0	7.5		7.5		25	40	40	10	115	0	Không đạt	20	
740	B19DCVT354	Nguyễn Duy	Tùng	D19CQVT02-B	8.0	8.0		7.5		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	20	Nợ HP
741	B19DCCN721	Nguyễn Thế	Vinh	D19CQCN08-B	8.5	8.0		7.5		80	59	60	80	279	7		20	
742	B17DCAT218	Nguyễn Thị	Yến	D17CQAT02-B	7.5	7.5		7.5		0	8	0	V	V	V	Vắng	20	
743	B19DCMR002	Bùi Việt	Anh	D19CQMR02-B	7.0	6.0		7.0		100	44	78	90	312	7.8		21	
744	B19DCCN021	Nguyễn Dương Kỳ	Anh	D19CQCN09-B	8.0	7.0		7.0		H	H	H	80	H	I	Vắng có phép	21	
745	B19DCCN093	Triệu	Cường	D19CQCN09-B	8.0	7.0		7.0		45	33	70	88	236	5.9		21	
746	B19DCTM015	Phạm Thị Hồng	Dịu	D19CQTM01-B	8.0	7.0		7.0		30	52	70	65	217	5.4		21	
747	B19DCTT025	Nguyễn Đình	Dương	D19CQTT01-B	8.0	8.0		7.0		65	42	82	83	272	6.8		21	
748	B19DCPT044	Hoàng Xuân	Đạt	D19TKDPT2	8.0	7.0		7.0		70	52	84	60	266	6.7		21	
749	B19DCTT033	Tống Thị	Đường	D19CQTT01-B	9.0	8.0		7.0		50	55	77	80	262	6.6		21	
750	B19DCTT035	Nguyễn Trường	Giang	D19CQTT01-B	7.0	5.0		5.0		75	48	62	93	278	7		21	
751	B19DCTT036	Đoàn Thu	Hà	D19CQTT02-B	8.0	8.0		7.0		40	60	38	65	203	5.1		21	
752	B19DCPT068	Hoàng Minh	Hải	D19TKDPT2	8.0	7.0		7.0		100	76	82	88	346	8.7		21	
753	B19DCPT069	Lê Hoàng	Hải	D19TKDPT2	9.0	8.0		8.0		80	60	85	90	315	7.9		21	
754	B19DCCN270	Trần Đình	Hoan	D19CQCN06-B	9.0	8.0		7.0		30	46	68	55	199	5		21	
755	B19DCTT048	Lê Quang	Huy	D19CQTT02-B	7.0	7.0		6.0		90	39	85	78	292	7.3		21	
756	B19DCTT049	Lê Văn	Huy	D19CQTT01-B	7.0	5.0		5.0		75	46	56	60	237	5.9		21	
757	B19DCCN324	Trịnh Bùi Quang	Huy	D19CQCN12-B	8.0	7.0		7.0		30	44	40	60	174	4.4		21	
758	B19DCTT056	Lê Thị Mai	Hương	D19CQTT02-B	8.0	7.0		6.0		70	51	80	88	289	7.2		21	
759	B19DCDT112	Trần Thị Thu	Hương	D19CQDT04-B	9.0	8.0		8.0		65	51	50	10	176	0	Không đạt	21	
760	B19DCPT129	Phan Quốc	Khánh	D19TKDPT1	8.0	7.0		7.0		80	37	85	95	297	7.4		21	
761	B19DCMR094	Lê Phương	Linh	D19CQMR02-B	8.0	6.0		6.0		40	33	50	88	211	5.3		21	
762	B19DCTM039	Hoàng Đức	Long	D19CQTM01-B	8.0	6.0		6.0		75	72	88	80	315	7.9		21	
763	B19DCVT240	Nguyễn Tiến	Lợi	D19CQVT08-B	8.0	7.0		7.0		75	76	66	70	287	7.2		21	
764	B19DCTM045	Đoàn Đức	Mạnh	D19CQTM01-B	8.0	6.0		7.0		85	76	84	70	315	7.9		21	
765	B19DCPT159	Vũ Đình	Mạnh	D19TKDPT2	8.0	7.0		7.0		70	55	85	80	290	7.3		21	
766	B19DCTM055	Nguyễn Thị	Nhị	D19CQTM01-B	8.0	6.0		6.0		30	43	56	75	204	5.1		21	
767	B19DCTT086	Dương Thị	Nhung	D19CQTT02-B	9.0	8.0		8.0		75	55	55	80	265	6.6		21	
768	B19DCTT091	Nguyễn Thu	Phương	D19CQTT01-B	9.0	8.0		7.0		75	55	85	70	285	7.1		21	
769	B19DCMR154	Nguyễn Thị Thu	Sao	D19CQMR02-B	8.0	7.0		8.0		40	55	72	80	247	6.2		21	
770	B19DCPT194	Trần Ngọc	Sơn	D19TKDPT3	8.0	7.0		7.0		90	70	80	45	285	7.1		21	
771	B19DCDT217	Hoàng Thị	Thanh	D19CQDT01-B	8.0	7.0		7.0		30	47	66	35	178	4.5		21	
772	B19DCCN659	Nguyễn Công	Thắng	D19CQCN12-B	8.0	7.0		7.0		75	51	20	10	156	0	Không đạt	21	
773	B19DCPT229	Đoàn Văn	Thịnh	D19TKDPT3	8.0	7.0		7.0		55	60	85	75	275	6.9		21	
774	B19DCDT237	Nguyễn Đức	Thịnh	D19CQDT01-B	8.0	7.0		7.0		30	59	80	25	194	0	Không đạt	21	
775	B19DCCN585	Đinh Tuấn	Tinh	D19CQCN09-B	8.0	6.0		6.0		75	31	55	10	171	0	Không đạt	21	
776	B19DCVT336	Nguyễn Xuân	Tuân	D19CQVT08-B	8.0	6.0		6.0		70	47	45	55	217	5.4		21	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
777	B19DCAT209	Nguyễn Thị	Xuân	D19CQAT01-B	8.0	7.0		6.0		35	35	30	20	120	0	Không đạt	21	
778	B19DCPT251	Đào Như	Ý	D19TKDPT2	8.0	7.0		6.0		30	48	75	40	193	4.8		21	
779	B19DCTM082	Nguyễn Thị Hải	Yến	D19CQTM02-B	8.0	6.0		6.0		20	30	42	83	175	0	Không đạt	21	
780	B19DCKT010	Lưu Thị Ngọc	Anh	D19CQKT02-B	9.0	8.0		8.0		90	49	65	65	269	6.7		22	
781	B19DCKT011	Mai Thị Hồng	Anh	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		35	72	76	85	268	6.7		22	
782	B19DCKT015	Nguyễn Thị Hà	Anh	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		40	65	75	70	250	6.3		22	
783	B19DCQT009	Nguyễn Thị Kim	Anh	D19CQQT01-B	9.0	8.0		8.0		70	62	80	70	282	7.1		22	
784	B19DCCN056	Nguyễn Văn	Bách	D19CQCN08-B	9.0	8.0		8.0		80	84	80	85	329	8.2		22	
785	B19DCCN106	Nguyễn Tiến	Chức	D19CQCN10-B	9.0	8.0		8.0		30	63	44	70	207	5.2		22	
786	B19DCVT058	Phạm Vũ	Dũng	D19CQVT02-B	9.0	7.0		7.0		70	72	70	80	292	7.3		22	
787	B19DCMR043	Vũ Thị	Duyên	D19CQMR03-B	10.0	8.0		8.0		90	71	85	85	331	8.3		22	
788	B19DCMR044	Vũ Thị	Duyên	D19CQMR04-B	10.0	8.0		8.0		75	88	70	85	318	8		22	
789	B19DCCN152	Mai Đại	Dương	D19CQCN08-B	9.0	8.0		7.0		80	83	76	70	309	7.7		22	
790	B18DCCN186	Đinh Hương	Giang	D18HTTT6	8.0	7.0		6.0		95	70	66	90	321	8		22	
791	B19DCMR052	Lê Hương	Giang	D19CQMR04-B	10.0	8.0		8.0		70	66	68	70	274	6.9		22	
792	B19DCMR053	Nguyễn Ninh	Giang	D19CQMR01-B	9.0	8.0		8.0		70	48	77	75	270	6.8		22	
793	B19DCKT059	Tạ Thị	Hằng	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		40	51	70	75	236	5.9		22	
794	B19DCMR065	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D19CQMR01-B	9.0	8.0		8.0		60	80	75	50	265	6.6		22	
795	B19DCMR075	Nguyễn Huy	Hoàng	D19CQMR03-B	9.0	7.0		7.0		60	66	80	85	291	7.3		22	
796	B19DCQT069	Đỗ Xuân	Hùng	D19CQQT01-B	9.0	7.0		7.0		70	76	85	70	301	7.5		22	
797	B19DCCN293	Hà Duyên	Hùng	D19CQCN05-B	9.0	7.0		7.0		30	45	30	70	175	4.4		22	
798	B19DCCN327	Hoàng Tuấn	Hưng	D19CQCN03-B	9.0	7.0		7.0		75	88	72	10	245	0	Không đạt	22	
799	B19DCMR084	Nguyễn Thị Thúy	Hường	D19CQMR04-B	10.0	8.0		8.0		75	84	60	90	309	7.7		22	
800	B19DCVT198	Đoàn Quốc	Khánh	D19CQVT06-B	9.0	7.0		8.0		20	46	53	10	129	0	Không đạt	22	
801	B19DCQT086	Đào Phan	Lâm	D19CQQT02-B	8.0	7.0		7.0		70	75	80	80	305	7.6		22	
802	B19DCMR111	Nguyễn Nhân	Mạnh	D19CQMR03-B	8.0	6.0		6.0		50	36	68	50	204	5.1		22	
803	B19DCCN448	Nguyễn Bá	Nam	D19CQCN04-B	8.0	7.0		7.0		60	80	76	70	286	7.2		22	
804	B19DCKT121	Vũ Thị	Nga	D19CQKT01-B	9.0	8.0		8.0		30	31	48	80	189	4.7		22	
805	B19DCCN523	Phí Minh	Quang	D19CQCN07-B	9.0	7.0		7.0		65	80	64	75	284	7.1		22	
806	B19DCCN535	Vũ Hữu	Quân	D19CQCN07-B	8.0	7.0		7.0		80	84	80	75	319	8		22	
807	B19DCCN559	Phạm Thanh	Sơn	D19CQCN07-B	9.0	7.0		7.0		95	72	88	90	345	8.6		22	
808	B19DCMR165	Phùng Thị Mai	Thanh	D19CQMR01-B	10.0	8.0		8.0		40	50	48	65	203	5.1		22	
809	B19DCKT154	Trịnh Thị Hồng	Thanh	D19CQKT02-B	9.0	8.0		8.0		20	40	65	60	185	0	Không đạt	22	
810	B19DCMR167	Phạm Lương	Thành	D19CQMR03-B	9.0	7.0		7.0		60	66	80	75	281	7		22	
811	B19DCQT154	Bùi Đức	Thắng	D19CQQT02-B	9.0	7.0		7.0		60	75	50	70	255	6.4		22	
812	B19DCDT229	Lại Việt	Thắng	D19CQDT01-B	8.0	6.0		7.0		90	80	60	75	305	7.6		22	
813	B19DCMR179	Nguyễn Thị Hiền	Thương	D19CQMR03-B	10.0	8.0		8.0		50	54	52	80	236	5.9		22	
814	B19DCQT175	Nguyễn Thị Hồng	Trần	D19CQQT03-B	9.0	8.0		8.0		40	53	40	70	203	5.1		22	
815	B19DCVT442	Nguyễn Văn	Vĩnh	D19CQVT02-B	9.0	7.0		7.0		35	46	62	70	213	5.3		22	
816	B17DCQT177	Nguyễn Hữu	Vượng	D17QTDN	8.0	5.0		6.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	22	Nợ HP
817	B19DCAT003	Đỗ Đức Quốc	Anh	D19CQAT03-B	9.0	8.0		8.0		80	80	77	80	317	7.9		23	
818	B19DCCN035	Nguyễn Việt	Anh	D19CQCN11-B	5.0	5.0		7.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	23	
819	B19DCVT026	Nguyễn Xuân	Bảo	D19CQVT02-B	9.0	6.0		6.0		30	58	55	10	153	0	Không đạt	23	
820	B19DCCN099	Lê Văn	Chiến	D19CQCN03-B	8.0	5.0		6.0		30	40	30	70	170	4.3		23	
821	B19DCDT021	Nguyễn Minh	Cương	D19CQDT01-B	8.0	5.0		6.0		35	72	45	10	162	0	Không đạt	23	
822	B19DCAT020	Lê Mạnh	Cường	D19CQAT04-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	23	
823	B19DCDT027	Đinh Tiến	Danh	D19CQDT03-B	8.0	6.0		7.0		20	25	8	10	63	0	Không đạt	23	
824	B19DCCN114	Đỗ Thị	Dinh	D19CQCN06-B	8.0	6.0		7.0		35	46	50	75	206	5.2		23	
825	B19DCCN116	Đỗ Thị	Dịu	D19CQCN08-B	8.0	6.0		6.0		30	50	50	70	200	5		23	
826	B19DCCN129	Nguyễn Văn	Dũng	D19CQCN09-B	9.0	5.0		6.0		50	60	60	75	245	6.1		23	
827	B19DCAT034	Nguyễn Công	Đạo	D19CQAT02-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	23	
828	B19DCDT067	Phạm Việt	Hà	D19CQDT03-B	7.0	5.0		5.0		35	35	10	10	90	0	Không đạt	23	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
829	B19DCKT051	Nguyễn Thị Mỹ	**Hạnh**	D19CQKT03-B	8.0	5.0		5.0		35	50	52	60	197	**4.9**		23	
830	B19DCDT090	Đỗ Minh	**Hoàng**	D19CQDT02-B	7.0	7.0		6.0		60	70	85	60	275	**6.9**		23	
831	B19DCTT051	Nguyễn Quang	**Huy**	D19CQTT01-B	8.0	6.0		7.0		90	69	66	75	300	**7.5**		23	
832	B19DCVT178	Nguyễn Văn	**Huy**	D19CQVT02-B	9.0	6.0		6.0		60	40	42	10	152	**0**	Không đạt	23	
833	B19DCAT092	Trần Ngọc	**Huy**	D19CQAT04-B	9.0	7.0		7.0		60	48	64	10	182	**0**	Không đạt	23	
834	B19DCMR081	Quản Thị Thu	**Huyền**	D19CQMR01-B	8.0	7.0		8.0		55	80	80	70	285	**7.1**		23	
835	B19DCAT094	Đoàn Việt	**Hưng**	D19CQAT02-B	5.0	7.0		7.0		70	74	80	10	234	**0**	Không đạt	23	
836	B19DCAT098	Phạm Thị Thu	**Hương**	D19CQAT02-B	8.0	6.0		7.0		55	76	50	55	236	**5.9**		23	
837	B19DCDT117	Phạm Doãn	**Khải**	D19CQDT01-B	8.0	6.0		6.0		40	72	42	10	164	**0**	Không đạt	23	
838	B19DCDT119	Cao Xuân	**Khang**	D19CQDT03-B	8.0	5.0		5.0		15	30	10	10	65	**0**	Không đạt	23	
839	B19DCCN355	Hoàng Minh	**Khánh**	D19CQCN07-B	8.0	7.0		7.0		55	63	66	80	264	**6.6**		23	
840	B19DCDT131	Nghiêm Thị Thuỳ	**Linh**	D19CQDT03-B	5.0	6.0		7.0		30	54	35	10	129	**0**	Không đạt	23	
841	B19DCVT226	Trần Quang	**Linh**	D19CQVT02-B	9.0	7.0		7.0		75	40	42	80	237	**5.9**		23	
842	B19DCVT242	Đào Thế	**Lực**	D19CQVT02-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	23	
843	B19DCDT148	Lê Ngọc	**Nam**	D19CQDT04-B	9.0	7.0		7.0		30	60	30	80	200	**5**		23	
844	B19DCCN465	Nguyễn Chính	**Nghĩa**	D19CQCN09-B	9.0	7.0		7.0		30	31	30	10	101	**0**	Không đạt	23	
845	B19DCCN472	Mai Xuân	**Ngọc**	D19CQCN04-B	9.0	6.0		7.0		35	88	88	80	291	**7.3**		23	
846	B19DCAT175	Đặng Văn	**Thành**	D19CQAT03-B	9.0	5.0		6.0		40	79	77	70	266	**6.7**		23	
847	B19DCCN593	Nguyễn Song	**Toàn**	D19CQCN05-B	7.0	5.0		5.0		30	36	40	80	186	**4.7**		23	
848	B19DCDT204	Nguyễn Mạnh	**Tuấn**	D19CQDT04-B	8.0	6.0		6.0		30	42	30	10	112	**0**	Không đạt	23	
849	B19DCDT208	Nguyễn Sơn	**Tùng**	D19CQDT04-B	5.0	5.0		5.0		30	67	55	60	212	**5.3**		23	
850	B19DCQT144	Ngô Hoàng	**Tuyên**	D19CQQT04-B	5.0	6.0		5.0		55	58	30	70	213	**5.3**		23	
851	B19DCVT367	Nguyễn Minh	**Tường**	D19CQVT07-B	5.0	6.0		7.0		30	47	8	10	95	**0**	Không đạt	23	
852	B19DCDT254	Nguyễn Đăng	**Vũ**	D19CQDT02-B	5.0	6.0		7.0		30	47	60	80	217	**5.4**		23	
853	B19DCAT002	Nguyễn Thanh	**An**	D19CQAT02-B	7.0	8.0		7.0		85	80	80	75	320	**8**		24	
854	B19DCDT009	Nguyễn Đức	**Anh**	D19CQDT01-B	8.0	8.0		7.0		75	40	70	50	235	**5.9**		24	
855	B19DCAT006	Nguyễn Lê Đức	**Anh**	D19CQAT02-B	7.0	8.0		8.0		50	54	65	60	229	**5.7**		24	
856	B19DCKT014	Nguyễn Quỳnh	**Anh**	D19CQKT02-B	6.0	8.0		9.0		0	55	50	55	160	**0**	Không đạt	24	
857	B19DCKT021	Đặng Thị	**Ánh**	D19CQKT01-B	9.0	8.0		7.0		60	67	80	50	257	**6.4**		24	
858	B19DCCN053	Vương Thị	**Ánh**	D19CQCN05-B	8.0	7.0		8.0		35	55	74	30	194	**4.9**		24	
859	B19DCVT045	Phạm Thế	**Chinh**	D19CQVT05-B	7.0	8.0		7.0		35	55	85	45	220	**5.5**		24	
860	B19DCAT017	Trần Hữu	**Cương**	D19CQAT01-B	8.0	6.0		6.0		50	30	20	60	160	**0**	Không đạt	24	
861	B19DCVT035	Dương Mạnh	**Cường**	D19CQVT03-B	9.0	8.0		7.0		22	30	50	10	112	**0**	Không đạt	24	
862	B19DCKT029	Đỗ Thị	**Diệp**	D19CQKT01-B	9.0	7.0		8.0		60	67	77	45	249	**6.2**		24	
863	B19DCDT031	Nguyễn Trọng	**Dũng**	D19CQDT03-B	8.0	8.0		6.0		45	51	55	75	226	**5.7**		24	
864	B19DCAT058	Nguyễn Minh	**Hải**	D19CQAT02-B	9.0	9.0		7.0		85	80	80	75	320	**8**		24	
865	B19DCAT059	Bùi Thị Hồng	**Hạnh**	D19CQAT03-B	8.0	9.0		8.0		25	62	76	35	198	**0**	Không đạt	24	
866	B19DCVT140	Phạm Minh	**Hiếu**	D19CQVT04-B	7.0	8.0		8.0		80	88	74	80	322	**8.1**		24	
867	B19DCAT074	Đỗ Phạm	**Hòa**	D19CQAT02-B	7.0	7.0		7.0		90	84	80	90	344	**8.6**		24	
868	B19DCCN315	Nguyễn Viết	**Huy**	D19CQCN03-B	8.0	7.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	24	
869	B19DCVT180	Nhữ Đình	**Huy**	D19CQVT04-B	9.0	8.0		6.0		80	84	72	70	306	**7.7**		24	
870	B19DCCN321	Phan Quang	**Huy**	D19CQCN09-B	8.0	7.0		8.0		85	80	80	80	325	**8.1**		24	
871	B19DCCN356	Nguyễn Công	**Khánh**	D19CQCN08-B	7.0	7.0		7.0		85	92	72	75	324	**8.1**		24	
872	B19DCAT106	Nguyễn Quốc	**Khánh**	D19CQAT02-B	8.0	6.0		6.0		90	80	70	70	310	**7.8**		24	
873	B19DCVT210	Phan Chí	**Khoa**	D19CQVT02-B	9.0	8.0		9.0		30	30	16	30	106	**0**	Không đạt	24	
874	B19DCKT101	Trần Khánh	**Linh**	D19CQKT01-B	9.0	7.0		8.0		55	41	80	90	266	**6.7**		24	
875	B19DCAT113	Đặng Thế	**Long**	D19CQAT01-B	8.0	8.0		6.0		30	45	30	55	160	**4**		24	
876	B19DCAT118	Trần Ngọc	**Long**	D19CQAT02-B	9.0	9.0		6.0		90	80	65	30	265	**6.6**		24	
877	B19DCQT098	Thiều Thị	**Minh**	D19CQQT02-B	8.0	9.0		7.0		40	35	72	40	187	**4.7**		24	
878	B19DCCN444	Nguyễn Thị Lê	**Na**	D19CQCN12-B	7.0	8.0		7.0		60	54	55	75	244	**6.1**		24	
879	B19DCCN451	Nguyễn Hải	**Nam**	D19CQCN07-B	7.0	7.0		8.0		65	80	72	80	297	**7.4**		24	
880	B19DCCN461	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	D19CQCN05-B	8.0	7.0		6.0		30	20	50	55	155	**0**	Không đạt	24	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
881	B19DCCN508	Đặng Minh	**Phương**	D19CQCN04-B	9.0	8.0		8.0		60	62	50	H	H	**I**	Vắng có phép	24	
882	B19DCAT146	Nguyễn Văn	**Quân**	D19CQAT02-B	8.0	7.0		7.0		55	50	52	55	212	**5.3**		24	
883	B19DCCN547	Vũ Thị	**Quỳnh**	D19CQCN07-B	7.0	7.0		7.0		40	52	65	40	197	**4.9**		24	
884	B19DCDT184	Đặng Ngọc	**Sơn**	D19CQDT04-B	8.0	6.0		7.0		45	40	40	10	135	**0**	Không đạt	24	
885	B19DCDT188	Nguyễn Bá	**Tân**	D19CQDT04-B	9.0	8.0		6.0		40	57	65	10	172	**0**	Không đạt	24	
886	B19DCCN701	Bùi Quang	**Trường**	D19CQCN10-B	9.0	7.0		7.0		70	71	80	40	261	**6.5**		24	
887	B19DCCN609	Hoàng Minh	**Tuấn**	D19CQCN09-B	8.0	8.0		6.0		30	71	70	40	211	**5.3**		24	
888	B19DCCN616	Nguyễn Văn	**Tuấn**	D19CQCN04-B	9.0	9.0		7.0		70	59	85	75	289	**7.2**		24	
889	B19DCCN620	Trần Minh	**Tuấn**	D19CQCN08-B	8.0	9.0		7.0		100	88	73	75	336	**8.4**		24	
890	B19DCKT018	Trần Thị Lan	**Anh**	D19CQKT02-B	9.0	6.0		7.0		80	66	80	65	291	**7.3**		25	
891	B19DCKT022	Đặng Thị Ngọc	**Ánh**	D19CQKT02-B	9.0	7.0		7.0		70	70	80	75	295	**7.4**		25	
892	B19DCAT018	Bùi Kim	**Cường**	D19CQAT02-B	9.0	7.0		7.0		30	38	50	80	198	**5**		25	
893	B19DCCN148	Đặng Thanh	**Dương**	D19CQCN04-B	8.0	6.0		6.0		70	63	65	60	258	**6.5**		25	
894	B19DCAT210	Trịnh Hoàng Ánh	**Dương**	D19CQAT01-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	25	
895	B19DCCN165	Trịnh Hưng	**Đạo**	D19CQCN09-B	8.0	6.0		7.0		80	76	78	90	324	**8.1**		25	
896	B19DCDT044	Đinh Tiến	**Đạt**	D19CQDT04-B	5.0	6.0		7.0		35	60	50	70	215	**5.4**		25	
897	B19DCAT043	Chu Tam	**Định**	D19CQAT03-B	8.0	5.0		6.0		30	48	60	65	203	**5.1**		25	
898	B19DCVT120	Phạm Văn	**Hào**	D19CQVT08-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	25	
899	B19DCCN235	Nguyễn Đình	**Hiệp**	D19CQCN07-B	5.0	5.0		5.0		25	41	1	10	77	**0**	Không đạt	25	
900	B19DCAT066	Đỗ Văn	**Hiếu**	D19CQAT02-B	8.0	5.0		6.0		45	60	20	65	190	**0**	Không đạt	25	
901	B19DCCN261	Vũ Minh	**Hiếu**	D19CQCN09-B	8.0	5.0		5.0		30	76	65	45	216	**5.4**		25	
902	B19DCCN262	Vũ Minh	**Hiếu**	D19CQCN10-B	8.0	6.0		5.0		80	70	70	60	280	**7**		25	
903	B19DCPT124	Nguyễn Văn	**Kỹ**	D19TKDPT2	7.0	6.0		7.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	25	Nợ HP
904	B19DCKT086	Nguyễn Thị Thanh	**Lan**	D19CQKT02-B	9.0	7.0		8.0		100	72	60	85	317	**7.9**		25	
905	B19DCDT133	Lê Đình Thành	**Long**	D19CQDT01-B	8.0	5.0		5.0		20	12	1	10	43	**0**	Không đạt	25	
906	B19DCCN414	Đoàn Tuấn	**Mạnh**	D19CQCN06-B	8.0	5.0		7.0		90	75	70	60	295	**7.4**		25	
907	B19DCCN430	Lê Tuấn	**Minh**	D19CQCN10-B	8.0	7.0		6.0		40	75	75	80	270	**6.8**		25	
908	B19DCVT250	Ngô Vũ Phương	**Minh**	D19CQVT02-B	8.0	6.0		7.0		80	65	80	65	290	**7.3**		25	
909	B19DCKT113	Lưu Thị Trà	**My**	D19CQKT01-B	9.0	7.0		7.0		85	84	75	75	319	**8**		25	
910	B19DCMR129	Trần Thị Minh	**Nguyệt**	D19CQMR01-B	5.0	5.0		6.0		50	72	72	60	254	**6.4**		25	
911	B19DCTT088	Trần Bảo	**Phúc**	D19CQTT02-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	25	
912	B19DCCN519	Chu Ngọc	**Quang**	D19CQCN03-B	9.0	8.0		7.0		90	78	78	75	321	**8**		25	
913	B19DCVT295	Vũ Văn	**Quang**	D19CQVT07-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	25	
914	B19DCCN531	Nguyễn Trọng Anh	**Quân**	D19CQCN03-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	25	
915	B19DCDT185	Lê Hồng	**Sơn**	D19CQDT01-B	5.0	5.0		5.0		65	72	70	85	292	**7.3**		25	
916	B19DCKT150	Trịnh Trung	**Tâm**	D19CQKT02-B	9.0	5.0		5.0		45	59	50	75	229	**5.7**		25	
917	B19DCVT316	Đỗ Thành	**Tân**	D19CQVT04-B	8.0	5.0		5.0		45	58	70	60	233	**5.8**		25	
918	B19DCAT181	Trần Chung	**Thành**	D19CQAT01-B	5.0	7.0		5.0		40	67	60	60	227	**5.7**		25	
919	B19DCTM076	Nguyễn Thị	**Thụy**	D19CQTM02-B	8.0	5.0		7.0		20	80	75	65	240	**0**	Không đạt	25	
920	B19DCKT183	Trần Thị Huyền	**Trang**	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		60	66	76	75	277	**6.9**		25	
921	B19DCCN598	Hoàng Công	**Tú**	D19CQCN10-B	8.0	7.0		7.0		70	83	80	80	313	**7.8**		25	
922	B19DCKT193	Phạm Thị Thu	**Uyên**	D19CQKT01-B	9.0	8.0		7.0		80	79	75	70	304	**7.6**		25	
923	B19DCKT195	Lê Thảo	**Vân**	D19CQKT03-B	9.0	7.0		8.0		70	70	65	65	270	**6.8**		25	
924	B19DCVT439	Trần Văn	**Việt**	D19CQVT07-B	8.0	5.0		5.0		40	67	60	55	222	**5.6**		25	
925	B19DCVT441	Nguyễn Trung	**Vĩnh**	D19CQVT01-B	9.0	6.0		6.0		55	52	72	40	219	**5.5**		25	
926	B19DCPT247	Hà Tuấn	**Vũ**	D19TKDPT2	8.0	6.0		7.0		55	76	75	60	266	**6.7**		25	
927	B19DCMR004	Đỗ Thị Minh	**Anh**	D19CQMR04-B	10.0	7.0		8.0		45	57	65	80	247	**6.2**		26	
928	B19DCCN041	Quách Hoàng	**Anh**	D19CQCN05-B	7.0	6.0		7.0		55	36	10	45	146	**0**	Không đạt	26	
929	B17DCDT017	Vũ Hoàng	**Anh**	D17XLTH1	5.0	7.0		5.0		30	0	10	10	50	**0**	Không đạt	26	
930	B19DCCN054	Bùi Thanh	**Ba**	D19CQCN06-B	9.0	6.0		7.0		60	71	55	80	266	**6.7**		26	
931	B19DCCN066	Đoàn Văn	**Bình**	D19CQCN06-B	9.0	6.0		7.0		65	83	70	70	288	**7.2**		26	
932	B19DCDT022	Bạch Xuân	**Cường**	D19CQDT02-B	9.0	7.0		8.0		85	75	75	70	305	**7.6**		26	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
933	B19DCDT050	Nguyễn Quốc	**Đạt**	D19CQDT02-B	7.0	6.0		6.0		25	34	0	10	69	**0**	Không đạt	26	
934	B19DCDT063	Trần Huỳnh Anh	**Đức**	D19CQDT03-B	8.0	7.0		7.0		35	68	0	70	173	**0**	Không đạt	26	
935	B19DCCN206	Mai Đức	**Giang**	D19CQCN02-B	9.0	7.0		6.0		65	84	65	80	294	**7.4**		26	
936	B19DCDT074	Lê Quốc	**Hiệp**	D19CQDT02-B	8.0	7.0		7.0		45	62	45	10	162	**0**	Không đạt	26	
937	B19DCCN247	Nguyễn Duy	**Hiếu**	D19CQCN07-B	5.0	7.0		7.0		80	71	60	70	281	**7**		26	
938	B19DCVT139	Nguyễn Trung	**Hiếu**	D19CQVT03-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	26	
939	B19DCCN252	Nguyễn Văn	**Hiếu**	D19CQCN12-B	8.0	8.0		7.0		75	67	40	80	262	**6.6**		26	
940	B19DCDT091	Đỗ Minh	**Hoàng**	D19CQDT03-B	8.0	5.0		5.0		30	8	0	10	48	**0**	Không đạt	26	
941	B19DCDT092	Đỗ Việt	**Hoàng**	D19CQDT04-B	9.0	7.0		7.0		55	53	45	10	163	**0**	Không đạt	26	
942	B17DCCN296	Nguyễn Đức	**Hưng**	D17CNPM4	5.0	5.0		5.0		25	71	30	10	136	**0**	Không đạt	26	
943	B19DCAT103	Nguyễn Văn	**Khải**	D19CQAT03-B	8.0	5.0		5.0		30	82	70	50	232	**5.8**		26	
944	B19DCVT209	Phạm Phúc	**Khoa**	D19CQVT01-B	9.0	6.0		7.0		25	45	10	80	160	**0**	Không đạt	26	
945	B19DCDT123	Mai Văn	**Khoái**	D19CQDT03-B	8.0	5.0		7.0		55	80	40	70	245	**6.1**		26	
946	B19DCDT126	Nguyễn Mạnh	**Khởi**	D19CQDT02-B	9.0	6.0		5.0		45	9	10	10	74	**0**	Không đạt	26	
947	B19DCCN395	Ngô Thế	**Long**	D19CQCN11-B	9.0	7.0		8.0		50	84	60	60	254	**6.4**		26	
948	B19DCCN416	Lê Đức	**Mạnh**	D19CQCN08-B	5.0	5.0		7.0		40	59	30	10	139	**0**	Không đạt	26	
949	B19DCDT147	Vũ Ngọc	**Minh**	D19CQDT03-B	9.0	7.0		7.0		60	47	30	10	147	**0**	Không đạt	26	
950	B19DCCN504	Đào Trọng	**Phúc**	D19CQCN12-B	5.0	6.0		6.0		25	33	50	80	188	**0**	Không đạt	26	
951	B19DCDT171	Lê Tuấn	**Phước**	D19CQDT03-B	8.0	6.0		7.0		50	18	35	10	113	**0**	Không đạt	26	
952	B19DCDT172	Nguyễn Thanh	**Phương**	D19CQDT04-B	5.0	6.0		7.0		75	76	50	10	211	**0**	Không đạt	26	
953	B19DCVT300	Nguyễn Minh	**Quân**	D19CQVT04-B	8.0	6.0		7.0		90	88	65	80	323	**8.1**		26	
954	B19DCCN639	Nguyễn Thị	**Thái**	D19CQCN03-B	9.0	6.0		7.0		55	71	55	85	266	**6.7**		26	
955	B19DCDT223	Nguyễn Tiến	**Thành**	D19CQDT03-B	9.0	5.0		7.0		70	66	60	10	206	**0**	Không đạt	26	
956	B19DCDT232	Nguyễn Văn Chiến	**Thắng**	D19CQDT04-B	5.0	5.0		5.0		45	27	10	10	92	**0**	Không đạt	26	
957	B19DCDT196	Bùi Đức	**Toàn**	D19CQDT04-B	9.0	7.0		7.0		40	22	45	10	117	**0**	Không đạt	26	
958	B19DCDT199	Nguyễn Đình	**Tới**	D19CQDT03-B	9.0	6.0		7.0		85	71	60	70	286	**7.2**		26	
959	B19DCAT168	Thái Minh	**Tuấn**	D19CQAT04-B	9.0	7.0		7.0		35	17	30	10	92	**0**	Không đạt	26	
960	B19DCVT356	Nguyễn Thanh	**Tùng**	D19CQVT04-B	5.0	5.0		5.0		50	66	70	70	256	**6.4**		26	
961	B19DCDT210	Nguyễn Xuân	**Tuy**	D19CQDT02-B	9.0	7.0		7.0		35	47	35	10	127	**0**	Không đạt	26	
962	B19DCMR197	Nguyễn Thảo	**Vân**	D19CQMR01-B	8.0	6.0		6.0		35	20	10	40	105	**0**	Không đạt	26	
963	B19DCVT001	Mai Quốc	**An**	D19CQVT01-B	8.0	6.0		7.0		60	79	70	75	284	**7.1**		27	
964	B19DCCN012	Đỗ Kim	**Anh**	D19CQCN12-B	9.0	8.0		8.0		55	62	40	10	167	**0**	Không đạt	27	
965	B19DCCN020	Mai Tuấn	**Anh**	D19CQCN08-B	9.0	7.0		7.0		95	76	70	65	306	**7.7**		27	
966	B19DCDT008	Nghiêm Bá Quang	**Anh**	D19CQDT04-B	8.0	8.0		6.0		50	49	60	45	204	**5.1**		27	
967	B18DCTM006	Nguyễn Minh	**Công**	D18CQTM01-B	9.0	9.0		9.0		55	16	10	60	141	**0**	Không đạt	27	
968	B19DCCN085	Nguyễn Quốc	**Cường**	D19CQCN01-B	8.0	9.0		8.0		55	79	65	60	259	**6.5**		27	
969	B19DCDT028	Nguyễn Ngọc	**Diệm**	D19CQDT04-B	7.0	8.0		7.0		45	64	30	10	149	**0**	Không đạt	27	
970	B19DCDT037	Nguyễn Hoàng	**Dương**	D19CQDT01-B	7.0	7.0		8.0		60	84	50	60	254	**6.4**		27	
971	B19DCDT046	Lê Thành	**Đạt**	D19CQDT02-B	8.0	7.0		9.0		25	29	10	45	109	**0**	Không đạt	27	
972	B19DCCN191	Hà Minh	**Đức**	D19CQCN11-B	9.0	8.0		9.0		65	63	50	60	238	**6**		27	
973	B19DCDT062	Phạm Trung	**Đức**	D19CQDT02-B	8.0	7.0		8.0		35	16	0	65	116	**0**	Không đạt	27	
974	B19DCCN200	Trần Ngọc Minh	**Đức**	D19CQCN08-B	7.0	7.0		9.0		20	56	30	80	186	**0**	Không đạt	27	
975	B19DCVT106	Trương Tiến	**Đức**	D19CQVT02-B	8.0	6.0		8.0		50	62	45	70	227	**5.7**		27	
976	B19DCDT068	Trần Thanh	**Hải**	D19CQDT04-B	9.0	8.0		7.0		20	45	10	10	85	**0**	Không đạt	27	
977	B19DCAT077	Trần Quốc	**Hoàn**	D19CQAT01-B	9.0	7.0		7.0		55	23	50	70	198	**0**	Không đạt	27	
978	B19DCCN313	Nguyễn Quang	**Huy**	D19CQCN01-B	8.0	8.0		8.0		50	58	60	70	238	**6**		27	
979	B19DCAT104	Nguyễn Bá	**Khánh**	D19CQAT04-B	9.0	9.0		9.0		40	36	30	30	136	**0**	Không đạt	27	
980	B19DCDT134	Nguyễn Văn	**Long**	D19CQDT02-B	8.0	9.0		8.0		15	16	30	50	111	**0**	Không đạt	27	
981	B19DCCN435	Nguyễn Ngọc	**Minh**	D19CQCN03-B	7.0	8.0		7.0		15	64	55	75	209	**0**	Không đạt	27	
982	B19DCKT125	Phùng Thị Thu	**Ngọc**	D19CQKT01-B	7.0	7.0		8.0		35	58	50	50	193	**4.8**		27	
983	B19DCCN556	Nguyễn Thái	**Sơn**	D19CQCN04-B	8.0	7.0		9.0		55	60	70	70	255	**6.4**		27	
984	B19DCVT314	Nghiêm Đăng	**Tâm**	D19CQVT02-B	9.0	8.0		9.0		50	62	30	40	182	**4.6**		27	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
985	B19DCDT222	Nguyễn Tân	**Thành**	D19CQDT02-B	8.0	7.0		8.0		50	62	40	60	212	**5.3**		27	
986	B19DCDT224	Phạm Văn	**Thành**	D19CQDT04-B	7.0	7.0		9.0		25	0	15	10	50	**0**	Không đạt	27	
987	B19DCAT184	Dương Văn	**Thắng**	D19CQAT04-B	9.0	7.0		8.0		30	51	40	60	181	**4.5**		27	
988	B19DCPT230	Trần Đức	**Thịnh**	D19TKDPT3	8.0	8.0		7.0		60	53	30	65	208	**5.2**		27	
989	B19DCAT192	Nguyễn Hữu	**Thọ**	D19CQAT04-B	9.0	9.0		7.0		30	55	65	85	235	**5.9**		27	
990	B19DCKT165	Vũ Thị Phương	**Thùy**	D19CQKT01-B	8.0	9.0		8.0		30	84	65	45	224	**5.6**		27	
991	B19DCVT320	Nguyễn Ngọc	**Tiến**	D19CQVT08-B	7.0	8.0		9.0		90	79	60	90	319	**8**		27	
992	B19DCDT192	Phạm Đình	**Tiến**	D19CQDT04-B	7.0	7.0		8.0		50	60	30	60	200	**5**		27	
993	B19DCQT167	Lê Thị	**Trang**	D19CQQT03-B	8.0	7.0		7.0		30	33	40	70	173	**4.3**		27	
994	B19DCCN611	Lê Anh	**Tuấn**	D19CQCN11-B	9.0	8.0		8.0		35	71	30	60	196	**4.9**		27	
995	B19DCCN624	Tạ Xuân	**Tuệ**	D19CQCN12-B	8.0	7.0		9.0		20	37	0	V	V	**V**	Vắng	27	
996	B19DCTT120	Lê Hà Thu	**Uyên**	D19CQTT02-B	7.0	7.0		9.0		100	72	40	80	292	**7.3**		27	
997	B19DCTT121	Đỗ Thùy	**Vân**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		8.0		90	75	70	95	330	**8.3**		27	
998	B19DCVT444	Nguyễn Văn	**Vũ**	D19CQVT04-B	8.0	8.0		9.0		20	22	0	40	82	**0**	Không đạt	27	
999	B19DCDT001	Nguyễn Trọng	**Am**	D19CQDT01-B	5.0	5.0		5.0		25	12	1	10	48	**0**	Không đạt	28	
1000	B19DCCN004	Nguyễn Quang	**An**	D19CQCN04-B	5.0	5.0		5.0		45	47	64	65	221	**5.5**		28	
1001	B19DCCN013	Đỗ Việt	**Anh**	D19CQCN01-B	5.0	5.0		5.0		90	83	81	10	264	**0**	Không đạt	28	
1002	B19DCMR018	Trần Ngọc	**Ánh**	D19CQMR02-B	8.0	7.0		7.0		85	76	64	80	305	**7.6**		28	
1003	B19DCCN059	Nguyễn Quốc	**Bảo**	D19CQCN11-B	9.0	6.0		7.0		40	46	45	10	141	**0**	Không đạt	28	
1004	B19DCCN062	Vũ Quốc	**Bảo**	D19CQCN02-B	7.0	7.0		6.0		30	88	80	60	258	**6.5**		28	
1005	B19DCDT034	Nguyễn Ngọc	**Duy**	D19CQDT02-B	8.0	5.0		6.0		25	58	8	10	101	**0**	Không đạt	28	
1006	B19DCQT044	Phạm Thùy	**Dương**	D19CQQT04-B	9.0	6.0		7.0		85	72	74	65	296	**7.4**		28	
1007	B19DCVT089	Lê Tuấn	**Đồng**	D19CQVT01-B	8.0	5.0		7.0		90	67	62	70	289	**7.2**		28	
1008	B19DCDT058	Lê Minh	**Đức**	D19CQDT02-B	5.0	6.0		7.0		85	76	95	85	341	**8.5**		28	
1009	B19DCQT060	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	D19CQQT04-B	9.0	8.0		7.0		90	79	87	75	331	**8.3**		28	
1010	B19DCVT137	Nguyễn Đình	**Hiếu**	D19CQVT01-B	8.0	5.0		5.0		65	40	44	50	199	**5**		28	
1011	B19DCVT145	Trần Văn	**Hiếu**	D19CQVT01-B	9.0	6.0		6.0		25	42	3	10	80	**0**	Không đạt	28	
1012	B19DCVT161	Võ Việt	**Hoàng**	D19CQVT01-B	9.0	6.0		7.0		60	88	79	65	292	**7.3**		28	
1013	B19DCCN286	Vũ Xuân	**Hoàng**	D19CQCN10-B	5.0	5.0		5.0		40	53	0	65	158	**0**	Không đạt	28	
1014	B19DCDT097	Đỗ Doãn	**Hoạt**	D19CQDT01-B	5.0	5.0		5.0		60	75	61	10	206	**0**	Không đạt	28	
1015	B19DCCN312	Nguyễn Quang	**Huy**	D19CQCN12-B	8.0	5.0		7.0		75	80	79	85	319	**8**		28	
1016	B19DCDT107	Trần Như	**Huy**	D19CQDT03-B	9.0	7.0		6.0		65	45	62	75	247	**6.2**		28	
1017	B19DCKT097	Nguyễn Thuỳ	**Linh**	D19CQKT01-B	7.0	5.0		5.0		35	45	13	10	103	**0**	Không đạt	28	
1018	B19DCCN393	Nghiêm Xuân	**Long**	D19CQCN09-B	8.0	6.0		6.0		30	45	49	65	189	**4.7**		28	
1019	B19DCKT106	Phạm Thị	**Lụa**	D19CQKT02-B	9.0	5.0		6.0		30	43	41	10	124	**0**	Không đạt	28	
1020	B19DCVT248	Chu Đức	**Minh**	D19CQVT08-B	8.0	5.0		6.0		75	63	90	10	238	**0**	Không đạt	28	
1021	B19DCCN730	Linh Hồng	**Nhung**	D19CQCN01-B	9.0	7.0		7.0		85	76	95	70	326	**8.2**		28	
1022	B19DCQT128	Hoàng Anh	**Phương**	D19CQQT04-B	9.0	7.0		7.0		95	88	95	85	363	**9.1**		28	
1023	B19DCCN527	Hoàng Anh	**Quân**	D19CQCN11-B	7.0	5.0		5.0		30	68	54	10	162	**0**	Không đạt	28	
1024	B19DCAT155	Nguyễn Vũ Tuấn	**Sơn**	D19CQAT03-B	8.0	6.0		6.0		95	80	86	85	346	**8.7**		28	
1025	B19DCCN651	Ngô Việt	**Thành**	D19CQCN04-B	7.0	5.0		5.0		85	84	64	75	308	**7.7**		28	
1026	B19DCDT225	Trần Quốc	**Thành**	D19CQDT01-B	8.0	6.0		6.0		90	75	90	70	325	**8.1**		28	
1027	B19DCQT148	Hoàng Phương	**Thảo**	D19CQQT04-B	9.0	8.0		7.0		100	76	79	85	340	**8.5**		28	
1028	B19DCDT238	Ngô Đức	**Thọ**	D19CQDT02-B	9.0	6.0		6.0		90	70	90	80	330	**8.3**		28	
1029	B19DCKT162	Đoàn Thị	**Thùy**	D19CQKT02-B	8.0	5.0		5.0		30	66	42	65	203	**5.1**		28	
1030	B19DCVT329	Long Đoàn Mạnh	**Toàn**	D19CQVT01-B	7.0	7.0		6.0		65	84	54	70	273	**6.8**		28	
1031	B19DCCN595	Phạm Văn	**Toàn**	D19CQCN07-B	7.0	5.0		5.0		40	54	61	10	165	**0**	Không đạt	28	
1032	B19DCAT162	Trịnh Công	**Toàn**	D19CQAT02-B	7.0	5.0		5.0		85	74	65	75	299	**7.5**		28	
1033	B19DCCN698	Nguyễn Hà	**Trung**	D19CQCN07-B	7.0	6.0		6.0		60	68	69	75	272	**6.8**		28	
1034	B19DCCN615	Nguyễn Anh	**Tuấn**	D19CQCN03-B	8.0	6.0		7.0		100	48	95	80	323	**8.1**		28	
1035	B19DCCN724	Phan Trường	**Vũ**	D19CQCN11-B	5.0	5.0		5.0		60	51	30	10	151	**0**	Không đạt	28	
1036	B15DCCN701	Sompaseuth	**Xaysongkhan**	D15HTTT1	5.0	5.0		5.0		85	55	72	90	302	**7.6**		28	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1037	B19DCCN001	Bạch Thu	**An**	D19CQCN01-B	8.0	7.0		8.0		80	75	70	60	285	**7.1**		29	
1038	B19DCPT009	Nguyễn Tuấn	**Anh**	D19TKDPT3	8.0	7.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	29	
1039	B19DCVT018	Trần Duy	**Anh**	D19CQVT02-B	8.0	8.0		8.0		60	82	70	55	267	**6.7**		29	
1040	B19DCKT019	Trần Thị Ngọc	**Anh**	D19CQKT03-B	9.0	9.0		8.0		15	12	20	10	57	**0**	Không đạt	29	
1041	B19DCPT046	Lê Thành	**Đạt**	D19TKDPT1	8.0	7.0		8.0		90	84	50	60	284	**7.1**		29	
1042	B19DCCN178	Nguyễn Thế	**Đạt**	D19CQCN10-B	8.0	9.0		8.0		60	73	70	45	248	**6.2**		29	
1043	B19DCPT064	Phạm Hoàng	**Giang**	D19TKDPT2	9.0	8.0		8.0		55	73	60	10	198	**0**	Không đạt	29	
1044	B19DCVT111	Hoàng Văn	**Hà**	D19CQVT07-B	8.0	7.0		8.0		85	78	70	10	243	**0**	Không đạt	29	
1045	B19DCKT057	Nguyễn Việt	**Hằng**	D19CQKT01-B	8.0	7.0		8.0		25	86	60	70	241	**0**	Không đạt	29	
1046	B19DCPT082	Lê Trung	**Hiếu**	D19TKDPT3	8.0	8.0		8.0		90	74	40	60	264	**6.6**		29	
1047	B19DCPT101	Lê Anh	**Huy**	D19TKDPT1	8.0	8.0		8.0		40	52	30	10	132	**0**	Không đạt	29	
1048	B19DCKT073	Lại Thị Thanh	**Huyền**	D19CQKT01-B	8.0	7.0		8.0		20	32	40	55	147	**0**	Không đạt	29	
1049	B19DCAT108	Trần Bùi Như	**Khánh**	D19CQAT04-B	8.0	7.0		8.0		45	74	60	40	219	**5.5**		29	
1050	B19DCCN347	Nguyễn Văn	**Kiên**	D19CQCN11-B	8.0	8.0		8.0		15	4	20	10	49	**0**	Không đạt	29	
1051	B19DCKT085	Nguyễn Thị Hoàng	**Lan**	D19CQKT01-B	9.0	9.0		8.0		60	75	40	55	230	**5.8**		29	
1052	B19DCPT140	Nguyễn Thị	**Linh**	D19PTDPT	8.0	7.0		8.0		85	47	50	40	222	**5.6**		29	
1053	B19DCCN382	Trần Võ	**Linh**	D19CQCN10-B	8.0	9.0		8.0		60	66	40	50	216	**5.4**		29	
1054	B19DCVT228	Hà Quang	**Long**	D19CQVT04-B	9.0	8.0		8.0		90	86	70	90	336	**8.4**		29	
1055	B19DCKT115	Trần Thị Trà	**My**	D19CQKT03-B	8.0	7.0		8.0		95	82	50	55	282	**7.1**		29	
1056	B19DCKT117	Bùi Phương	**Nam**	D19CQKT01-B	8.0	7.0		8.0		65	67	40	85	257	**6.4**		29	
1057	B19DCKT120	Nguyễn Thị Thúy	**Nga**	D19CQKT04-B	8.0	8.0		8.0		20	51	20	10	101	**0**	Không đạt	29	
1058	B17DCVT261	Hoàng Văn	**Nghĩa**	D17CQVT05-B	8.0	8.0		8.0		50	61	60	10	181	**0**	Không đạt	29	
1059	B19DCKT126	Trần Thị Mai	**Ngọc**	D19CQKT02-B	8.0	7.0		8.0		95	100	50	70	315	**7.9**		29	
1060	B19DCCN512	Nguyễn Thanh	**Phương**	D19CQCN08-B	8.0	7.0		8.0		75	65	70	60	270	**6.8**		29	
1061	B19DCKT138	Nguyễn Thu	**Phương**	D19CQKT02-B	8.0	8.0		8.0		95	96	70	70	331	**8.3**		29	
1062	B19DCPT184	Nguyễn Hữu	**Quang**	D19PTDPT	9.0	9.0		8.0		75	79	50	70	274	**6.9**		29	
1063	B19DCCN532	Nguyễn Văn	**Quân**	D19CQCN04-B	8.0	7.0		8.0		70	76	50	55	251	**6.3**		29	
1064	B19DCCN539	Trần Phú	**Quý**	D19CQCN11-B	8.0	9.0		8.0		70	24	60	10	164	**0**	Không đạt	29	
1065	B19DCKT149	Trần Hồng	**Sơn**	D19CQKT01-B	9.0	8.0		8.0		35	20	20	40	115	**0**	Không đạt	29	
1066	B19DCCN572	Nghê Minh	**Tân**	D19CQCN08-B	8.0	7.0		8.0		75	75	40	75	265	**6.6**		29	
1067	B19DCCN646	Phan Văn	**Thanh**	D19CQCN10-B	8.0	7.0		8.0		15	58	50	60	183	**0**	Không đạt	29	
1068	B19DCAT185	Đinh Đức	**Thắng**	D19CQAT01-B	8.0	8.0		8.0		30	47	60	30	167	**4.2**		29	
1069	B19DCCN663	Trần Chiến	**Thắng**	D19CQCN05-B	8.0	8.0		8.0		70	84	70	V	V	**V**	Vắng	29	
1070	B19DCCN681	Tạ Mạnh	**Thức**	D19CQCN12-B	8.0	7.0		8.0		90	75	20	60	245	**0**	Không đạt	29	
1071	B19DCPT208	Trần Minh	**Tuân**	D19PTDPT	8.0	8.0		8.0		75	74	40	55	244	**6.1**		29	
1072	B19DCCN618	Phạm Duy	**Tuấn**	D19CQCN06-B	8.0	8.0		8.0		25	58	20	50	153	**0**	Không đạt	29	
1073	B19DCCN723	Ngô Thế	**Vũ**	D19CQCN10-B	9.0	8.0		8.0		35	66	50	65	216	**5.4**		29	
1074	B19DCCN007	Bùi Ngọc	**Anh**	D19CQCN07-B	7.0	6.5		7.0		15	8	1	10	34	**0**	Không đạt	30	
1075	B19DCCN065	Nguyễn Văn	**Bến**	D19CQCN05-B	7.0	6.5		7.0		70	62	38	70	240	**6**		30	
1076	B19DCCN103	Hoàng Trung	**Chính**	D19CQCN07-B	7.0	6.5		7.5		50	88	51	55	244	**6.1**		30	
1077	B19DCCN104	Nguyễn Trọng	**Chính**	D19CQCN08-B	6.0	6.5		6.0		80	78	77	70	305	**7.6**		30	
1078	B19DCCN118	Dương Văn	**Duân**	D19CQCN10-B	7.0	6.5		7.5		95	96	79	75	345	**8.6**		30	
1079	B19DCKT035	Vũ Thị	**Duyên**	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		30	39	53	10	132	**0**	Không đạt	30	
1080	B19DCKT043	Lê Thị Thanh	**Hà**	D19CQKT03-B	9.0	7.5		8.0		55	38	30	30	153	**0**	Không đạt	30	
1081	B19DCVT115	Nguyễn Sỹ	**Hải**	D19CQVT03-B	9.0	7.5		8.0		30	70	82	60	242	**6.1**		30	
1082	B19DCCN229	Nguyễn Công	**Hậu**	D19CQCN01-B	9.0	7.5		8.0		20	0	69	10	99	**0**	Không đạt	30	
1083	B19DCVT148	Phạm Xuân	**Hòa**	D19CQVT04-B	8.0	7.5		8.0		40	43	61	55	199	**5**		30	
1084	B19DCCN308	Ngô Đức	**Huy**	D19CQCN08-B	9.0	8.0		7.5		100	75	70	60	305	**7.6**		30	
1085	B19DCKT076	Quản Thị Lệ	**Huyền**	D19CQKT04-B	9.0	7.5		8.0		60	82	56	70	268	**6.7**		30	
1086	B19DCCN342	Vũ Xuân	**Hướng**	D19CQCN06-B	9.0	7.5		8.0		55	91	98	50	294	**7.4**		30	
1087	B19DCCN368	Nguyễn Hải	**Lâm**	D19CQCN08-B	9.0	8.0		7.5		70	87	64	80	301	**7.5**		30	
1088	B19DCKT090	Nguyễn Thị	**Liên**	D19CQKT02-B	9.0	8.0		8.0		55	31	5	10	101	**0**	Không đạt	30	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1089	B19DCKT089	Nguyễn Thị Kim	**Liên**	D19CQKT01-B	7.0	7.0		7.0		65	43	74	60	242	**6.1**		30	
1090	B19DCKT091	Tiêu Thị	**Liên**	D19CQKT03-B	7.0	7.0		7.0		10	51	33	10	104	**0**	Không đạt	30	
1091	B19DCKT092	Trịnh Thị	**Liên**	D19CQKT04-B	8.0	7.0		7.5		45	16	35	60	156	**0**	Không đạt	30	
1092	B19DCKT122	Đoàn Thị	**Ngân**	D19CQKT02-B	7.0	8.5		8.0		30	61	56	30	177	**4.4**		30	
1093	B18DCPT167	Đỗ Thị Bích	**Ngọc**	D18TKDPT2	7.0	7.0		7.5		90	95	90	60	335	**8.4**		30	
1094	B19DCVT277	Nguyễn Văn	**Nguyên**	D19CQVT05-B	9.0	8.0		8.0		40	49	61	40	190	**4.8**		30	
1095	B19DCMR128	Lê Ánh	**Nguyệt**	D19CQMR04-B	7.0	7.0		7.5		45	74	71	80	270	**6.8**		30	
1096	B19DCMR135	Phạm Kiều	**Oanh**	D19CQMR03-B	7.0	7.0		7.5		65	92	72	60	289	**7.2**		30	
1097	B19DCDT169	Nguyễn Đức	**Phúc**	D19CQDT01-B	9.0	8.0		8.0		15	4	30	20	69	**0**	Không đạt	30	
1098	B19DCVT301	Nguyễn Như	**Quân**	D19CQVT05-B	7.0	7.5		7.0		75	92	66	60	293	**7.3**		30	
1099	B19DCQT137	Nguyễn Xuân	**Quí**	D19CQQT01-B	6.0	7.0		7.0		80	74	82	80	316	**7.9**		30	
1100	B19DCVT305	Lưu Hữu	**Quý**	D19CQVT01-B	7.0	7.0		7.5		45	83	54	65	247	**6.2**		30	
1101	B19DCVT311	Phạm Văn	**Sơn**	D19CQVT07-B	9.0	7.5		8.0		30	74	85	65	254	**6.4**		30	
1102	B19DCVT370	Đào Văn	**Thanh**	D19CQVT02-B	9.0	8.0		8.0		30	17	30	40	117	**0**	Không đạt	30	
1103	B19DCVT376	Nguyễn Hữu	**Thành**	D19CQVT08-B	8.0	7.5		8.0		25	4	71	10	110	**0**	Không đạt	30	
1104	B19DCCN658	Lê Văn	**Thắng**	D19CQCN11-B	9.0	8.0		8.0		65	79	49	50	243	**6.1**		30	
1105	B16DCDT192	Trần Đức	**Thắng**	D16DTMT	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	30	Nợ HP
1106	B19DCVT327	Trương Văn	**Tính**	D19CQVT07-B	9.0	8.0		7.0		30	13	56	30	129	**0**	Không đạt	30	
1107	B19DCMR189	Vũ Thùy	**Trang**	D19CQMR01-B	8.0	7.5		8.0		30	67	58	50	205	**5.1**		30	
1108	B19DCVT429	Đỗ Đức	**Việt**	D19CQVT05-B	9.0	7.5		8.0		H	H	H	70	H	**I**	Vắng có phép	30	
1109	B19DCKT199	Đào Hải	**Yến**	D19CQKT03-B	9.0	8.0		7.5		50	49	30	10	139	**0**	Không đạt	30	
1110	B19DCTT020	Nguyễn Thị Thúy	**Dịu**	D19CQTT02-B	9.0	9.0		8.0		45	74	40	60	219	**5.5**		31	
1111	B19DCTT030	Nguyễn Hải	**Đăng**	D19CQTT02-B	8.0	7.0		8.0		30	47	50	65	192	**4.8**		31	
1112	B19DCPT052	Nguyễn Thành	**Đô**	D19PTDPT	8.0	9.0		8.0		70	83	70	65	288	**7.2**		31	
1113	B19DCDT055	Đỗ Văn	**Đồng**	D19CQDT03-B	9.0	8.0		8.0		35	50	50	50	185	**4.6**		31	
1114	B19DCDT069	Đào Thị	**Hạnh**	D19CQDT01-B	8.0	7.0		8.0		70	79	70	60	279	**7**		31	
1115	B19DCTT041	Nguyễn Thị	**Hằng**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		8.0		65	78	40	75	258	**6.5**		31	
1116	B19DCCN255	Phạm Minh	**Hiếu**	D19CQCN03-B	8.0	8.0		8.0		95	92	70	75	332	**8.3**		31	
1117	B19DCDT080	Phùng Trung	**Hiếu**	D19CQDT04-B	9.0	9.0		8.0		H	H	H	H	H	**I**	Vắng có phép	31	
1118	B19DCTT043	Nguyễn Thị	**Hòa**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		8.0		35	83	40	20	178	**0**	Không đạt	31	
1119	B19DCDT088	Đoàn Duy	**Hoàn**	D19CQDT04-B	8.0	9.0		8.0		85	92	60	80	317	**7.9**		31	
1120	B19DCVT159	Nguyễn Văn	**Hoàng**	D19CQVT07-B	9.0	8.0		8.0		50	50	50	65	215	**5.4**		31	
1121	B19DCVT172	Hà Xuân	**Huy**	D19CQVT04-B	8.0	7.0		8.0		15	4	20	10	49	**0**	Không đạt	31	
1122	B19DCCN310	Nguyễn Đình	**Huy**	D19CQCN10-B	8.0	7.0		8.0		80	90	70	70	310	**7.8**		31	
1123	B19DCTT053	Vũ Quang	**Huy**	D19CQTT01-B	8.0	8.0		8.0		15	4	50	10	79	**0**	Không đạt	31	
1124	B19DCCN335	Trịnh Công	**Hưng**	D19CQCN11-B	9.0	9.0		8.0		35	67	40	50	192	**4.8**		31	
1125	B19DCCN343	Trần Danh	**Hữu**	D19CQCN07-B	8.0	7.0		8.0		30	75	70	20	195	**0**	Không đạt	31	
1126	B19DCCN360	Mai Đăng	**Khoa**	D19CQCN12-B	8.0	9.0		8.0		95	100	70	65	330	**8.3**		31	
1127	B19DCCN371	Hoàng Thị Mỹ	**Linh**	D19CQCN11-B	9.0	8.0		8.0		30	47	50	60	187	**4.7**		31	
1128	B19DCAT117	Phạm Xuân	**Long**	D19CQAT01-B	8.0	7.0		8.0		95	88	70	70	323	**8.1**		31	
1129	B19DCCN411	Trần Đức	**Lương**	D19CQCN03-B	8.0	7.0		8.0		20	67	50	60	197	**0**	Không đạt	31	
1130	B19DCPT156	Hoàng Văn	**Mạnh**	D19TKDPT1	8.0	8.0		8.0		90	88	40	75	293	**7.3**		31	
1131	B19DCVT249	Lê Văn	**Minh**	D19CQVT01-B	9.0	9.0		8.0		35	84	50	65	234	**5.9**		31	
1132	B19DCVT262	Đào Trung	**Nam**	D19CQVT06-B	8.0	7.0		8.0		55	78	70	55	258	**6.5**		31	
1133	B19DCAT129	Nguyễn Văn	**Nam**	D19CQAT01-B	8.0	9.0		8.0		100	83	70	65	318	**8**		31	
1134	B19DCTT087	Lương Văn	**Phong**	D19CQTT01-B	9.0	8.0		8.0		10	79	20	10	119	**0**	Không đạt	31	
1135	B19DCVT282	Nguyễn Văn	**Phong**	D19CQVT02-B	8.0	7.0		8.0		10	79	40	55	184	**0**	Không đạt	31	
1136	B19DCCN638	Hồ Bá	**Thái**	D19CQCN02-B	8.0	7.0		8.0		25	65	50	75	215	**0**	Không đạt	31	
1137	B19DCCN647	Trần Đức	**Thanh**	D19CQCN11-B	8.0	8.0		8.0		0	0	60	20	80	**0**	Không đạt	31	
1138	B19DCDT236	Nguyễn Quốc	**Thiện**	D19CQDT04-B	9.0	9.0		8.0		55	84	40	50	229	**5.7**		31	
1139	B19DCTT101	Ngô Thành	**Tôn**	D19CQTT01-B	8.0	7.0		8.0		60	39	60	20	179	**0**	Không đạt	31	
1140	B19DCTT116	Đỗ Thị	**Trang**	D19CQTT02-B	8.0	9.0		8.0		H	H	H	70	H	**I**	Vắng có phép	31	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1141	B19DCDT247	Nguyễn Xuân	Trung	D19CQDT03-B	9.0	8.0		8.0		25	23	50	40	138	0	Không đạt	31	
1142	B19DCVT422	Nguyễn Văn	Trực	D19CQVT06-B	8.0	7.0		8.0		50	78	70	65	263	6.6		31	
1143	B19DCPT213	Nguyễn Quốc	Tuấn	D19PTDPT	8.0	7.0		8.0		V	V	V	70	V	V	Vắng	31	
1144	B19DCAT170	Đỗ Văn	Tùng	D19CQAT02-B	8.0	8.0		8.0		100	88	70	70	328	8.2		31	
1145	B19DCVT430	Lê Xuân	Việt	D19CQVT06-B	8.0	8.0		8.0		50	96	70	60	276	6.9		31	
1146	B19DCKT013	Nguyễn Phương	Anh	D19CQKT01-B	9.0	8.0		8.0		75	95	82	70	322	8.1		32	
1147	B19DCVT014	Nguyễn Quốc	Anh	D19CQVT06-B	8.0	6.0		6.0		85	44	64	60	253	6.3		32	
1148	B19DCMR017	Phạm Ngọc	Ánh	D19CQMR01-B	9.0	8.0		8.0		30	68	74	50	222	5.6		32	
1149	B19DCCN082	Mai Văn	Cường	D19CQCN10-B	9.0	8.0		8.0		65	30	85	60	240	6		32	
1150	B19DCCN087	Nguyễn Văn	Cường	D19CQCN03-B	9.0	8.0		8.0		65	43	45	70	223	5.6		32	
1151	B19DCVT054	Nguyễn Công	Dũng	D19CQVT06-B	9.0	8.0		7.0		75	44	66	60	245	6.1		32	
1152	B19DCCN145	Bùi Đức	Dương	D19CQCN01-B	5.0	5.0		5.0		H	H	H	H	H	I	Vắng có phép	32	
1153	B19DCVT083	Phạm Quốc	Đạt	D19CQVT03-B	9.0	8.0		9.0		100	92	61	60	313	7.8		32	
1154	B19DCKT040	Nguyễn Thị	Giang	D19CQKT04-B	9.0	9.0		8.0		40	22	20	50	132	0	Không đạt	32	
1155	B19DCKT044	Nguyễn Thị Thu	Hà	D19CQKT04-B	9.0	8.0		9.0		35	45	13	60	153	0	Không đạt	32	
1156	B19DCKT048	Vũ Thị Minh	Hà	D19CQKT04-B	8.0	8.0		8.0		60	87	66	80	293	7.3		32	
1157	B19DCCN238	Đặng Trọng	Hiếu	D19CQCN10-B	9.0	8.0		8.0		95	83	90	60	328	8.2		32	
1158	B19DCCN244	Hoàng Minh	Hiếu	D19CQCN04-B	4.0	4.0		5.0		35	4	5	V	V	V	Vắng	32	
1159	B19DCKT066	Nguyễn Thị Phương	Hoa	D19CQKT02-B	9.0	9.0		9.0		55	54	82	75	266	6.7		32	
1160	B19DCVT152	Bùi Huy	Hoàng	D19CQVT08-B	8.0	7.5		8.0		95	92	82	45	314	7.9		32	
1161	B19DCCN316	Nguyễn Xuân	Huy	D19CQCN04-B	6.0	5.0		6.0		60	78	56	75	269	6.7		32	
1162	B19DCKT080	Vũ Thị	Hương	D19CQKT04-B	9.0	8.0		9.0		15	32	38	65	150	0	Không đạt	32	
1163	B19DCMR086	Nguyễn Xuân	Kỳ	D19CQMR02-B	9.0	8.5		8.0		30	55	48	60	193	4.8		32	
1164	B19DCKT084	Nguyễn Thị	Là	D19CQKT04-B	9.0	7.5		8.0		20	75	61	75	231	0	Không đạt	32	
1165	B19DCKT104	Nguyễn Thị	Loan	D19CQKT04-B	5.0	5.0		4.0		25	27	5	50	107	0	Không đạt	32	
1166	B19DCKT107	Đinh Thị	Lựu	D19CQKT03-B	9.0	6.0		8.5		55	62	72	75	264	6.6		32	
1167	B19DCVT260	Nguyễn Thị	Mừng	D19CQVT04-B	6.0	7.0		6.0		45	96	82	60	283	7.1		32	
1168	B19DCKT116	Hoàng Lệ	Mỹ	D19CQKT04-B	9.0	8.0		8.0		0	44	40	45	129	0	Không đạt	32	
1169	B19DCVT264	Mai Hoài	Nam	D19CQVT08-B	8.0	8.0		7.0		90	86	87	65	328	8.2		32	
1170	B19DCCN642	Phan Duy	Thái	D19CQCN06-B	6.0	7.0		6.0		20	50	1	50	121	0	Không đạt	32	
1171	B19DCKT155	Hoàng Phương	Thảo	D19CQKT03-B	6.0	7.0		7.5		45	83	80	70	278	7		32	
1172	B19DCVT396	Nguyễn Thị Hồng	Thu	D19CQVT04-B	6.0	7.0		7.0		55	96	82	60	293	7.3		32	
1173	B19DCKT163	Phạm Đan	Thùy	D19CQKT03-B	7.0	7.0		8.0		30	44	33	60	167	4.2		32	
1174	B19DCCN597	Phạm Đình	Tới	D19CQCN09-B	9.0	6.0		8.0		55	58	52	50	215	5.4		32	
1175	B19DCCN690	Lê Quốc	Trị	D19CQCN10-B	4.0	6.0		5.0		80	83	90	70	323	8.1		32	
1176	B19DCCN702	Nguyễn Đan	Trường	D19CQCN11-B	8.0	7.5		8.0		70	69	56	75	270	6.8		32	
1177	B19DCCN617	Phạm Anh	Tuấn	D19CQCN05-B	8.0	7.5		8.0		60	61	90	50	261	6.5		32	
1178	B19DCMR162	Nguyễn Sơn	Tùng	D19CQMR02-B	4.0	5.0		6.0		20	44	13	40	117	0	Không đạt	32	
1179	B19DCVT366	Nguyễn Thị	Tuyến	D19CQVT06-B	9.0	8.5		8.0		30	71	75	70	246	6.2		32	
1180	B19DCKT196	Nguyễn Thị Thảo	Vân	D19CQKT04-B	6.0	6.5		6.0		95	77	70	70	312	7.8		32	
1181	B19DCVT440	Đường Phúc	Vinh	D19CQVT08-B	7.0	7.0		7.0		65	78	77	50	270	6.8		32	
1182	B19DCCN718	Hà Trọng	Vinh	D19CQCN05-B	5.0	6.0		6.0		95	50	43	70	258	6.5		32	
1183	B19DCDT003	Phạm Thành	An	D19CQDT03-B	8.0	7.0		7.0		100	88	80	10	278	0	Không đạt	33	
1184	B19DCCN027	Nguyễn Ngọc	Anh	D19CQCN03-B	10.0	8.0		8.0		70	87	82	70	309	7.7		33	
1185	B19DCVT023	Dương Thanh	Ba	D19CQVT07-B	10.0	7.0		7.0		30	64	55	50	199	5		33	
1186	B19DCDT019	Đinh Văn	Bắc	D19CQDT03-B	10.0	7.0		7.0		15	39	80	45	179	0	Không đạt	33	
1187	B19DCCN068	Nguyễn Danh	Bình	D19CQCN08-B	8.0	8.0		9.0		80	56	69	80	285	7.1		33	
1188	B19DCVT032	Hoàng Văn	Cơ	D19CQVT08-B	8.0	7.0		7.0		45	46	69	65	225	5.6		33	
1189	B19DCQT034	Hoàng Xuân	Diệp	D19CQQT02-B	10.0	7.0		8.0		20	30	61	30	141	0	Không đạt	33	
1190	B19DCCN139	Nguyễn Mạnh	Duy	D19CQCN07-B	10.0	7.0		8.0		60	46	80	75	261	6.5		33	
1191	B19DCVT074	Bùi Trọng	Đạt	D19CQVT02-B	10.0	8.0		8.0		30	54	39	20	143	0	Không đạt	33	
1192	B19DCCN180	Phan Đình	Đạt	D19CQCN12-B	10.0	8.0		9.0		85	88	85	60	318	8		33	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1193	B19DCPT051	Phạm Hải	**Đăng**	D19TKDPT1	8.0	7.0		8.0		30	41	64	55	190	**4.8**		33	
1194	B19DCTT031	Bùi Công	**Đức**	D19CQTT01-B	9.0	9.0		8.0		85	92	74	80	331	**8.3**		33	
1195	B19DCCN187	Đoàn Minh	**Đức**	D19CQCN07-B	9.0	8.0		7.0		45	82	69	65	261	**6.5**		33	
1196	B19DCCN211	Nguyễn Việt	**Hà**	D19CQCN07-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	33	
1197	B19DCVT124	Nông Vĩnh	**Hiển**	D19CQVT04-B	10.0	9.0		8.0		30	59	48	45	182	**4.6**		33	
1198	B19DCCN259	Trần Minh	**Hiếu**	D19CQCN07-B	10.0	7.0		8.0		90	88	82	75	335	**8.4**		33	
1199	B19DCQT063	Đồng Thị	**Hinh**	D19CQQT03-B	10.0	7.0		8.0		35	30	95	30	190	**4.8**		33	
1200	B18DCTT040	Trần Văn	**Hoàng**	D18CQTT02-B	10.0	7.0		8.0		30	55	5	10	100	**0**	Không đạt	33	
1201	B19DCQT072	Đỗ Quang	**Huy**	D19CQQT04-B	10.0	9.0		8.0		95	65	90	35	285	**7.1**		33	
1202	B19DCCN340	Nguyễn Đức	**Hưởng**	D19CQCN04-B	10.0	7.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	33	
1203	B18DCTT056	Nguyễn Thị	**Lan**	D18CQTT02-B	8.0	7.0		7.0		85	92	77	75	329	**8.2**		33	
1204	B19DCCN384	Nguyễn Danh	**Lĩnh**	D19CQCN12-B	9.0	7.0		8.0		15	51	56	60	182	**0**	Không đạt	33	
1205	B19DCVT245	Cao Văn	**Mạnh**	D19CQVT05-B	10.0	7.0		7.0		10	67	79	70	226	**0**	Không đạt	33	
1206	B19DCDT137	Hà Đức	**Mạnh**	D19CQDT01-B	9.0	8.0		9.0		80	67	80	70	297	**7.4**		33	
1207	B17DCVT228	Nguyễn Đức	**Mạnh**	D17CQVT04-B	7.0	7.0		7.0		40	59	17	10	126	**0**	Không đạt	33	
1208	B19DCVT271	Phùng Xuân	**Nam**	D19CQVT07-B	8.0	7.0		8.0		30	32	17	50	129	**0**	Không đạt	33	
1209	B18DCTT080	Vũ Thị Hằng	**Nga**	D18CQTT02-B	9.0	8.0		8.0		35	30	64	80	209	**5.2**		33	
1210	B19DCCN487	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	D19CQCN07-B	10.0	8.0		8.0		100	82	82	50	314	**7.9**		33	
1211	B16DCCN503	Linda	**Sipaseuth**	D16HTTT4	7.0	7.0		7.0		75	74	74	70	293	**7.3**		33	
1212	B19DCVT310	Phạm Hồng	**Sơn**	D19CQVT06-B	7.0	8.0		7.0		85	77	64	55	281	**7**		33	
1213	B19DCCN637	Đỗ Thành	**Thái**	D19CQCN01-B	10.0	8.0		9.0		10	80	51	30	171	**0**	Không đạt	33	
1214	B19DCCN650	Ngô Đức	**Thành**	D19CQCN03-B	9.0	8.0		8.0		10	41	43	40	134	**0**	Không đạt	33	
1215	B19DCVT333	Doãn Quốc	**Toàn**	D19CQVT05-B	10.0	8.0		8.0		25	8	30	10	73	**0**	Không đạt	33	
1216	B16DCCN363	Nguyễn Công	**Trí**	D16CNPM2	7.0	7.0		7.0		H	H	H	H	H	**I**	Vắng có phép	33	
1217	B19DCVT349	Trần Văn	**Tuấn**	D19CQVT05-B	9.0	8.0		8.0		10	37	71	50	168	**0**	Không đạt	33	
1218	B19DCMR202	Dương Thế	**Vinh**	D19CQMR02-B	7.0	7.0		8.0		V	V	V	V	V	**V**	Vắng	33	
1219	B19DCMR206	Nguyễn Thị	**Xuân**	D19CQMR02-B	10.0	8.0		8.0		50	74	48	40	212	**5.3**		33	
1220	B19DCMR001	Đỗ Thùy	**An**	D19CQMR01-B	8.0	7.0		8.0		35	74	82	40	231	**5.8**		34	
1221	B19DCMR005	Nguyễn Châu	**Anh**	D19CQMR01-B	9.0	8.0		8.0		70	83	82	60	295	**7.4**		34	
1222	B19DCMR008	Nguyễn Phương	**Anh**	D19CQMR04-B	0.0	7.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	34	Nợ HP
1223	B19DCMR013	Đinh Thị Hồng	**Ánh**	D19CQMR01-B	10.0	8.0		8.0		90	67	74	70	301	**7.5**		34	
1224	B19DCMR029	Trần Thị	**Chinh**	D19CQMR01-B	9.0	7.0		8.0		90	92	74	65	321	**8**		34	
1225	B19DCVT055	Nguyễn Tấn	**Dũng**	D19CQVT07-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	34	
1226	B19DCCN181	Phan Quang	**Điện**	D19CQCN01-B	7.0	6.0		7.0		5	17	10	60	92	**0**	Không đạt	34	
1227	B19DCTT032	Nguyễn Doãn	**Đức**	D19CQTT02-B	9.0	7.0		8.0		55	54	45	60	214	**5.4**		34	
1228	B19DCVT102	Tống Minh	**Đức**	D19CQVT06-B	9.0	7.0		7.0		90	65	74	75	304	**7.6**		34	
1229	B17DCMR032	Trần Thị Châu	**Giang**	D17IMR1	0.0	6.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	34	
1230	B19DCMR058	Lâm Thị Thúy	**Hà**	D19CQMR02-B	6.0	6.0		6.0		35	18	18	65	136	**0**	Không đạt	34	
1231	B19DCMR059	Vũ Thị	**Hạnh**	D19CQMR03-B	8.0	6.0		7.0		45	67	50	65	227	**5.7**		34	
1232	B19DCQT061	Mai Thúy	**Hiền**	D19CQQT01-B	9.0	7.0		7.0		40	65	52	55	212	**5.3**		34	
1233	B19DCVT132	Nguyễn Chí	**Hiếu**	D19CQVT04-B	5.0	6.0		6.0		20	16	48	V	V	**V**	Vắng	34	
1234	B19DCMR073	Nguyễn Thị Thu	**Hoài**	D19CQMR01-B	9.0	8.0		8.0		75	83	82	75	315	**7.9**		34	
1235	B19DCPT110	Trịnh Minh	**Huy**	D19TKDPT3	8.0	6.0		7.0		10	21	40	60	131	**0**	Không đạt	34	
1236	B19DCPT114	Lê Thị	**Hưng**	D19PTDPT	8.0	7.0		7.0		75	70	55	50	250	**6.3**		34	
1237	B19DCDT113	Đặng Quang	**Kiên**	D19CQDT01-B	9.0	7.0		8.0		80	87	71	65	303	**7.6**		34	
1238	B19DCPT144	Trần Khánh	**Linh**	D19TKDPT2	9.0	6.0		7.0		100	57	82	50	289	**7.2**		34	
1239	B19DCPT146	Đào Thế	**Long**	D19PTDPT	9.0	7.0		7.0		70	83	90	75	318	**8**		34	
1240	B19DCCN417	Nguyễn Duy	**Mạnh**	D19CQCN09-B	8.0	7.0		8.0		95	83	71	60	309	**7.7**		34	
1241	B19DCMR120	Nguyễn Thị Thúy	**Ngân**	D19CQMR04-B	8.0	7.0		8.0		45	72	70	60	247	**6.2**		34	
1242	B19DCCN469	Nguyễn Văn	**Nghĩa**	D19CQCN01-B	10.0	8.0		8.0		95	100	90	65	350	**8.8**		34	
1243	B19DCMR125	Ngô Đắc	**Nguyên**	D19CQMR01-B	9.0	7.0		8.0		70	78	74	70	292	**7.3**		34	
1244	B19DCCN481	Vũ Duy	**Nguyên**	D19CQCN01-B	10.0	8.0		8.0		90	95	85	70	340	**8.5**		34	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1245	B19DCMR137	Hoàng Trung	**Phong**	D19CQMR01-B	8.0	6.0		7.0		65	91	82	65	303	**7.6**		34	
1246	B19DCVT283	Đoàn Dương	**Phú**	D19CQVT03-B	6.0	6.0		6.0		50	82	74	65	271	**6.8**		34	
1247	B19DCVT298	Nguyễn Đình	**Quân**	D19CQVT02-B	8.0	6.0		7.0		70	35	90	60	255	**6.4**		34	
1248	B19DCCN553	Nguyễn Hồng	**Sơn**	D19CQCN01-B	8.0	7.0		7.0		95	82	80	65	322	**8.1**		34	
1249	B19DCMR155	Nguyễn Thái	**Sơn**	D19CQMR03-B	8.0	7.0		7.0		65	70	85	60	280	**7**		34	
1250	B19DCCN655	Trần Văn	**Thành**	D19CQCN08-B	7.0	6.0		6.0		50	42	60	50	202	**5.1**		34	
1251	B19DCMR171	Phùng Thị Phương	**Thảo**	D19CQMR03-B	10.0	8.0		8.0		65	80	75	70	290	**7.3**		34	
1252	B19DCVT380	Lê Minh	**Thắng**	D19CQVT04-B	0.0	6.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	34	
1253	B19DCMR190	Phạm Thị Kiều	**Trinh**	D19CQMR02-B	6.0	7.0		6.0		35	69	82	50	236	**5.9**		34	
1254	B19DCPT244	Phạm Thị	**Vân**	D19TKDPT3	9.0	7.0		7.0		70	74	80	45	269	**6.7**		34	
1255	B19DCTM081	Chử Thị Hải	**Yến**	D19CQTM01-B	10.0	8.0		8.0		85	70	90	65	310	**7.8**		34	
1256	B19DCVT025	Nguyễn Gia	**Bách**	D19CQVT01-B	8.0	8.0		8.0		95	87	85	70	337	**8.4**		35	
1257	B19DCDT026	Hoàng	**Chung**	D19CQDT02-B	5.0	7.0		7.0		35	54	5	10	104	**0**	Không đạt	35	
1258	B19DCCN073	Trần Văn	**Công**	D19CQCN01-B	6.0	7.0		7.0		25	16	16	10	67	**0**	Không đạt	35	
1259	B19DCVT033	Bùi Đức	**Cường**	D19CQVT01-B	8.0	7.0		7.0		95	87	52	50	284	**7.1**		35	
1260	B19DCVT051	Vũ Văn	**Doanh**	D19CQVT03-B	9.0	8.0		8.0		40	64	77	20	201	**0**	Không đạt	35	
1261	B19DCAT028	Nguyễn Quang	**Dũng**	D19CQAT04-B	8.0	7.0		7.0		90	88	85	60	323	**8.1**		35	
1262	B19DCVT056	Nguyễn Xuân	**Dũng**	D19CQVT08-B	10.0	7.0		8.0		80	50	77	35	242	**6.1**		35	
1263	B19DCCN132	Phan Công	**Dũng**	D19CQCN12-B	10.0	7.0		8.0		55	58	36	70	219	**5.5**		35	
1264	B19DCAT032	Nguyễn Hoàng	**Dương**	D19CQAT04-B	10.0	8.0		8.0		40	82	34	60	216	**5.4**		35	
1265	B19DCCN156	Nguyễn Quý	**Dương**	D19CQCN12-B	10.0	8.0		9.0		20	50	21	10	101	**0**	Không đạt	35	
1266	B19DCCN164	Nguyễn Đức	**Đáng**	D19CQCN08-B	8.0	7.0		8.0		50	63	41	20	174	**0**	Không đạt	35	
1267	B19DCCN177	Nguyễn Thành	**Đạt**	D19CQCN09-B	9.0	9.0		8.0		40	53	61	50	204	**5.1**		35	
1268	B19DCAT045	Lê Văn	**Đức**	D19CQAT01-B	9.0	8.0		7.0		65	83	74	65	287	**7.2**		35	
1269	B19DCVT141	Tạ Hữu	**Hiếu**	D19CQVT05-B	10.0	8.0		8.0		95	87	41	10	233	**0**	Không đạt	35	
1270	B19DCVT142	Tạ Trung	**Hiếu**	D19CQVT06-B	10.0	9.0		8.0		80	84	62	60	286	**7.2**		35	
1271	B19DCDT082	Mai Văn	**Hiệu**	D19CQDT02-B	10.0	7.0		8.0		55	71	30	10	166	**0**	Không đạt	35	
1272	B19DCVT177	Nguyễn Quang	**Huy**	D19CQVT01-B	10.0	7.0		8.0		70	80	77	70	297	**7.4**		35	
1273	B19DCQT076	Đồng Thu	**Hương**	D19CQQT04-B	10.0	7.0		8.0		80	46	64	80	270	**6.8**		35	
1274	B19DCVT201	Trần Ngọc	**Khánh**	D19CQVT01-B	9.0	9.0		8.0		95	87	55	20	257	**0**	Không đạt	35	
1275	B19DCVT217	Trình Văn	**Lâm**	D19CQVT01-B	10.0	9.0		8.0		50	52	13	60	175	**0**	Không đạt	35	
1276	B19DCCN397	Nguyễn Thành	**Long**	D19CQCN01-B	8.0	7.0		7.0		15	32	49	60	156	**0**	Không đạt	35	
1277	B19DCVT236	Vũ Hoàng	**Long**	D19CQVT04-B	9.0	7.0		8.0		65	95	74	80	314	**7.9**		35	
1278	B19DCCN405	Trần Văn	**Lợi**	D19CQCN09-B	10.0	7.0		7.0		65	80	43	60	248	**6.2**		35	
1279	B19DCVT267	Nguyễn Sỹ	**Nam**	D19CQVT03-B	9.0	8.0		9.0		95	91	90	55	331	**8.3**		35	
1280	B19DCMR117	Nguyễn Thị	**Nga**	D19CQMR01-B	10.0	8.0		7.0		10	23	13	70	116	**0**	Không đạt	35	
1281	B19DCVT275	Phan Văn	**Nghĩa**	D19CQVT03-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	**C**	Không đủ ĐKDT	35	Nợ HP
1282	B19DCAT140	Ngô Khắc	**Phương**	D19CQAT04-B	10.0	8.0		8.0		55	57	77	70	259	**6.5**		35	
1283	B19DCVT303	Thái Minh	**Quân**	D19CQVT07-B	8.0	8.0		8.0		85	79	90	65	319	**8**		35	
1284	B19DCAT149	Tạ Quang	**Sáng**	D19CQAT01-B	7.0	7.0		7.0		45	23	51	60	179	**0**	Không đạt	35	
1285	B19DCCN676	Đặng Thị	**Thoa**	D19CQCN07-B	7.0	8.0		7.0		50	78	74	20	222	**0**	Không đạt	35	
1286	B19DCVT401	Ngô Thị Thu	**Thủy**	D19CQVT01-B	8.0	8.0		9.0		90	87	65	50	292	**7.3**		35	
1287	B19DCVT321	Nguyễn Tần	**Tiến**	D19CQVT01-B	9.0	8.0		8.0		90	87	85	30	292	**7.3**		35	
1288	B19DCCN691	Nguyễn Gia	**Triều**	D19CQCN11-B	10.0	8.0		8.0		25	12	48	70	155	**0**	Không đạt	35	
1289	B18DCCN555	Nguyễn Mạnh	**Tuân**	D18CNPM3	9.0	8.0		7.0		25	4	1	10	40	**0**	Không đạt	35	
1290	B19DCVT351	Lê Công Yên	**Tùng**	D19CQVT07-B	9.0	8.0		8.0		75	74	60	40	249	**6.2**		35	
1291	B19DCVT361	Lại Văn	**Tuyên**	D19CQVT01-B	9.0	8.0		8.0		95	87	75	60	317	**7.9**		35	
1292	B19DCKT200	Ngô Thị	**Yến**	D19CQKT04-B	10.0	8.0		8.0		30	40	13	10	93	**0**	Không đạt	35	
1293	B19DCTM004	Nguyễn Thị Vân	**Anh**	D19CQTM02-B	10.0	7.0		8.0		85	71	61	65	282	**7.1**		36	
1294	B19DCVT015	Nguyễn Tuấn	**Anh**	D19CQVT07-B	9.0	7.0		7.0		90	80	87	70	327	**8.2**		36	
1295	B19DCMR016	Nguyễn Thị Ngọc	**Ánh**	D19CQMR04-B	10.0	7.0		8.0		35	51	67	65	218	**5.5**		36	
1296	B19DCMR028	Triệu Khánh	**Chi**	D19CQMR04-B	10.0	8.0		8.0		70	67	42	70	249	**6.2**		36	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1297	B19DCPT023	Đào Kiên	Cường	D19TKDPT2	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	36	
1298	B19DCCN142	Tạ Đình	Duy	D19CQCN10-B	7.0	6.0		7.0		55	84	72	75	286	7.2		36	
1299	B19DCMR046	Nguyễn Thùy	Dương	D19CQMR02-B	9.0	8.0		8.0		80	58	61	80	279	7		36	
1300	B19DCDT040	Nguyễn Xuân	Dương	D19CQDT04-B	7.0	6.0		7.0		95	80	82	60	317	7.9		36	
1301	B19DCVT077	Đỗ Trung	Đạt	D19CQVT05-B	10.0	7.0		7.0		50	71	74	65	260	6.5		36	
1302	B19DCTM018	Lê Quang	Đạt	D19CQTM02-B	9.0	6.0		7.0		70	68	51	65	254	6.4		36	
1303	B19DCCN176	Nguyễn Tử	Đạt	D19CQCN08-B	9.0	6.0		7.0		30	25	16	60	131	0	Không đạt	36	
1304	B19DCVT108	Nguyễn Xuân	Giang	D19CQVT04-B	9.0	7.0		8.0		90	76	72	80	318	8		36	
1305	B19DCVT116	Nguyễn Văn	Hải	D19CQVT04-B	8.0	7.0		7.0		80	72	72	75	299	7.5		36	
1306	B19DCVT130	Nguyễn Văn	Hiệp	D19CQVT02-B	7.0	6.0		6.0		25	34	13	V	V	V	Vắng	36	
1307	B19DCTM028	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	D19CQTM02-B	7.0	6.0		7.0		85	71	77	70	303	7.6		36	
1308	B19DCTM032	Lê Thị Lan	Hương	D19CQTM02-B	9.0	7.0		8.0		25	60	46	65	196	0	Không đạt	36	
1309	B19DCKT082	Nguyễn Thị Vân	Khánh	D19CQKT02-B	10.0	7.0		8.0		50	72	72	65	259	6.5		36	
1310	B19DCVT213	Nguyễn Phúc	Lâm	D19CQVT05-B	9.0	7.0		8.0		80	68	24	70	242	0	Không đạt	36	
1311	B19DCMR118	Hoàng Thị Thanh	Ngân	D19CQMR02-B	9.0	7.0		8.0		70	58	77	75	280	7		36	
1312	B19DCKT127	Hoàng Minh	Nguyệt	D19CQKT03-B	8.0	7.0		7.0		20	44	13	65	142	0	Không đạt	36	
1313	B19DCTM054	Bùi Thành	Nhật	D19CQTM02-B	10.0	8.0		8.0		90	84	87	85	346	8.7		36	
1314	B19DCVT279	Vũ Khắc	Phiêu	D19CQVT07-B	8.0	7.0		7.0		90	72	80	50	292	7.3		36	
1315	B19DCVT285	Phạm Minh	Phú	D19CQVT05-B	8.0	6.0		7.0		80	71	64	70	285	7.1		36	
1316	B19DCTM061	Nguyễn Thị	Quỳnh	D19CQTM01-B	9.0	7.0		8.0		60	43	56	70	229	5.7		36	
1317	B19DCTM062	Trần Như	Quỳnh	D19CQTM02-B	9.0	8.0		7.0		40	51	48	70	209	5.2		36	
1318	B19DCAT157	Ngô Minh	Sỹ	D19CQAT01-B	9.0	7.0		8.0		50	47	75	65	237	5.9		36	
1319	B19DCVT384	Nguyễn Minh	Thắng	D19CQVT08-B	9.0	6.0		7.0		35	51	56	60	202	5.1		36	
1320	B19DCCN665	Trần Văn	Thân	D19CQCN07-B	10.0	7.0		7.0		25	56	77	70	228	0	Không đạt	36	
1321	B19DCMR175	Vũ Thị	Thùy	D19CQMR03-B	9.0	6.0		7.0		65	68	67	70	270	6.8		36	
1322	B19DCMR177	Lê Thị	Thúy	D19CQMR01-B	10.0	7.0		7.0		40	51	66	50	207	5.2		36	
1323	B19DCTM064	Đinh Đức	Tiến	D19CQTM02-B	8.0	6.0		6.0		45	62	32	10	149	0	Không đạt	36	
1324	B19DCVT323	Trần Quyết	Tiến	D19CQVT03-B	10.0	7.0		8.0		70	62	82	60	274	6.9		36	
1325	B19DCVT424	Nguyễn Hữu	Trường	D19CQVT08-B	9.0	7.0		7.0		35	32	46	60	173	4.3		36	
1326	B19DCMR160	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D19CQMR04-B	10.0	8.0		8.0		75	59	56	75	265	6.6		36	
1327	B19DCMR161	Lê Thanh	Tùng	D19CQMR01-B	9.0	7.0		7.0		80	58	46	70	254	6.4		36	
1328	B19DCVT360	Phạm Thanh	Tùng	D19CQVT08-B	9.0	7.0		8.0		25	38	23	55	141	0	Không đạt	36	
1329	B19DCDT255	Phan Đào Anh	Vũ	D19CQDT03-B	9.0	7.0		7.0		90	72	75	65	302	7.6		36	
1330	B19DCVT006	Từ Đạt	An	D19CQVT06-B	6.0	6.0		6.0		70	63	63	70	266	6.7		37	
1331	B19DCPT018	Đỗ Đình	Bình	D19TKDPT2	5.5	6.0		6.0		65	79	85	70	299	7.5		37	
1332	B19DCCN094	Cao Thị	Chang	D19CQCN10-B	7.0	6.0		6.0		75	68	59	60	262	6.6		37	
1333	B19DCVT038	Phạm Đình	Cường	D19CQVT06-B	5.0	6.0		6.0		70	63	75	50	258	6.5		37	
1334	B19DCCN092	Trần Văn	Cường	D19CQCN08-B	6.0	6.0		6.0		30	24	18	40	112	0	Không đạt	37	
1335	B19DCQT039	Đỗ Văn	Dũng	D19CQQT03-B	6.5	6.0		6.0		10	12	33	30	85	0	Không đạt	37	
1336	B19DCPT063	Nguyễn Đức	Giang	D19TKDPT2	7.0	7.0		6.5		65	67	67	45	244	6.1		37	
1337	B19DCMR063	Hoàng Đức	Hiền	D19CQMR03-B	6.0	6.0		6.0		70	38	35	55	198	5		37	
1338	B19DCVT125	Nguyễn Đăng	Hiển	D19CQVT05-B	5.0	6.0		5.5		25	43	8	10	86	0	Không đạt	37	
1339	B19DCAT069	Nguyễn Văn	Hiếu	D19CQAT01-B	6.0	5.0		6.0		25	26	51	50	152	0	Không đạt	37	
1340	B19DCVT149	Mai Xuân	Hoàn	D19CQVT05-B	7.0	7.0		7.0		50	76	72	60	258	6.5		37	
1341	B19DCVT165	Nguyễn Bá	Hùng	D19CQVT05-B	6.0	5.5		5.5		85	75	72	55	287	7.2		37	
1342	B19DCVT170	Vũ Huy	Hùng	D19CQVT02-B	5.5	6.0		6.0		30	39	8	V	V	V	Vắng	37	
1343	B19DCPT103	Nguyễn Quang	Huy	D19TKDPT2	6.0	6.0		6.0		80	54	72	70	276	6.9		37	
1344	B19DCVT204	Luyện Vi Hữu	Khiêm	D19CQVT04-B	5.0	5.0		5.0		65	68	59	55	247	6.2		37	
1345	B19DCVT192	Hoàng Trung	Kiên	D19CQVT08-B	6.0	6.0		6.0		30	72	67	60	229	5.7		37	
1346	B19DCPT120	Nguyễn Trung	Kiên	D19TKDPT3	7.0	6.5		6.0		75	56	80	70	281	7		37	
1347	B19DCVT218	Đặng Thị Thùy	Linh	D19CQVT02-B	7.5	7.0		7.0		30	44	74	50	198	5		37	
1348	B19DCVT224	Nguyễn Tuấn	Linh	D19CQVT08-B	7.0	7.0		7.0		85	68	59	75	287	7.2		37	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 25/12/2021 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1349	B19DCQT095	Nguyễn Thị	Ly	D19CQQT03-B	8.0	7.0		7.0		50	68	59	75	252	6.3		37	
1350	B19DCPT158	Nguyễn Đức	Mạnh	D19TKDPT2	5.0	5.5		6.0		20	18	0	10	48	0	Không đạt	37	
1351	B19DCVT261	Bùi Văn	Nam	D19CQVT05-B	5.0	5.0		5.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	37	
1352	B19DCVT269	Nguyễn Thành	Nam	D19CQVT05-B	5.0	5.0		5.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	37	
1353	B17DCDT133	Trịnh Bá	Nghĩa	D17XLTH1	7.0	7.0		6.5		80	67	57	10	214	0	Không đạt	37	
1354	B19DCAT131	Nguyễn Đức	Nhật	D19CQAT03-B	6.0	6.0		6.0		85	67	67	75	294	7.4		37	
1355	B19DCAT154	Nguyễn Tùng	Sơn	D19CQAT02-B	6.0	6.0		6.0		90	71	80	75	316	7.9		37	
1356	B19DCAT177	Nguyễn Minh	Thành	D19CQAT01-B	7.0	7.0		7.0		35	39	21	45	140	0	Không đạt	37	
1357	B19DCCN675	Nguyễn Danh	Thịnh	D19CQCN06-B	6.0	6.0		6.0		40	87	48	50	225	5.6		37	
1358	B19DCCN580	Nguyễn Việt	Tiến	D19CQCN04-B	5.0	5.5		5.5		40	51	54	70	215	5.4		37	
1359	B19DCMR159	Lê Đức	Toàn	D19CQMR03-B	6.0	6.0		6.0		80	54	59	30	223	5.6		37	
1360	B19DCTM065	Giang Minh	Tú	D19CQTM01-B	6.0	6.0		6.0		25	47	33	70	175	0	Không đạt	37	
1361	B19DCCN599	Nguyễn Anh	Tú	D19CQCN11-B	6.5	7.0		7.0		25	62	59	70	216	0	Không đạt	37	
1362	B19DCVT348	Trần Văn	Tuấn	D19CQVT04-B	6.0	6.0		6.0		70	60	42	55	227	5.7		37	
1363	B19DCCN629	Nguyễn Sơn	Tùng	D19CQCN05-B	6.5	6.0		6.0		55	30	30	60	175	4.4		37	
1364	B19DCQT182	Phạm Thị Bích	Vân	D19CQQT02-B	7.0	7.0		7.0		45	47	56	40	188	4.7		37	
1365	B19DCVT436	Nguyễn Văn	Việt	D19CQVT04-B	6.0	5.5		5.0		65	47	67	70	249	6.2		37	
1366	B19DCKT003	Bùi Thị Lan	Anh	D19CQKT03-B	8.0	8.0		7.5		60	67	64	60	251	6.3		38	
1367	B19DCCN048	Vũ Minh	Anh	D19CQCN12-B	8.0	8.0		8.0		85	62	72	60	279	7		38	
1368	B19DCPT019	Lưu Nhân	Công	D19PTDPT	7.0	7.0		7.0		70	55	72	70	267	6.7		38	
1369	B19DCCN080	Hoàng Quốc	Cường	D19CQCN08-B	6.5	6.5		7.0		65	76	85	65	291	7.3		38	
1370	B19DCCN119	Nông Thị Thùy	Dung	D19CQCN11-B	7.0	7.0		7.0		55	75	85	70	285	7.1		38	
1371	B19DCCN120	Đặng Quang	Dũng	D19CQCN12-B	6.0	6.0		6.0		90	71	77	65	303	7.6		38	
1372	B19DCCN149	Lê Hoàng	Dương	D19CQCN05-B	7.0	7.0		7.0		35	59	51	60	205	5.1		38	
1373	B19DCCN190	Đỗ Văn	Đức	D19CQCN10-B	6.0	6.0		6.0		30	39	36	10	115	0	Không đạt	38	
1374	B19DCVT099	Nguyễn Trường	Đức	D19CQVT03-B	6.5	7.0		6.0		45	67	67	65	244	6.1		38	
1375	B19DCKT056	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D19CQKT04-B	7.0	7.0		7.0		35	34	72	60	201	5		38	
1376	B19DCKT062	Lê Thị Thu	Hiền	D19CQKT02-B	7.0	7.0		7.0		20	55	77	65	217	0	Không đạt	38	
1377	B19DCKT064	Vũ Thu	Hiền	D19CQKT04-B	7.0	7.0		8.0		30	48	43	75	196	4.9		38	
1378	B19DCCN232	Lê Minh	Hiến	D19CQCN04-B	6.0	6.0		6.0		10	30	0	10	50	0	Không đạt	38	
1379	B19DCVT134	Lê Trung	Hiếu	D19CQVT06-B	6.0	6.5		6.0		60	67	72	65	264	6.6		38	
1380	B19DCVT146	Hà Văn	Hiệu	D19CQVT02-B	5.0	6.0		5.0		60	67	82	65	274	6.9		38	
1381	B19DCCN272	Chu Minh	Hoàng	D19CQCN08-B	6.0	6.0		6.0		85	79	90	80	334	8.4		38	
1382	B19DCCN284	Phạm Việt	Hoàng	D19CQCN08-B	6.0	6.0		6.0		70	62	72	10	214	0	Không đạt	38	
1383	B19DCCN292	Đỗ Văn	Hùng	D19CQCN04-B	5.0	5.0		5.0		30	44	74	10	158	0	Không đạt	38	
1384	B19DCCN364	Phạm Đình	Khuê	D19CQCN04-B	6.0	6.5		6.5		20	51	74	50	195	0	Không đạt	38	
1385	B19DCKT087	Nguyễn Thị	Lệ	D19CQKT03-B	7.0	7.0		7.0		65	68	53	70	256	6.4		38	
1386	B19DCCN373	Lê Khánh	Linh	D19CQCN01-B	7.0	7.5		7.0		25	25	16	20	86	0	Không đạt	38	
1387	B19DCCN378	Nguyễn Thị	Linh	D19CQCN06-B	8.0	8.0		8.0		35	50	64	70	219	5.5		38	
1388	B19DCKT109	Cao Hương	Ly	D19CQKT01-B	7.0	6.0		7.0		40	72	82	70	264	6.6		38	
1389	B19DCCN464	Ngô Thế	Nghĩa	D19CQCN08-B	8.0	8.0		8.0		65	55	48	70	238	6		38	
1390	B19DCCN488	Bùi Cảnh	Nhuận	D19CQCN08-B	7.0	6.0		6.0		90	71	72	70	303	7.6		38	
1391	B19DCVT284	Hoàng Minh	Phú	D19CQVT04-B	6.0	6.0		6.0		35	47	43	40	165	4.1		38	
1392	B19DCKT136	Lê Thị Thu	Phương	D19CQKT04-B	7.0	7.0		7.0		40	43	74	60	217	5.4		38	
1393	B19DCKT142	Vũ Thị	Phượng	D19CQKT02-B	7.0	7.0		8.0		45	56	51	70	222	5.6		38	
1394	B19DCCN521	Đỗ Ngọc	Quang	D19CQCN05-B	6.0	5.0		5.0		55	43	51	70	219	5.5		38	
1395	B19DCKT144	Nguyễn Dư	Quỳnh	D19CQKT04-B	7.0	7.0		7.0		90	71	72	40	273	6.8		38	
1396	B19DCCN573	Nguyễn Phi	Tân	D19CQCN09-B	7.0	7.0		7.0		90	84	90	65	329	8.2		38	
1397	B19DCKT158	Tạ Thị Phương	Thảo	D19CQKT02-B	8.0	8.0		8.0		40	59	79	80	258	6.5		38	
1398	B19DCCN662	Tào Văn	Thắng	D19CQCN04-B	6.0	6.0		6.0		55	55	66	75	251	6.3		38	
1399	B19DCVT390	Hà Minh	Thế	D19CQVT06-B	6.0	7.0		6.0		70	62	64	50	246	6.2		38	
1400	B19DCKT179	Nguyễn Hà	Trang	D19CQKT03-B	7.0	7.0		7.0		50	17	67	70	204	0	Không đạt	38	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1401	B19DCCN628	Nguyễn Mạnh	Tùng	D19CQCN04-B	6.5	6.5		6.5		80	62	64	65	271	6.8		38	
1402	B19DCVT364	Nguyễn Thanh	Tuyền	D19CQVT04-B	6.0	6.0		6.0		40	30	43	75	188	4.7		38	
1403	B19DCCN009	Đặng Tuấn	Anh	D19CQCN09-B	8.0	6.5		7.5		40	67	59	70	236	5.9		39	
1404	B19DCMR012	Trần Thị Hồng	Anh	D19CQMR04-B	8.0	9.0		8.0		70	60	51	65	246	6.2		39	
1405	B19DCCN095	Phạm Thị Ngọc	Châm	D19CQCN11-B	9.0	8.0		7.5		50	57	64	50	221	5.5		39	
1406	B19DCVT042	Lê Văn	Chiến	D19CQVT02-B	6.0	6.0		6.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	39	
1407	B19DCCN111	Phạm Thị Ngọc	Diễm	D19CQCN03-B	8.0	6.5		7.0		85	68	59	60	272	6.8		39	
1408	B19DCQT035	Hoàng Thị Thùy	Dung	D19CQQT03-B	8.0	7.5		8.0		95	68	62	55	280	7		39	
1409	B17DCQT026	Lâm Tiến	Dũng	D17TMDT1	6.0	6.5		6.0		95	76	64	90	325	8.1		39	
1410	B19DCCN159	Trần Thị Thùy	Dương	D19CQCN03-B	9.0	8.0		8.0		35	31	62	50	178	4.5		39	
1411	B19DCVT094	Nghiêm Phú	Đức	D19CQVT06-B	7.0	6.5		7.0		35	39	72	50	196	4.9		39	
1412	B19DCAT046	Nguyễn Minh	Đức	D19CQAT02-B	9.0	7.5		8.0		15	8	13	40	76	0	Không đạt	39	
1413	B19DCAT048	Trần Minh	Đức	D19CQAT04-B	7.0	7.0		7.0		20	4	0	10	34	0	Không đạt	39	
1414	B19DCAT052	Hán Việt	Hà	D19CQAT04-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	39	Nợ HP
1415	B19DCKT047	Trần Thị Diệp	Hà	D19CQKT03-B	9.0	7.5		8.0		25	32	56	40	153	0	Không đạt	39	
1416	B19DCVT127	Trương Gia	Hiền	D19CQVT07-B	7.0	7.0		7.5		90	60	64	80	294	7.4		39	
1417	B19DCVT135	Nguyễn Anh	Hiếu	D19CQVT07-B	9.0	7.5		8.0		40	33	18	10	101	0	Không đạt	39	
1418	B19DCDT096	Phạm Vũ	Hoàng	D19CQDT04-B	7.0	6.5		7.5		55	42	38	60	195	4.9		39	
1419	B19DCPT098	Bùi Quang	Hồng	D19TKDPT2	9.0	7.0		8.0		70	59	72	90	291	7.3		39	
1420	B19DCAT083	Triệu Xuân	Hùng	D19CQAT03-B	9.0	7.5		7.0		70	63	64	80	277	6.9		39	
1421	B19DCCN329	Phan Thiên	Hưng	D19CQCN05-B	7.0	8.0		7.0		75	48	75	45	243	6.1		39	
1422	B19DCCN336	Đinh Thị	Hương	D19CQCN12-B	7.0	8.0		7.5		65	52	67	65	249	6.2		39	
1423	B19DCTT057	Trương Thị Lan	Hương	D19CQTT01-B	7.0	8.0		7.5		95	71	80	80	326	8.2		39	
1424	B19DCVT193	Nguyễn Trung	Kiên	D19CQVT01-B	7.0	8.0		7.5		20	40	60	10	130	0	Không đạt	39	
1425	B18DCCN362	Trần Hoàng	Long	D18CNPM6	6.0	6.0		6.5		V	V	V	10	V	V	Vắng	39	
1426	B19DCAT124	Nguyễn Văn	Mạnh	D19CQAT04-B	7.0	7.0		7.0		H	H	H	H	H	I	Vắng có phép	39	
1427	B19DCPT168	Nguyễn Khắc	Nam	D19TKDPT2	6.0	7.0		7.0		20	28	38	10	96	0	Không đạt	39	
1428	B19DCCN506	Vũ Kim	Phúc	D19CQCN02-B	9.0	7.5		8.0		80	80	85	75	320	8		39	
1429	B19DCPT177	Nguyễn Thu	Phương	D19TKDPT1	7.0	7.0		7.5		30	47	72	60	209	5.2		39	
1430	B19DCDT183	Đỗ Xuân	Quỳnh	D19CQDT03-B	9.0	8.5		9.0		25	18	51	70	164	0	Không đạt	39	
1431	B19DCAT148	Nguyễn Đình	Sáng	D19CQAT04-B	7.0	7.0		7.5		30	18	25	45	118	0	Không đạt	39	
1432	B19DCAT152	Ngô Hoàng Trường	Sơn	D19CQAT04-B	9.0	7.5		8.0		30	63	72	50	215	5.4		39	
1433	B19DCVT313	Mầu Văn	Tài	D19CQVT01-B	6.0	6.0		6.0		25	17	38	40	120	0	Không đạt	39	
1434	B19DCAT189	Nguyễn Anh	Thiên	D19CQAT01-B	7.0	7.0		7.0		25	12	5	40	82	0	Không đạt	39	
1435	B19DCAT159	Mai Hoàng	Tiến	D19CQAT03-B	7.0	8.0		7.0		35	47	32	10	124	0	Không đạt	39	
1436	B19DCTM077	Nguyễn Quỳnh	Trang	D19CQTM01-B	6.0	6.5		7.0		H	H	H	40	H	I	Vắng có phép	39	
1437	B19DCKT181	Nguyễn Thuỳ	Trang	D19CQKT01-B	8.0	8.0		8.0		45	42	69	60	216	5.4		39	
1438	B19DCAT198	Đàm Văn	Trung	D19CQAT02-B	9.0	7.5		8.0		90	64	67	80	301	7.5		39	
1439	B19DCDT248	Trần Quốc	Trung	D19CQDT04-B	7.0	7.5		7.5		80	63	48	70	261	6.5		39	
1440	B19DCVT433	Nguyễn Mạnh	Việt	D19CQVT01-B	6.0	6.5		6.5		20	20	43	30	113	0	Không đạt	39	
1441	B19DCKT025	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	D19CQKT01-B	8.0	7.5		7.0		15	58	53	45	171	0	Không đạt	40	
1442	B19DCMR039	Phạm Văn	Duy	D19CQMR03-B	9.0	8.0		8.0		90	52	72	60	274	6.9		40	
1443	B19DCCN146	Bùi Hải	Dương	D19CQCN02-B	9.0	8.0		8.0		75	43	77	90	285	7.1		40	
1444	B18DCCN134	Đào Văn	Đạt	D18HTTT2	7.0	6.5		7.0		30	60	31	65	186	4.7		40	
1445	B19DCPT042	Đặng Thành	Đạt	D19TKDPT1	5.0	5.0		5.0		70	55	64	V	V	V	Vắng	40	
1446	B16DCCN054	Nguyễn Tuấn	Đăng	D17CNPM3	6.0	6.5		6.0		25	24	64	65	178	0	Không đạt	40	
1447	B19DCVT088	Nguyễn Trí	Đông	D19CQVT08-B	7.0	6.5		7.0		80	80	80	50	290	7.3		40	
1448	B19DCCN219	Phan Thanh	Hải	D19CQCN03-B	9.0	7.5		8.0		95	71	77	10	253	0	Không đạt	40	
1449	B19DCKT055	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		35	51	69	75	230	5.8		40	
1450	B19DCCN248	Nguyễn Minh	Hiếu	D19CQCN08-B	8.0	8.0		8.0		55	39	67	70	231	5.8		40	
1451	B19DCVT167	Nguyễn Minh	Hùng	D19CQVT07-B	8.0	7.5		8.0		45	22	0	10	77	0	Không đạt	40	
1452	B19DCCN300	Nguyễn Trọng	Hùng	D19CQCN12-B	9.0	8.0		7.0		80	60	77	60	277	6.9		40	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1453	B19DCMR079	Lê Quang	Huy	D19CQMR03-B	8.0	8.0		8.0		80	51	64	70	265	6.6		40	
1454	B19DCPT116	Bùi Thị	Hương	D19TKDPT1	9.0	7.5		8.0		45	76	77	50	248	6.2		40	
1455	B19DCCN341	Vũ Bá	Hướng	D19CQCN05-B	8.0	7.0		7.0		95	66	77	70	308	7.7		40	
1456	B19DCPT128	Đỗ Phương	Khánh	D19TKDPT3	8.0	7.0		7.0		30	47	69	40	186	4.7		40	
1457	B19DCKT083	Bùi Thị	Khuyên	D19CQKT03-B	9.0	8.0		7.5		35	39	77	50	201	5		40	
1458	B19DCCN731	Triệu Ông	Lai	D19CQCN01-B	9.0	8.0		7.5		75	64	80	60	279	7		40	
1459	B19DCKT095	Nguyễn Thị	Linh	D19CQKT03-B	9.0	8.0		7.5		80	72	85	50	287	7.2		40	
1460	B19DCKT105	Đào Ngọc	Long	D19CQKT01-B	6.0	6.5		6.0		25	42	44	10	121	0	Không đạt	40	
1461	B19DCVT233	Nguyễn Đức	Long	D19CQVT01-B	7.0	7.0		7.0		70	68	54	65	257	6.4		40	
1462	B19DCCN449	Nguyễn Công	Nam	D19CQCN05-B	7.0	8.0		8.0		55	47	49	80	231	5.8		40	
1463	B19DCKT123	Phạm Linh	Ngân	D19CQKT03-B	9.0	8.0		7.5		40	43	72	65	220	5.5		40	
1464	B19DCTM058	Lã Thị Kim	Oanh	D19CQTM02-B	9.0	8.5		7.5		45	55	51	50	201	5		40	
1465	B19DCKT140	Đỗ Thị	Phượng	D19CQKT04-B	9.0	8.0		8.0		40	68	59	60	227	5.7		40	
1466	B19DCKT141	Lê Minh	Phượng	D19CQKT01-B	9.0	8.5		8.0		45	67	63	60	235	5.9		40	
1467	B19DCMR151	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D19CQMR03-B	7.0	6.5		7.0		90	55	61	70	276	6.9		40	
1468	B19DCCN564	Đặng Văn	Tài	D19CQCN12-B	9.0	7.5		8.0		65	51	38	70	224	5.6		40	
1469	B19DCCN636	Đào Duy	Thái	D19CQCN12-B	9.0	8.0		8.0		65	51	38	80	234	5.9		40	
1470	B19DCVT378	Nguyễn Đình	Thạo	D19CQVT02-B	9.0	8.0		8.0		65	80	90	55	290	7.3		40	
1471	B19DCPT233	Trương Ngọc	Thúy	D19TKDPT2	7.0	7.5		7.0		85	84	82	80	331	8.3		40	
1472	B19DCCN586	Nguyễn Văn	Tình	D19CQCN10-B	9.0	8.0		7.5		80	76	72	75	303	7.6		40	
1473	B19DCKT151	Nguyễn Thị	Toàn	D19CQKT03-B	9.0	8.0		8.0		20	47	25	50	142	0	Không đạt	40	
1474	B19DCCN600	Nguyễn Văn	Tú	D19CQCN12-B	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	40	
1475	B19DCVT342	Nguyễn Anh	Tuấn	D19CQVT06-B	9.0	7.0		7.0		85	50	77	60	272	6.8		40	
1476	B19DCMR199	Hoàng Diệu	Vi	D19CQMR03-B	9.0	7.5		8.0		75	47	56	75	253	6.3		40	
1477	B19DCMR009	Nguyễn Quốc	Anh	D19CQMR01-B	9.0	8.0		8.0		70	56	51	85	262	6.6		41	
1478	B19DCQT011	Nguyễn Thuỳ	Anh	D19CQQT03-B	8.0	8.0		8.0		90	68	82	90	330	8.3		41	
1479	B19DCQT018	Nguyễn Thị Minh	Ánh	D19CQQT02-B	9.0	9.0		7.0		30	62	54	78	224	5.6		41	
1480	B19DCVT024	Đoàn Văn	Bách	D19CQVT08-B	8.0	8.5		9.0		60	67	54	70	251	6.3		41	
1481	B19DCMR026	Lưu Thị Linh	Chi	D19CQMR02-B	9.0	8.0		8.0		50	72	92	60	274	6.9		41	
1482	B19DCMR021	Nguyễn Thành	Công	D19CQMR01-B	9.0	8.0		9.0		75	59	64	85	283	7.1		41	
1483	B19DCMR022	Nguyễn Thị Tú	Cơ	D19CQMR02-B	6.0	7.0		9.0		55	71	74	80	280	7		41	
1484	B19DCCN108	Đặng Công	Danh	D19CQCN12-B	9.0	9.0		7.0		40	54	82	95	271	6.8		41	
1485	B19DCAT029	Kiều Khánh	Duy	D19CQAT01-B	8.0	8.0		7.0		90	79	72	10	251	0	Không đạt	41	
1486	B19DCMR042	Vũ Thị	Duyên	D19CQMR02-B	9.0	9.0		7.0		45	55	72	70	242	6.1		41	
1487	B19DCDT049	Nguyễn Hữu Thành	Đạt	D19CQDT01-B	9.0	9.0		9.0		85	62	84	97	328	8.2		41	
1488	B19DCAT049	Trần Trung	Đức	D19CQAT01-B	7.0	7.0		9.0		90	80	75	85	330	8.3		41	
1489	B19DCCN201	Trần Văn	Đức	D19CQCN09-B	7.0	7.0		7.0		5	21	5	10	41	0	Không đạt	41	
1490	B19DCDT065	Hoàng Trường	Giang	D19CQDT01-B	6.0	6.0		8.0		90	50	64	77	281	7		41	
1491	B19DCCN210	Đinh Văn	Giới	D19CQCN06-B	9.0	9.0		9.0		70	80	54	10	214	0	Không đạt	41	
1492	B19DCAT065	Đinh Quang	Hiếu	D19CQAT01-B	9.0	9.0		9.0		90	84	72	65	311	7.8		41	
1493	B19DCDT077	Nguyễn Quốc	Hiếu	D19CQDT01-B	7.0	7.0		9.0		90	62	59	70	281	7		41	
1494	B19DCAT073	Trần Trung	Hiếu	D19CQAT01-B	8.0	8.0		9.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	41	
1495	B19DCKT074	Lê Thị	Huyền	D19CQKT02-B	9.0	9.0		9.0		40	43	75	50	208	5.2		41	
1496	B19DCQT079	Nguyễn Thị	Hương	D19CQQT03-B	9.0	9.0		7.0		25	36	48	60	169	0	Không đạt	41	
1497	B19DCVT214	Nguyễn Tiến	Lâm	D19CQVT06-B	9.0	9.0		7.0		75	41	77	40	233	5.8		41	
1498	B19DCAT111	Lê Thị	Linh	D19CQAT03-B	9.0	9.0		8.0		75	59	66	85	285	7.1		41	
1499	B19DCQT096	Nguyễn Văn	Mạnh	D19CQQT04-B	9.0	9.0		8.0		20	0	16	10	46	0	Không đạt	41	
1500	B19DCQT103	Nguyễn Phương	Nam	D19CQQT03-B	7.0	7.0		8.0		65	51	46	10	172	0	Không đạt	41	
1501	B19DCDT157	Đặng Phương	Năm	D19CQDT01-B	7.0	7.0		7.0		90	62	69	80	301	7.5		41	
1502	B19DCCN507	Hoàng Hữu	Phước	D19CQCN03-B	8.0	8.0		8.0		45	10	77	10	142	0	Không đạt	41	
1503	B19DCMR141	Cao Thị	Phương	D19CQMR01-B	8.0	8.0		9.0		60	54	67	78	259	6.5		41	
1504	B19DCAT141	Nguyễn Minh	Phương	D19CQAT01-B	8.0	8.0		6.0		90	84	72	85	331	8.3		41	

Học phần: Tiếng Anh A22 | **BAS1144** | **Nhóm thi: 01**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi: 25/12/2021** **Giờ thi: 08:00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Mã đề	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Điểm KTHP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
										Nghe	Đọc	Viết	Nói					
		Trọng số:			0	0	0	0							100			
1505	B19DCDT180	Dương Xuân	Quyền	D19CQDT04-B	7.0	7.0		9.0		50	58	75	70	253	6.3		41	
1506	B19DCQT140	Nguyễn Thị	Quỳnh	D19CQQT04-B	8.0	8.0		8.0		45	50	95	85	275	6.9		41	
1507	B19DCKT167	Trịnh Thị	Thủy	D19CQKT03-B	9.0	9.0		8.5		90	29	54	73	246	0	Không đạt	41	
1508	B19DCCN583	Phùng Bá	Tiến	D19CQCN07-B	6.0	6.0		7.0		55	42	8	10	115	0	Không đạt	41	
1509	B19DCQT174	Trần Huyền	Trang	D19CQQT02-B	9.0	9.0		8.0		55	59	72	55	241	6		41	
1510	B19DCQT176	Nguyễn Ngọc	Triệu	D19CQQT04-B	8.0	8.0		8.0		90	64	67	73	294	7.4		41	
1511	B19DCMR196	Đào Thị Bích	Vân	D19CQMR04-B	8.0	8.5		8.0		85	72	95	65	317	7.9		41	
1512	B17DCCN010	Đoàn Hoàng	Anh	D17CNPM5	0.0	0.0		0.0		C	C	C	C	C	C	Không đủ ĐKDT	42	
1513	B18DCCN039	Trần Thị Vân	Anh	D18HTTT3	8.0	7.0		7.0		25	35	5	10	75	0	Không đạt	42	
1514	B18DCVT029	Cao Xuân	Bách	D18CQVT05-B	9.0	9.0		9.0		100	71	77	100	348	8.7		42	
1515	B19DCVT071	Trần Hải	Dương	D19CQVT07-B	9.0	9.0		9.0		75	67	69	80	291	7.3		42	
1516	B19DCPT040	Phạm Văn	Đang	D19PTDPT	9.0	8.0		7.0		35	46	23	10	114	0	Không đạt	42	
1517	B19DCDT048	Nguyễn Đắc	Đạt	D19CQDT04-B	9.0	8.0		8.0		55	20	59	65	199	0	Không đạt	42	
1518	B18DCCN170	Nguyễn Huy	Đức	D18HTTT3	8.0	7.0		7.0		35	26	20	10	91	0	Không đạt	42	
1519	B19DCKT037	Cấn Thị Thùy	Giang	D19CQKT01-B	8.0	8.0		7.0		25	42	77	65	209	0	Không đạt	42	
1520	B19DCPT083	Ngô Anh	Hiếu	D19TKDPT2	8.0	7.0		8.0		80	65	61	80	286	7.2		42	
1521	B19DCAT068	Nguyễn Trung	Hiếu	D19CQAT04-B	8.0	8.0		7.0		20	35	0	10	65	0	Không đạt	42	
1522	B19DCDT083	Tạ Huy	Hiệu	D19CQDT03-B	4.0	4.0		4.0		25	26	0	10	61	0	Không đạt	42	
1523	B19DCKT069	Hoàng Thu	Hoài	D19CQKT01-B	5.0	6.0		6.0		40	44	64	10	158	0	Không đạt	42	
1524	B19DCPT095	Phạm Minh	Hoàng	D19TKDPT3	5.0	5.0		5.0		70	50	24	10	154	0	Không đạt	42	
1525	B19DCDT100	Trần Mạnh	Hợp	D19CQDT04-B	8.0	7.0		8.0		55	52	51	45	203	5.1		42	
1526	B19DCVT164	Lê Ngọc	Hùng	D19CQVT04-B	7.0	7.0		7.0		30	42	33	70	175	4.4		42	
1527	B19DCQT073	An Thị Thu	Huyền	D19CQQT01-B	9.0	8.0		8.0		40	56	56	80	232	5.8		42	
1528	B19DCDT116	Nguyễn Văn	Khải	D19CQDT04-B	8.0	7.0		7.0		75	39	43	70	227	5.7		42	
1529	B19DCDT125	Nhữ Thái	Khôi	D19CQDT01-B	8.0	7.0		8.0		70	67	56	87	280	7		42	
1530	B19DCDT132	Nguyễn Xuân	Linh	D19CQDT04-B	8.0	7.0		7.0		10	8	0	10	28	0	Không đạt	42	
1531	B19DCKT102	Trần Thị Mai	Linh	D19CQKT02-B	8.0	8.0		8.0		25	34	43	55	157	0	Không đạt	42	
1532	B19DCDT142	Hồ Văn Thành	Minh	D19CQDT02-B	9.0	9.0		8.0		55	76	72	70	273	6.8		42	
1533	B18DCVT301	Ngô Văn	Nam	D18CQVT05-B	5.0	5.0		5.0		30	20	0	10	60	0	Không đạt	42	
1534	B19DCMR122	Đoàn Thị	Ngọc	D19CQMR02-B	8.0	6.0		6.0		15	16	0	10	41	0	Không đạt	42	
1535	B19DCDT166	Bùi Hồng	Phúc	D19CQDT02-B	6.0	7.0		7.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	42	
1536	B19DCPT180	Đoàn Đắc	Quang	D19PTDPT	7.0	8.0		8.0		V	V	V	V	V	V	Vắng	42	
1537	B19DCVT308	Đỗ Hoàng	Sơn	D19CQVT04-B	8.0	9.0		9.0		95	62	82	80	319	8		42	
1538	B19DCCN574	Nguyễn Văn	Tân	D19CQCN10-B	8.0	8.0		8.0		65	63	52	10	190	0	Không đạt	42	
1539	B19DCCN641	Phạm Văn	Thái	D19CQCN05-B	7.0	7.0		7.0		30	55	51	10	146	0	Không đạt	42	
1540	B19DCQT153	Nguyễn Thị	Thắm	D19CQQT01-B	8.0	8.0		7.0		60	47	64	95	266	6.7		42	
1541	B19DCDT233	Nguyễn Viết	Thắng	D19CQDT01-B	8.0	8.0		8.0		65	76	72	83	296	7.4		42	
1542	B19DCKT174	Chu Thùy	Trang	D19CQKT02-B	6.0	8.0		8.0		80	47	62	93	282	7.1		42	
1543	B19DCDT249	Nguyễn Nam	Trường	D19CQDT01-B	8.0	8.0		8.0		65	68	67	85	285	7.1		42	
1544	B19DCVT346	Trần Huy	Tuấn	D19CQVT02-B	8.0	8.0		9.0		80	46	53	90	269	6.7		42	
1545	B19DCDT212	Nguyễn Thị	Tuyết	D19CQDT04-B	8.0	8.0		7.0		40	33	54	70	197	4.9		42	
1546	B19DCCN715	Nguyễn Văn	Việt	D19CQCN02-B	7.0	7.0		8.0		65	46	40	70	221	5.5		42	
1547	B18DCCN698	Phan Ánh	Vương	D18HTTT3	7.0	7.0		8.0		15	42	10	10	77	0	Không đạt	42	
1548	B19DCDT257	Nguyễn Văn	Xuân	D19CQDT01-B	7.0	8.0		7.0		70	71	72	75	288	7.2		42	

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

CÁN BỘ KHÓP PHÁCH **TRƯỞNG TRUNG TÂM**

SỐ 1 **SỐ 2**

Ngô Thị Minh Thu **Trịnh Thị Hằng** **Trần Thị Mỹ Hạnh**

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70220	BAS1144	01
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70281	BAS1144	02
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70255	BAS1144	03
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	70182	BAS1144	04
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	05
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70244	BAS1144	06
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	08:00	70253	BAS1144	07
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70253	BAS1144	08
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70244	BAS1144	09
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70255	BAS1144	10
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70281	BAS1144	11
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70182	BAS1144	12
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	70220	BAS1144	13
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	14
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	70244	BAS1144	15
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	0852266898	BAS1144	16
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70281	BAS1144	17
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70253	BAS1144	18
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70255	BAS1144	19
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	70182	BAS1144	20
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	13:30	79729	BAS1144	21
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70182	BAS1144	22
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70253	BAS1144	23
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70255	BAS1144	24
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	70281	BAS1144	25
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	0852266898	BAS1144	26
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	79729	BAS1144	27
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28
25/12/2021	15:30	70244	BAS1144	28

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	70281	BAS1144	29
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	0852266898	BAS1144	30
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70220	BAS1144	31
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70182	BAS1144	32
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70244	BAS1144	33
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70255	BAS1144	34
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	08:00	70253	BAS1144	35
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70281	BAS1144	36
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70253	BAS1144	37
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	70220	BAS1144	38
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	0852266898	BAS1144	39
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70255	BAS1144	40
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41

Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70244	BAS1144	41
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42
26/12/2021	10:00	70182	BAS1144	42